



BAOVIET  **Securities**
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BAOVIET  **Securities**
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Hệ sinh thái là một hệ thống mở gồm các thành phần chuyển động và tĩnh được kết nối chặt chẽ để tạo nên một liên kết hoàn chỉnh & có tính tuần hoàn, trở thành một hệ thống tự vận động & phát triển theo thời gian. Nếu như con người là một hệ thống tự vận động khi được phát triển đầy đủ và hoàn chỉnh, mà ở đó “trái tim” là trung tâm, thì với mỗi tổ chức nguồn nhân lực chính là “trái tim” kết nối mọi hoạt động để tổ chức được vận hành và phát triển.

Năm 2021 là năm khởi đầu cho một tiến trình phát triển mới giai đoạn 2021 -2025, với tầm nhìn của BVSC là “Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số”. Năm 2021 cũng là năm BVSC tiếp tục những bước chuyển đổi trong quá trình hoàn thiện hệ sinh thái số hướng tới mục tiêu phát triển bền vững hơn.

Mục lục

01

GIỚI THIỆU CHUNG

| | |
|--|----|
| Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản trị | 7 |
| Thông tin chung về Công ty | 8 |
| Các chỉ số cơ bản KPIs | 21 |

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|--|----|
| Cơ cấu tổ chức | 26 |
| Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành | 28 |
| Thông tin dành cho Cổ đông | 32 |
| Hội đồng Quản trị | 44 |
| Ban kiểm soát | 55 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc | 62 |
| Kiểm toán nội bộ | 66 |
| Quản trị rủi ro | 70 |
| Thực hiện các quy định về Quản trị công ty | 85 |

03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2021

| | |
|---------------------------------------|-----|
| Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2021 | 92 |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 97 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc | 104 |

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022

| | |
|--|-----|
| Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 | 136 |
| Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022 | 138 |

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI

| | |
|---|-----|
| GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn 2016 | 152 |
| Thông điệp về PTBV của Tổng giám đốc | 154 |
| GRI 200: Kinh tế | 164 |
| GRI 300: Môi trường | 169 |
| GRI 400: Xã hội | 174 |
| Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL | 204 |
| Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL | 206 |

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|------------------------------------|-----|
| Báo cáo tài chính | 210 |
| Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính | 288 |



01

Giới thiệu chung

“NĂM 2022, THỊ TRƯỜNG DỰ BÁO SẼ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VÀ MANG LẠI NHỮNG CƠ HỘI MỚI, CŨNG LÀ CƠ HỘI ĐỂ BVSC TIẾP TỤC NỖ LỰC THỰC HIỆN SỨ MỆNH “TRAO NIỀM TIN VỮNG CHẮC” THÔNG QUA CÁC TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ MANG TỚI QUÝ KHÁCH HÀNG VÀ GIÁ TRỊ CÔNG TY ĐƯỢC NHẬN LÊN CHO CỔ ĐÔNG.”

Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tiếp tục làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm. Tuy nhiên, năm 2021 tiếp tục là năm bùng nổ của Thị trường chứng khoán Việt Nam (“TTCK”) với sự tăng trưởng mạnh về mọi phương diện, từ chỉ số chứng khoán, thanh khoản, số lượng nhà đầu tư. Kết thúc năm, chỉ số VnIndex đóng cửa tại 1.498,28 điểm tăng 36%; chỉ số HnxIndex đóng cửa tại 473,99 điểm tăng 133%; chỉ số UpcomIndex đóng cửa tại 112,68 điểm tăng 51% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, với bình quân giá trị giao dịch trên cả 3 sàn đạt 26,661 tỷ đồng/phiên, tăng 259% so với bình quân năm 2020. Đây là những nhân tố tích cực tác động tới hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng.

Với BVSC, năm 2021 là năm khởi đầu cho một tiến trình phát triển mới giai đoạn 2021 -2025 hướng tới mục tiêu phát triển bền vững hơn. Nắm bắt cơ hội của TTCK, chủ động & linh hoạt trong công tác phòng chống dịch của Chính phủ để đề ra những quyết sách kịp thời, giải pháp đúng đắn, vận dụng một cách hiệu quả các công cụ làm việc trên nền tảng số, với nỗ lực và quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV, BVSC đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch

kinh doanh được ĐHCĐ thường niên năm 2021 giao, cụ thể: doanh thu đạt 1147,19 tỷ đồng, bằng 130,4% so với kế hoạch và 192,9% so cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 282,94 tỷ đồng, bằng 140,1% so với kế hoạch và bằng 213,7% so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, các nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đồng bộ bám sát định hướng chiến lược của Công ty. Trong năm 2021 BVSC cho ra mắt nhiều sản phẩm & dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm của BVSC như: dịch vụ mở tài khoản trực tuyến dựa trên công nghệ nhận diện khuôn mặt eKYC; ra mắt sản phẩm BVS - Value - nhận Ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng ...

Năm 2022, thị trường dự báo sẽ tiếp tục phát triển và mang lại những cơ hội mới, cũng là cơ hội để BVSC tiếp tục nỗ lực thực hiện sứ mệnh “Trao niềm tin vững chắc” thông qua các trải nghiệm dịch vụ mang tới quý khách hàng và giá trị công ty được nhân lên cho cổ đông.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng với BVSC. Xin kính chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng./.

TM. HĐQT

**Chủ tịch
Nguyễn Hồng Tuấn**

Thông tin chung về công ty

Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC") được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

BVSC là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

| | |
|---|---|
| Tên giao dịch: | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: | Số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999. |
| Vốn điều lệ: | 722.339.370.000 đồng. |
| Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021: | 2.144.451.663.109 đồng. |
| Địa chỉ: | Tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. |
| Điện thoại: | (84-24) 3.928.8080. |
| Fax: | (84-24) 3.928.9888. |
| Website: | www.bvsc.com.vn |
| Mã cổ phiếu: | BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX"). |



Sứ mệnh

Trao "Niềm tin vững chắc" cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền".



Tầm nhìn

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số để mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, và sự hài lòng nhất cho cổ đông.



Giá trị cốt lõi

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.



Lịch sử phát triển

1999

Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2006

- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.
- Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2009

- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng.
- Khai trương PGD số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

2011

Khai trương PGD Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch, quận Từ Liêm, Hà Nội.

2016

- Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về số 90 Cao Thắng và đổi tên thành PGD Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019

Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành PGD Thanh Xuân.

2000

Thành lập Chi nhánh và khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.
- Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) số 1 tại 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.
- Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Thành lập PGD 11 Nguyễn Công Trứ tại số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2015

- Thành lập PGD Láng Hạ tại số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Thành lập PGD 233 Đồng Khởi tại số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển PGD Mỹ Đình về địa chỉ số 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành PGD Kim Mã.

2017

- Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thành lập PGD số 174 Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2021

Chuyển trụ sở chính từ tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm sang số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các lĩnh vực hoạt động



Môi Giới Chứng Khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 22 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có hơn 75 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, Templeton, Trowe, JP Morgan, Manulife, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết "Lấy khách hàng làm trọng tâm" trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm trên nền tảng số để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các tổ chức.



Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và căn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD").



Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.



Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp ("M&A") và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả" và mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.



Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp... Các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo. Ngoài ra, BVSC cung cấp các sản phẩm ủy thác đầu tư dựa trên ứng dụng công nghệ như BVS - Value; BVS - Active ...giúp gia tăng sự lựa chọn linh hoạt cho khách hàng.

Mạng lưới hoạt động

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3.928 8080.

Fax: (84-24) 3.928 9888.

Email: info-bvsc@baoviet.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

Phòng giao dịch Hội sở

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phòng giao dịch số 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phòng giao dịch Thanh Xuân

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phòng giao dịch Láng Hạ

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Hotline các PGD tại Hội sở: (84-24) 3.928 8080

Fax: (84-24) 3.928 9888

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3.914.6888.

Fax: (84-28) 3.914 .999.

Email: info.hcm@baoviet.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Cao Thắng

Địa chỉ: 81 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

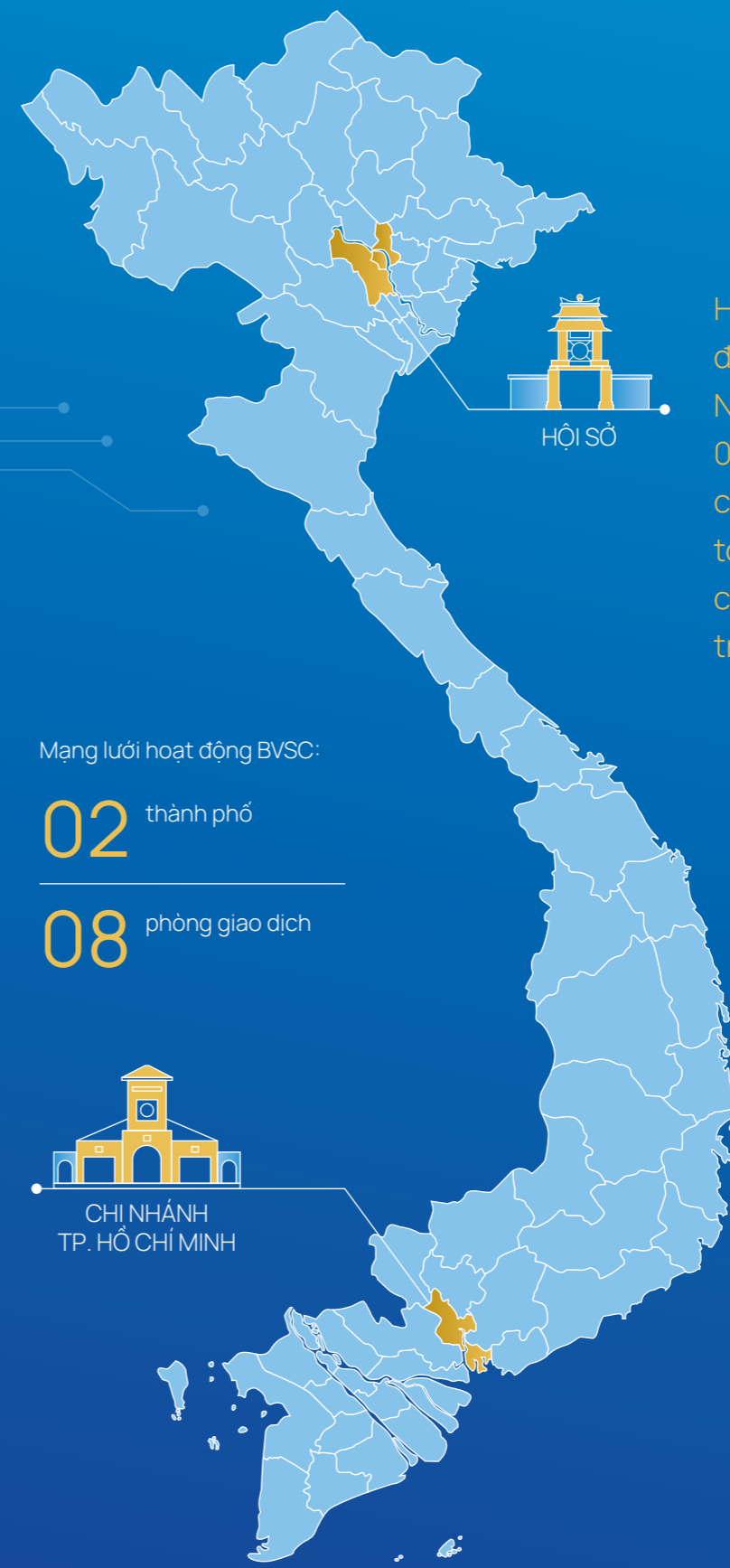
Phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong

Địa chỉ: 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline các PGD tại

Chi nhánh TP HCM: (84-28) 3914 6888

Fax: (84-28) 3.914 .999



Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Mạng lưới hoạt động BVSC:

02 thành phố

08 phòng giao dịch



Giải thưởng

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh



Thủ tướng chính phủ

- Cờ thi đua Chính Phủ 2019
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2020

Bộ Tài chính

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017.
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017 - 2021.



Ủy ban
Chứng khoán
Nhà nước

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.
- Bằng khen về thành tích trong xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 - 2020



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.



Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019.



TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
VIETNAM SECURITIES DEPOSITORY

Trung tâm lưu ký chứng khoán

- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 – 2020.

Kể từ khi thành lập (năm 1999) đến nay, BVSC đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất.

Giải thưởng

Giải thưởng khác



Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

- Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.



Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

- Top 200 Sao vàng đất Việt 2015.
- Top 100 Sao vàng đất Việt 2018.



Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tiến hành

- Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 04 năm liên tiếp 2018 – 2021.
- Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021



Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam

- Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 4 năm liên tiếp 2017-2020.



Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững

- Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 04 năm liên tiếp 2018 – 2021.



Diễn đàn M&A thường niên

- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa /thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009 – 2018.

Giải thưởng

Giải thưởng Quốc tế



Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 – 2017.
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017.
- Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021



International Finance Magazine (Anh Quốc)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 -2019.
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.



International Business Magazine (UAE)

- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2020.



Global Business Outlook Awards

- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2021



World Economic

- Tổ chức môi giới chứng khoán có hoạt động bền vững nhất 2021

Các chỉ số cơ bản (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

| I. CHỈ TIÊU CƠ BẢN | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|--|---------------|---------------|---------------|---------------|-----------------|
| Tổng doanh thu & thu nhập khác | 483,68 | 547,58 | 563,65 | 594,15 | 1 147,11 |
| • Doanh thu môi giới. | 207,67 | 171,59 | 135,86 | 151,39 | 467,67 |
| • Lãi đầu tư các tài sản tài chính. | 115,36 | 167,05 | 192,83 | 212,91 | 255,98 |
| • Lãi từ các khoản cho vay và phải thu. | 122,54 | 168,79 | 193,70 | 174,09 | 361,77 |
| • Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đầu giá. | 0,93 | 0,28 | 0,06 | 14,62 | 28,33 |
| • Doanh thu tư vấn. | 8,40 | 7,33 | 11,02 | 6,85 | 12,70 |
| • Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK. | 5,99 | 6,52 | 5,85 | 5,68 | 9,23 |
| • Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác. | 22,80 | 26,02 | 24,34 | 28,61 | 11,44 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 153,21 | 122,74 | 151,29 | 154,37 | 351,59 |
| Lợi nhuận khác. | (0,78) | (0,26) | (0,13) | (0,04) | (0,56) |
| Lợi nhuận trước thuế. | 152,42 | 122,48 | 151,16 | 154,33 | 351,03 |
| Lợi nhuận sau thuế. | 122,44 | 103,53 | 135,51 | 132,38 | 282,94 |
| Lợi nhuận thực hiện sau thuế. | 112,88 | 131,65 | 127,93 | 105,03 | 232,20 |
| Tổng tài sản | 2 198,95 | 2 927,16 | 2 397,85 | 3 412,99 | 5 719,30 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | 1 698,10 | 1 692,15 | 1 806,63 | 1 874,74 | 2 144,45 |
| II. CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ | | | | | |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng. | 702% | 738% | 714% | 518% | 489% |
| Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn). | 3,55 | 2,79 | 12,26 | 2,15 | 1,60 |
| Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn). | 3,48 | 2,75 | 12,02 | 2,13 | 1,54 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu. | 1.479 | 1.741 | 1.693 | 1.389 | 3.042 |



Sức mạnh liên kết

Là một DNNY minh bạch tiêu biểu trong nhiều năm liên tiếp, chúng tôi ý thức về tầm quan trọng của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty để gia tăng giá trị cho cổ đông. Đó cũng là cách để chúng tôi hoàn thiện chính mình cho mục tiêu phát triển bền vững.

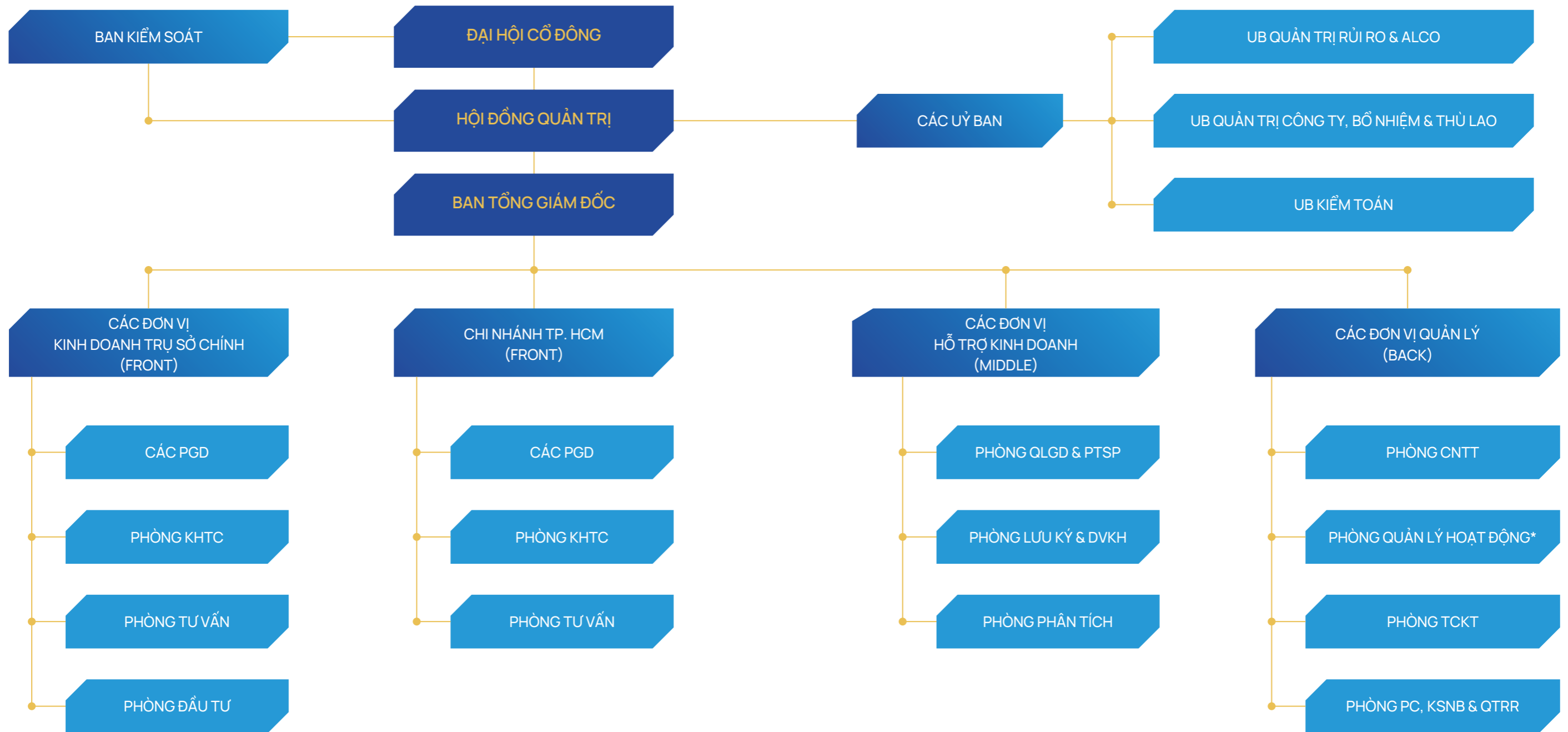
NEWME
NEWBVS



02

Quản trị công ty

Cơ cấu tổ chức



(*) Phòng Quản lý Hoạt động thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), Kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

*** Các công ty con, công ty liên kết: không có

Nhân sự chủ chốt

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)



Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN
Chủ tịch HĐQT
 (TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
 Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.
 Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tin dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.
Kinh nghiệm làm việc:
 11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.
 06/2017 – 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.
 03/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 05/2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
 12/2011 – 9/2017: Quyền TGD, TGD Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
 01/2009 – 12/2011: Phó TGD kiêm GD Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
 12/2006 – 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Thành viên ban trụ bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
 01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
 4/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng Phòng Đầu tư vốn, Phó GD Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
 12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
 Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN QUANG HƯNG
Thành viên HĐQT
 (TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
 Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974.
 Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.
Kinh nghiệm làm việc:
 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
 01/2015 – nay: Phó TGD Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.
 08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Phó TGD Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên HĐQT
 (TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 12/05/2016.
 Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.
 Học vấn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.
Kinh nghiệm làm việc:
 05/2016 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
 11/2016 – 03/2020: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
 5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
 04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
 09/2014 – 04/2015: Phó Trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
 12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
 01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.
 11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 không có



Ông LÊ XUÂN NAM
Thành viên HĐQT
 (TV độc lập HĐQT)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 19/05/1982.
 Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.
Kinh nghiệm làm việc:
 06/2020 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
 2019 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
 2016-2019: Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
 2011 – 2016: Phó phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
 2016- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Thành viên HĐQT
 (Điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 03/04/2010.
 Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 20/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972.
 Học vấn: Thạc sĩ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
Kinh nghiệm làm việc:
 04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC.
 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
 Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
 Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.
 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 không có

Tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020, BVSC đã bầu HĐQT mới nhiệm kỳ 2020-2025 trong đó bầu ông Lê Xuân Nam là Thành viên độc lập HĐQT.

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2022.

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhĩ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14%).
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lê Xuân Nam: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.

Nhân sự chủ chốt

Ban Kiểm soát (“BKS”)



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
 Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.
 Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại.
Kinh nghiệm làm việc:
 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.
 01/2008 - nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính- Tập đoàn Bảo Việt.
 11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.
 Thành viên HĐQT – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
 Chủ tịch HĐQT – Công ty Bảo Việt Âu Lạc.



Ông Hoàng Giang Bình
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
 Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.
 Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính.
Kinh nghiệm làm việc:
 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
 09/2015 – nay: Chuyên viên Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
 08/2012 – 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.
 12/2011 – 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.
 03/2009 – 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Chuyên viên- Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
 Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.
 Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.
 Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.
Kinh nghiệm làm việc:
 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
 01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
 Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Ban điều hành



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.
 Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 12 năm.
 Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.
Kinh nghiệm làm việc:
 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
 Từ 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
 Từ 2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.
 Từ 1995 – 1999: Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác: không có



Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.
 Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 11 năm 07 tháng.
 Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế
Kinh nghiệm làm việc:
 Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
 Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.
 Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.
 Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.
Các chức vụ hiện nay tại công ty khác: không có

Những thay đổi trong Ban điều hành: năm 2021 Ban điều hành không phát sinh thay đổi.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 22/03/2022

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14% Vốn Điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

Thành phần BKS và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2022

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

Thông tin dành cho cổ đông

Thông tin cổ phiếu BVS tại ngày 31/12/2021

Tên cổ phiếu:

BVS là một trong cổ phiếu trong rổ chỉ số HNX 30

Số lượng cổ phiếu niêm yết:
72.233.937 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ:
33.792 cổ phiếu

Thay đổi vốn điều lệ trong năm:
Không

Sàn niêm yết:

HNX

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:
72.200.145 cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường:
2.895 tỷ đồng

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2021):
3.042 đồng

Cổ tức 2021:

Thanh toán cổ tức 08% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2020 vào ngày 20/10/2021 theo Nghị quyết số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

29.701 đồng

Giá thị trường tại ngày 31/12/2021:

40.100 đồng/cổ phiếu

Giá cao nhất năm 2021:

44.700 đồng/cổ phiếu

Giá thấp nhất năm 2021:

14.800 đồng/cổ phiếu

Tổng khối lượng giao dịch năm 2021:

237.417.432 cổ phiếu

Tổng giá trị giao dịch năm 2021:

6.653.329.871.500 đồng

Khối lượng giao dịch bình quân năm 2021:

949.670 cổ phiếu/ngày

P/B:

1,38 lần

P/E:

12,43 lần

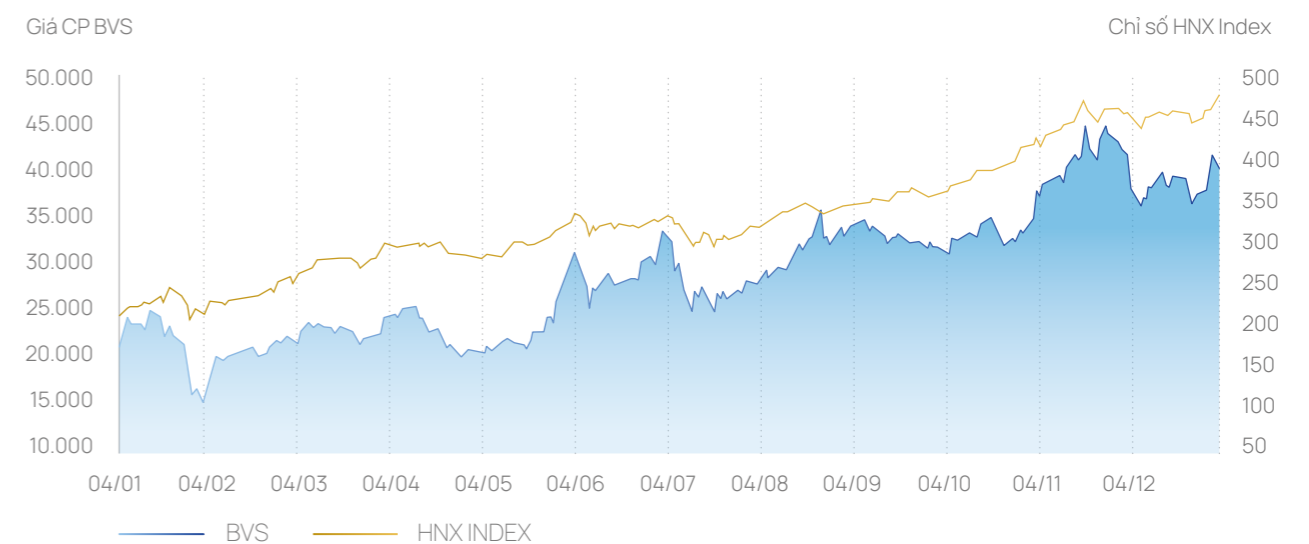
Nguồn: Fiinpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

Trong năm 2021, cùng với sự thăng hoa của thị trường chứng khoán, hoạt động kinh doanh của BVSC có sự tăng trưởng ấn tượng, do đó cổ phiếu BVS của công ty đã thu hút được sự quan tâm lớn trên thị trường trong năm vừa qua. Giá cổ phiếu BVS có mức tăng trưởng mạnh với mức giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 là 40.100 đồng, tăng 119% so với thời điểm đóng cửa phiên ngày 31/12/2020. Giá trị vốn hóa thị trường tăng 119% so với cùng thời điểm năm 2020. Bên cạnh đó, tính thanh khoản của cổ phiếu

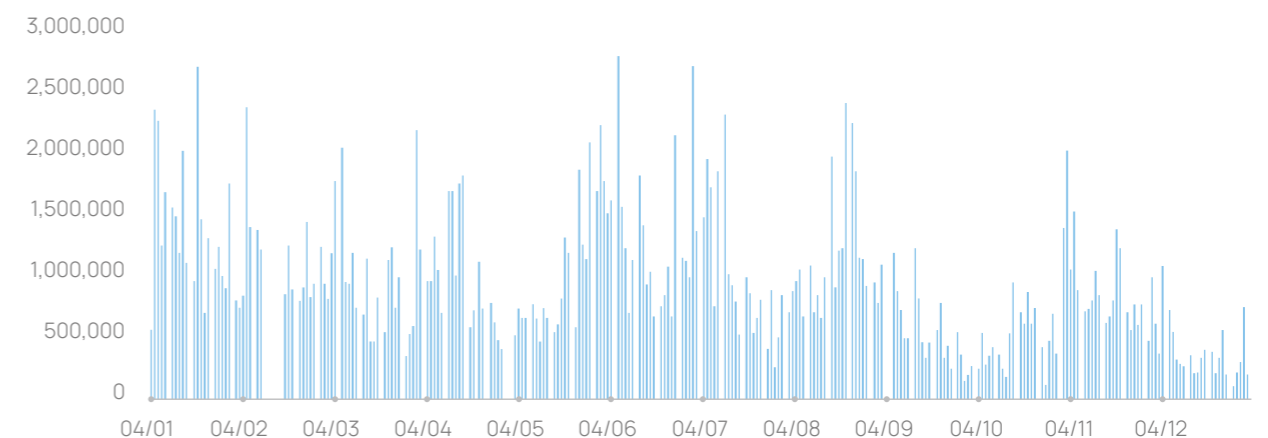
cũng tăng mạnh so với cùng kỳ. Khối lượng giao dịch bình quân/phiên tăng 313% và giá trị giao dịch ("GTGD") bình quân/phiên tăng 877% - cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng GTGD bình quân/phiên của nhóm cổ phiếu HNX30 (là 271%).

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên Thị trường chứng khoán ("TTCK") trong năm 2021 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 01: Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNXIndex từ ngày 01/01/2021- 31/12/2021



Biểu đồ 02: Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2021 -31/12/2021

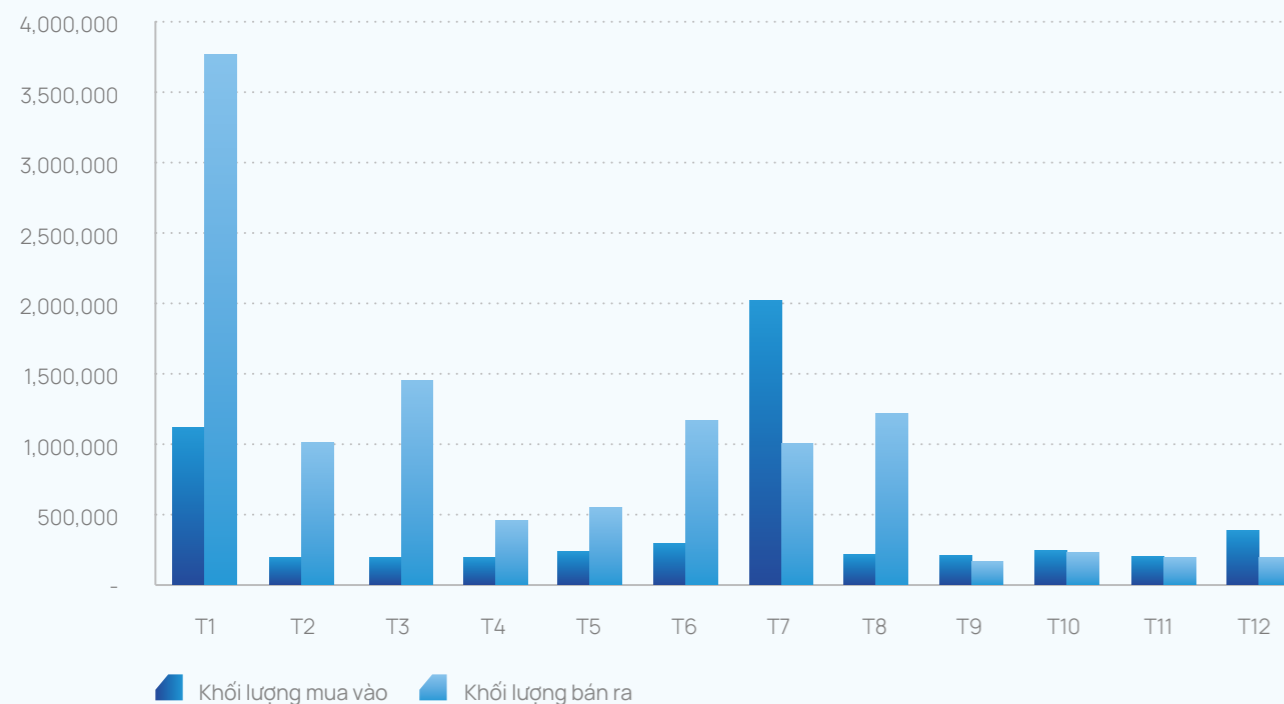


Thông tin dành cho cổ đông

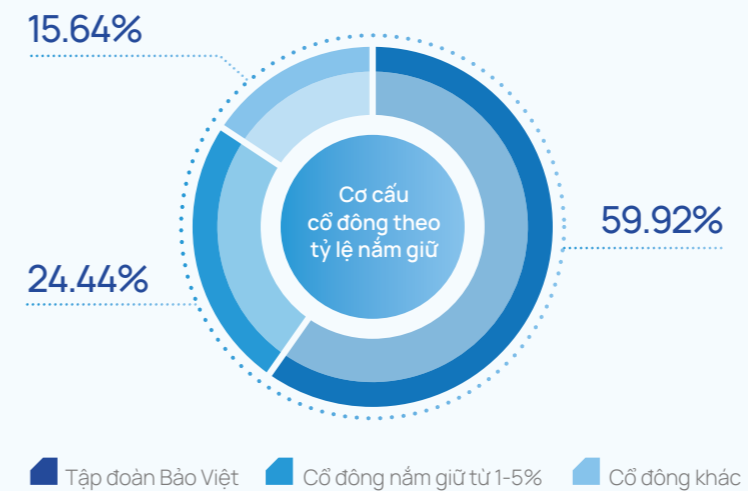
Biểu 03: Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài



Biểu 04: Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài



Danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2022
Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ



Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2021: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2021: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

| Cổ đông | Số lượng | Số cổ phần | Giá trị (VND) | Tỷ lệ |
|-------------------|--------------|-------------------|------------------------|---------------|
| Trong nước | | | | 90,67% |
| Cá nhân | 4030 | 21.775.591 | 217.755.910.000 | 30,15% |
| Tổ chức | 34 | 43.716.723 | 437.167.230.000 | 60,52% |
| Nước ngoài | | | | 9,33% |
| Cá nhân | 144 | 459.583 | 4.595.830.000 | 0,64% |
| Tổ chức | 19 | 6.282.040 | 62.820.400.000 | 8,70% |
| Tổng cộng | 4.227 | 72.233.937 | 722.339.370.000 | 100% |

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
|-------------------------------|------------------|-------------------|-------------|
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% | 4.217 | 11.299.744 | 15,64% |
| Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% | 9 | 17.653.000 | 24,44% |
| Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên | 1 | 43.281.193 | 59,92% |
| Tổng cộng | 4.227 | 72.233.937 | 100% |

Thông tin dành cho cổ đông

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2021

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, do đó BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của Công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 12. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2021 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên 2021

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 20/04/2021, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 21 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2021, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết Đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc Đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty.



Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2021 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

Thành phần tham gia Đại hội:

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 43.797.602 cổ phần chiếm 60,66% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội:

Tại ĐHĐCĐ 2021, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như: Kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận kinh doanh năm 2021; Tình hình kết quả kinh doanh Quý I năm 2021; Chương trình giảm phí giao dịch và lãi suất margin; Chiến lược của BVSC về việc tăng thị phần môi giới. Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản Đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

• Biểu quyết tại Đại hội:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Thông tin dành cho cổ đông

| Nội dung | ĐHĐCĐ 2021 BVSC đã biểu quyết thông qua |
|---|--|
| Hoạt động kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. |
| Các báo cáo | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2020 – 2021. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. |
| Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty. | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2020, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2021. Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2020 và kế hoạch trả thù lao năm 2021. |
| Sửa đổi các văn bản quản trị | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 11. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. |
| Các nội dung khác. | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ trên 10% đến 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Tập đoàn Bảo Việt hoặc Người có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt. |

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội; cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

“

Các thông tin và tài liệu liên quan về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố đầy đủ trên website chính thức của Công ty 17 ngày trước thời hạn cổ đông gửi lại phiếu lấy ý kiến

Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Trong tháng 11, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc thay đổi trụ sở Công ty gồm các nội dung: (1) Việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty từ địa chỉ tầng 2 và 3 số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm sang địa chỉ tầng 1, 4 và 7 số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; (2) Sửa đổi Điều 2.4.1 Trụ sở đăng ký của Công ty tại Điều lệ của Công ty tương ứng với việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty; (3) Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc và các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật, của Điều lệ công ty liên quan đến việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty.

Các thông tin và tài liệu liên quan về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố đầy đủ trên website chính thức của Công ty 17 ngày trước thời hạn cổ đông gửi lại phiếu lấy ý kiến. Đồng thời, Tờ trình xin ý kiến, Phiếu lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết được BVSC gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; giúp cổ đông chủ động nắm bắt thông tin chính xác và thực hiện quyền biểu quyết đầy đủ. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung; được công bố thông tin đầy đủ trong vòng 24h và lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.



Thông tin dành cho cổ đông

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Bên cạnh việc tuân thủ tốt các quy định về CBTT theo quy định pháp luật, Bộ phận IR của BVSC thường xuyên cung cấp thông tin đầy đủ, đáp ứng nhu cầu thông tin của cổ đông và nhà đầu tư. Ngoài việc thiết lập hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm, năm 2021, Bộ phận IR đẩy mạnh thực hiện trao đổi thông tin qua fanpage Công ty. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh của công ty gửi về đều được bộ phận IR cập nhật ngay lập tức, các thông tin cần xử lý sẽ được phản hồi sau muộn nhất là 48h.

Nâng cao chất lượng và kênh công bố thông tin

Trong năm 2021, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

- Ra mắt Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ cổ đông và các Bộ phận liên quan nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả; cũng như trả lời nhanh chóng và đầy đủ các thắc mắc của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty qua email và các vướng mắc gặp phải trong quá trình giao dịch qua các phương thức giao tiếp khác như fanpage, điện thoại..
- Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.
- Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

“ Thông tin và số điện thoại liên hệ trực tiếp của bộ phận IR được đăng tải trực tiếp tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên trang tin điện tử của Công ty.

Công bố thông tin và tính minh bạch

Tại BVSC, Công ty đã xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, BVSC xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế công bố thông tin, các báo cáo

thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Công ty còn thiết kế chuyên mục “Công bố thông tin” để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo để cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp đảm bảo theo đúng thời hạn quy định về công bố thông tin họp ĐHĐCĐ của công ty niêm yết. Với những nỗ lực trong vai trò là một công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt là chú trọng việc đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông, năm 2021, Công ty tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2021 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Lịch công bố thông tin (“CBTT”) định kỳ trong năm 2021

| Ngày | Nội dung |
|------------|--|
| 20/01/2021 | Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2020 |
| 29/01/2021 | Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31.12.2020 |
| 29/01/2021 | Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 |
| 30/03/2021 | Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2020 |
| 19/04/2021 | Báo cáo Tài chính quý 1 năm 2021 |
| 19/04/2021 | Báo cáo thường niên năm 2020 |
| 19/07/2021 | Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2021 |
| 29/07/2021 | Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2021 |
| 29/07/2021 | Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 30.06.2021 |
| 13/08/2021 | Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2021 (đã soát xét) |
| 19/10/2021 | Báo cáo Tài chính quý 3 năm 2021 |

Thông tin dành cho cổ đông

Lịch CBTT khác trong năm 2021

| Ngày | Nội dung |
|------------|--|
| 01/03/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |
| 30/03/2021 | CBTT NQ HĐQT về thời gian, địa điểm, chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |
| 30/03/2021 | CBTT Kế hoạch kinh doanh năm 2021 |
| 30/03/2021 | CBTT tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |
| 13/04/2021 | CBTT về việc đầu tư chứng chỉ tiền gửi |
| 16/04/2021 | CBTT về việc chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi |
| 20/04/2021 | CBTT Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |
| 07/05/2021 | CBTT về việc đầu tư chứng chỉ tiền gửi |
| 10/05/2021 | CBTT về việc chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi |
| 12/05/2021 | CBTT về việc đầu tư chứng chỉ tiền gửi |
| 14/05/2021 | CBTT về việc chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi |
| 25/05/2021 | CBTT Ký kết HĐ cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC năm 2021-2022-2023 |
| 16/06/2021 | CBTT Nghị quyết ("NQ") HĐQT về việc phê duyệt định hướng Chiến lược phát triển 2021-2025 |
| 28/09/2021 | CBTT NQ của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2020 |
| 28/09/2021 | CBTT NQ ngày ĐKCC để thực hiện quyền chi trả cổ tức cho năm tài chính 2020 |
| 28/09/2021 | CBTT HĐQT phê duyệt cho Công ty được ký kết các hợp đồng, giao dịch với NCLQ |
| 11/10/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 |
| 11/10/2021 | CBTT ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham gia lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 |
| 11/10/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc phê duyệt chủ trương ký hợp đồng thuê văn phòng |
| 09/11/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc phê duyệt BVSC làm tổ chức bảo lãnh phát hành cho đợt phát hành Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa ("TIP") |
| 11/11/2021 | CBTT NQ HĐQT về nội dung và tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 |
| 11/11/2021 | CBTT tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 |
| 11/11/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2021 |
| 01/12/2021 | CBTT Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021 |
| 01/12/2021 | CBTT NQ HĐQT về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ 2021 |
| 01/12/2021 | CBTT Điều lệ sửa đổi lần thứ 12 của BVSC |

Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2022

Là công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết, BVSC đẩy mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số hoạt động chính cụ thể như sau:

- Tuân thủ việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TTCK"). Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Chủ động đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư: thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHĐCĐ thường niên công bố song ngữ Anh - Việt, tăng cường hợp tác để đẩy mạnh các cơ hội xúc tiến đầu tư vào TTCK Việt Nam và BVSC
- Chủ động cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ và kịp thời nhằm truyền tải giá trị doanh nghiệp thông qua đẩy mạnh toàn diện các phương tiện IR song song bằng cả Tiếng Anh và Tiếng Việt, bao gồm:
 - Xây dựng, thiết kế website Công ty mới với giao diện thân thiện, dễ sử dụng và dễ tìm kiếm thông tin.
 - Thường xuyên cập nhật, nâng cao công cụ tìm kiếm thông tin và khả năng tương tác trên chuyên mục quan hệ cổ đông tại website & fanpage Công ty.
 - Phát hành bản tin IR đều đặn hàng quý và duy trì các hoạt động truyền thông ra công chúng một cách chủ động để tăng tính minh bạch thông tin tới công chúng...

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/ Nhà đầu tư vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: **Trụ sở chính Công ty tầng 7 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.**

Hotline: **(84-24) 3.928 8080 (máy lẻ: 601)**

Email: **info-bvsc@baoviet.com.vn**

Website: **www.bvsc.com.vn**

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên như sau

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm |
|-----|-----------------------|---|---|--|
| 1 | Ông Nguyễn Hồng Tuấn | Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành). | | <ul style="list-style-type: none"> Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT. Kể từ ngày 29/11/2018 – ngày 22/06/2020 là Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2015-2020. Kể từ ngày 22/06/2020 đến nay tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kì 2021-2025. |
| 2 | Ông Nhữ Đình Hòa | Thành viên HĐQT điều hành. | Kể từ ngày 03/04/2010 | |
| 3 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT không điều hành. | Kể từ ngày 12/05/2016. | |
| 4 | Ông Nguyễn Quang Hưng | Thành viên HĐQT không điều hành. | Kể từ ngày 27/6/2017. | |
| 5 | Ông Lê Xuân Nam | Thành viên độc lập HĐQT | Kể từ ngày 22/06/2020. | |

(Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương 2 Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 28 tới trang 31 của Báo cáo này.)

HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Thù lao.

Ông Nhữ Đình Hòa - Thành viên HĐQT kiêm TGD

Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Quang Hưng - Thành viên HĐQT không điều hành

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco.

Ông Lê Xuân Nam - Thành viên độc lập HĐQT

Phụ trách lĩnh vực kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán.

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Hội đồng quản trị

Thư ký Công ty

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các nhân sự sau:

| Họ và tên | Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề | Kinh nghiệm tại BVSC | Ngày được bổ nhiệm |
|---------------------|--|--------------------------|--------------------|
| Bà Bùi Thị Mai Hiền | <ul style="list-style-type: none"> Cử nhân Luật. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp. Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 / QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013. | 17 năm làm việc tại BVSC | 26/09/2013 |
| Ông Vũ Duy Vương | <ul style="list-style-type: none"> Cử nhân Luật kinh doanh. Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013. | 11 năm làm việc tại BVSC | 10/09/2018 |

Người phụ trách quản trị công ty

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.



Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Để hỗ trợ HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; vận dụng thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD mới nhất và Thê điểm Quản trị Công ty của ASEAN, năm 2020 HĐQT đã thành lập 03 Ủy ban trực thuộc, cụ thể:

Ủy ban QTCT, BN&TL

- Chức năng và nhiệm vụ: Ủy ban QTCT, BN&TL là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Tăng cường hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty; (ii) Bảo đảm việc tuân thủ chính sách, quy định của pháp luật về quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; (iii) Việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của BVSC; (iv) Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị công ty; (v) Chính sách quản lý cán bộ, người lao động và tiền lương tại BVSC; (vi) Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do HĐQT quản lý.
- Thành phần của Ủy ban gồm: 04 Thành viên:
 Ông Nguyễn Hồng Tuấn Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
 Ông Nhữ Đình Hòa TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
 Ông Nguyễn Anh Tuấn TV.HĐQT không điều hành – Thành viên.
 Bà Bùi Thị Mai Hiền Giám đốc Nhân sự – Thành viên.

Ủy ban QTRR&ALCO

- Chức năng và nhiệm vụ: Ủy ban QTRR&ALCO là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; (ii) Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; (iii) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; (iv) Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.
- Thành phần của Ủy ban gồm: 05 Thành viên:
 Ông Nguyễn Quang Hưng TV.HĐQT không điều hành – Chủ nhiệm Ủy ban.
 Ông Nguyễn Hồng Tuấn Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
 Ông Nhữ Đình Hòa TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
 Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy Phó Tổng Giám đốc – Thành viên.
 Ông Lê Thịnh Vượng Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán

- Chức năng và nhiệm vụ: Ủy ban Kiểm toán là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các hoạt động: (i) Đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; (ii) Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (iii) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; (iv) Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
- Thành phần của Ủy ban: gồm 05 Thành viên:
 Ông **Lê Xuân Nam** Thành viên độc lập HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
 Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
 Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
 Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.
 Bà **Nguyễn Thị Hằng** Chuyên viên Kiểm toán nội bộ – Thành viên.

Đào tạo về Quản trị Công ty

Năm 2021, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký và Người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật nghiên cứu quy định mới của pháp luật về quản trị công ty như: Luật doanh nghiệp 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành; các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và công ty chứng khoán của Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này. Ngoài ra, các thành viên còn tích cực tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty như: các Hội thảo điểm mới Luật chứng khoán 2019; Luật doanh nghiệp 2020; Hội thảo chuyên sâu nâng cao năng lực quản trị công ty tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam do HNX và HSX với sự hỗ trợ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ quản trị công ty:

- Ông **Nhữ Đình Hòa** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Chứng chỉ quản trị công ty số: 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013.
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Phó Tổng Giám đốc: Chứng chỉ quản trị công ty số: 35/QTCT 216/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 26/10/2015.
- Bà **Bùi Thị Mai Hiền** – Thư ký công ty: Chứng chỉ quản trị công ty số: 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.

Hoạt động của HĐQT năm 2021

Năm 2021 thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như được ĐHĐCĐ giao, HĐQT thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để có những chỉ đạo và quyết sách kịp thời, căn cơ và toàn diện đối với các mảng hoạt động của Công ty. Các hoạt động của HĐQT diễn ra trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- HĐQT đã triệu tập thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 20/04/2021. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng do HĐQT trình như: Kế hoạch kinh doanh năm 2021, thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2021... Tại Đại hội lần này, ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 11, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung lần 1, Quy chế hoạt động của HDDQT, Quy chế hoạt động của BKS

(Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 từ trang 37 đến trang 38 của Báo cáo này).

- Trong năm, HĐQT tổ chức thành công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua thay đổi Trụ sở chính công ty từ tầng 2 và 3 số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm chuyển đến tầng 1, 4 và 7 số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Việc chuyển Trụ sở chính đã được Công ty triển khai hoàn thành trong tháng 12/2021; đồng thời HĐQT lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 12 theo sự ủy quyền của cổ đông bằng văn bản để đảm bảo thống nhất với việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty.

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền

Căn cứ vào quy định của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty, HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Để xem xét quyết định các vấn đề một cách căn trọng và hiệu quả, HĐQT thực hiện thông qua các phương thức sau:

- **Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT:** năm 2021, HĐQT đã tổ chức (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

| Phiên họp | Nội dung cuộc họp | Số thành viên HĐQT tham dự | Tỷ lệ |
|--|---|----------------------------|-------|
| Phiên họp lần thứ 1 ngày 17/03/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Thảo luận Kế hoạch kinh doanh năm 2021 để trình ĐHCĐ thường niên 2021 thông qua. Công ty báo cáo Ước kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2021 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 2 năm 2021. Thảo luận và thông qua các vấn đề (i) Kế hoạch tiền lương năm 2021; (ii) Kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021; (iii) Kế hoạch tự doanh năm 2021 của Công ty. Thảo luận và thông qua các nội dung liên quan công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021. Thảo luận và đánh giá về tình hình triển khai Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020. Thảo luận và đánh giá về tình hình ban hành và triển khai các Nghị quyết của HĐQT Quý I/2021. Thảo luận và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021, 2022 và 2023. | 05/05 | 100% |
| Phiên họp lần thứ 2 ngày 28/06/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Công ty báo cáo Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 3 năm 2021. Thảo luận và đánh giá về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021. Thảo luận và đánh giá về tình hình ban hành và triển khai các Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2021. | 05/05 | 100% |
| Phiên họp lần thứ 3 ngày 28/09/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Công ty báo cáo Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm; và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 4 năm 2021. Thảo luận điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2021. Công ty báo cáo tình hình triển khai Chương trình "BVSC-Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc". Thảo luận và thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2020. Thảo luận và thông qua phê duyệt cho Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan phải được chấp thuận của HĐQT. Thảo luận và thông qua việc kiện toàn chức danh Kế toán trưởng Công ty. Thảo luận và thông qua việc Công ty là Tổ chức bảo lãnh phát hành cho đợt phát hành cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa. Thảo luận và đánh giá về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021. Thảo luận và đánh giá về tình hình ban hành và triển khai các Nghị quyết của HĐQT 09 tháng đầu năm 2021. Công ty báo cáo công tác chuẩn bị chuyển Văn phòng trụ sở chính từ số 72 Trần Hưng Đạo về số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. | 05/05 | 100% |

| Phiên họp | Nội dung cuộc họp | Số thành viên HĐQT tham dự | Tỷ lệ |
|--|---|----------------------------|-------|
| Phiên họp lần thứ 4 ngày 28/12/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Công ty báo cáo Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2021. Thảo luận xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2022. Công ty báo cáo tình hình triển khai Chương trình "BVSC-Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc". Công ty báo cáo công tác chuẩn bị chuyển Văn phòng trụ sở chính từ số 72 Trần Hưng Đạo về số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thảo luận và đánh giá về tình hình triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021. Thảo luận và đánh giá về tình hình triển khai các Nghị quyết của HĐQT năm 2021 | 05/05 | 100% |

Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định giải quyết các đề xuất, các nội dung thuộc thẩm quyền: Ngoài việc tổ chức các phiên họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong năm, HĐQT tiến hành 30 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Năm 2021, HĐQT ban hành 33 Nghị quyết quan trọng, tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung liên quan tới triển khai kế hoạch kinh doanh ("KHKD") năm 2021; tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021; đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản, kế hoạch tiền lương, kế hoạch tự doanh năm 2021; phê duyệt định hướng Chiến lược phát triển công ty để trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua; việc chi trả cổ tức năm 2020; điều chỉnh tăng Kế hoạch kinh doanh năm 2021, kiện toàn nhân sự chủ chốt... cũng như các nội dung khác liên quan việc quản trị Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Công ty đã thực hiện công bố chi tiết các Nghị quyết HĐQT trong năm tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021 được Công ty phát hành ngày 27/01/2022; và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<https://bvsc.com.vn/NewEvent/2022128/978159/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2021.aspx>

Ngoài thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cấp trung của Công ty; hay cuộc họp của hội đồng đầu tư. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Năm 2021, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:



Ủy ban QTCT, BM&TL

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2021:** Ủy ban QTCT, BM&TL đã triển khai các công việc liên quan: (i) Thẩm định Dự thảo Quy chế quản lý cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và Quy định về Tiêu chuẩn cán bộ giữ Chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc BVSC trình HĐQT Công ty ban hành; (ii) Đánh giá cho ý kiến đối với đề xuất quyết toán quỹ lương năm 2020 Công ty trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; (iii) Triển khai công tác quy hoạch nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc và các chức danh thuộc HĐQT bổ nhiệm trình HĐQT Công ty phê duyệt; (iv) Thẩm định Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế 2020 Công ty trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; (v) tham gia xây dựng Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025; (vi) Cho ý kiến đối với đề xuất bổ nhiệm lại các các vị trí Trưởng Phòng theo đề nghị của Công ty và (vii) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (viii) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực; (ix) Kiến nghị HĐQT xem xét những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị công ty, chính sách quản lý lao động, cán bộ và tiền lương của Công ty; (x) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty; (xi) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2022.
- Định hướng hoạt động năm 2022:** Ủy ban QTCT, BM&TL sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Cho ý kiến đối với đề xuất bổ nhiệm lại các vị trí Trưởng Phòng của Công ty và (vii) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (viii) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực; (ix) Kiến nghị HĐQT xem xét những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị công ty, chính sách quản lý lao động, cán bộ và tiền lương của Công ty; (x) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty và (xi) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban QTCT, BM&TL

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2021:** Ủy ban QTRR&ALCO đã triển khai các công việc liên quan: (i) Thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2021 Công ty trình, để báo cáo HĐQT phê chuẩn ban hành áp dụng cho năm 2021; (ii) tham dự và cho ý kiến tại 04 cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro của Công ty (các cuộc họp này nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động quản lý rủi ro đang được tiến hành tại Công ty, đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý); (iii) tham gia xây dựng định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025; (iv) Thực hiện kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; (vi) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2022.
- Định hướng hoạt động năm 2022:** Ủy ban QTRR&ALCO sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Công ty; (iii) Xem xét đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2022; (iv) Chỉ đạo Bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2023 trình HĐQT phê duyệt và (v) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2021:** Ủy ban Kiểm toán đã triển khai các công việc liên quan: (i) Thẩm định Quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ BVSC để trình HĐQT Công ty ban hành; (ii) Thẩm định Báo cáo Kiểm toán năm 2020 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2021 do Bộ phận KTNB trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; (iii) Thẩm định Dự thảo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán để trình HĐQT phê duyệt; (iv) Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021; (v) Chỉ đạo Bộ phận KTNB lập Báo cáo Kiểm toán năm 2021 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2022 trình HĐQT ban hành; (vi) tham gia xây dựng định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025 và (vii) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2022.
- Định hướng hoạt động năm 2022:** Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động: (i) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2022 đã được HĐQT phê duyệt; (ii) Giám sát tính trung thực BCTC của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (iii) Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2022 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Ủy ban kiểm toán trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2021

Kết thúc năm 2021, Thành viên độc lập HĐQT gửi Báo cáo đánh giá về HĐQT với nội dung như sau:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với cơ cấu 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; HĐQT đã thành lập 03 ủy ban UBQTCT, BN&TL; UBKT; UBQTRR&ALCO nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý để rà soát và nắm bắt và ra quyết định kịp thời đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Các phiên họp định kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì đều có sự tham gia của BKS, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao nhất (đạt tỷ lệ 100% các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua).
- Bên cạnh việc tổ chức họp định kỳ, để giải quyết kịp thời các kiến nghị và đề xuất của Công ty giữa các kỳ

họp, HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Đồng thời các nội dung lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều được cung cấp đầy đủ tới BKS. Qua đó, BKS thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp. Thông qua những hoạt động này, BKS đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như diễn biến của thị trường chứng khoán với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của BVSC.
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành là, không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty. Trong quá trình làm việc, thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025 với các thành viên như sau:

| STT | Kiểm soát viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|----------------------|--|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Xuân Hòa | Trưởng Ban Kiểm soát | Kể từ ngày 15/04/2015. | |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Kiểm soát viên | Kể từ ngày 15/04/2015 | |
| 3 | Ông Hoàng Giang Bình | Kiểm soát viên | Kể từ ngày 15/04/2015 | |

(Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025 vui lòng xem tại Chương 2 Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt - Hội đồng Quản trị" từ trang 44 tới trang 54 của Báo cáo này).

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2021, Ban Kiểm soát tổ chức (04) cuộc họp. Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và cẩn trọng. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Cụ thể như sau:

| Phiên họp | Nội dung cuộc họp | Số thành viên HĐQT tham dự | Tỷ lệ |
|---|---|----------------------------|-------|
| Phiên họp lần thứ 1 năm 2021 ngày 16/03/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2021 của BVSC. Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2020 của BVSC. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 để trình ĐHĐCĐ. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 phê duyệt. Thảo luận Kế hoạch công tác Quý II năm 2021 của BKS. | 03/03 | 100% |
| Phiên họp lần thứ 2 năm 2021 ngày 25/06/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 05 tháng và ước thực hiện kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 của BVSC. Thảo luận Kế hoạch công tác Quý III năm 2021 của BKS. | 03/03 | 100% |
| Phiên họp lần thứ 3 năm 2021 ngày 27/09/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 08 tháng ước thực hiện kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2021 của BVSC. Thảo luận Kế hoạch công tác Quý IV năm 2021 của BKS. | 03/03 | 100% |
| Phiên họp lần thứ 4 năm 2021 ngày 27/12/2021 | <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2021 của BVSC. Thảo luận Kế hoạch hoạt động năm 2022 của BKS. | 03/03 | 100% |

Ban kiểm soát (tiếp theo)

Kết quả hoạt động của BKS

Năm 2021, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021, kết quả giám sát như sau:

Giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Trong bối cảnh TTCK năm 2021 đã phục hồi và có sự bứt phá mạnh mẽ, mặc dù có những nhịp điều chỉnh do tác động của đại dịch khi xuất hiện biến chủng virus Covid-19 mới Delta và Omicron, BKS đánh giá cao về việc Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để xây dựng những mục tiêu chiến lược, đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững và hoàn thành không chỉ vượt KHKD được ĐHCĐ thường niên năm 2021 giao, mà còn tiếp tục vượt KHKD đã điều chỉnh tăng. Cụ thể như sau:

Tổng doanh thu đạt 1147,19 tỷ đồng hoàn thành 130,36 % Kế hoạch điều chỉnh (880 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu đã thực hiện là 1052,83 tỷ đồng hoàn thành 131% Kế hoạch điều chỉnh (805 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 282,94 tỷ đồng hoàn thành 140% Kế hoạch điều chỉnh (202 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sau thuế đã thực hiện là 232,2 tỷ đồng hoàn thành 140% so với Kế hoạch điều chỉnh (166 tỷ đồng).

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2021 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2021 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (“E&Y Việt Nam”) và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán độc lập.
- BKS thống nhất ý kiến với E&Y Việt Nam là các BCTC năm 2021 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Giám sát công tác quản trị của HĐQT

- Năm 2021, để thực hiện thành công Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến TTCK trong nước cũng như thế giới và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, để ban hành các nghị quyết, quyết sách mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHCĐ giao. Trong năm, với tinh thần trách nhiệm cao trước các cổ đông, trước các yếu tố thuận lợi của TTCK, thực hiện sự ủy quyền của ĐHCĐ thường niên 2021, HĐQT đã chủ động rà soát đánh giá điều chỉnh KHKD năm 2021 đối với Công ty, theo đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế thực hiện 2021 tăng lần lượt lên 805 tỷ đồng và 166 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 34% và 43% so với KHKD được ĐHCĐ thường niên 2021 giao.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến TTCK, thực tiễn kinh doanh phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

“

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Công ty. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng.

Ban kiểm soát (tiếp theo)



Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; đồng thời luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS;
- Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

“ Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy: căn cứ vào diễn biến của TTCK và tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những giải pháp căn cơ, hiệu quả với nỗ lực và quyết tâm cao nhất hoàn thành KHKD năm 2021. Kết quả BVSC đã hoàn thành xuất sắc KHKD năm 2021 điều chỉnh góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát Quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Qua giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 tại Công ty đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của BVSC.

Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua giám sát, BKS nhận thấy trong năm 2021 hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết. Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, cụ thể: Triển khai hoạt động kinh doanh năm 2021 hoàn thành xuất sắc vượt KHKD được ĐHĐCĐ giao; Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và thanh toán cổ tức với 08% mệnh giá cổ phần; Hoàn thành

việc chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2021; Thực hiện lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.

Xây dựng các văn bản quản trị Công ty

Ban kiểm soát trực tiếp soạn thảo Quy chế hoạt động của BKS, đồng thời tham gia việc rà soát sửa đổi Điều lệ công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Hoạt động khác của BKS

Trong năm, ngoài việc triển khai các hoạt động nêu trên BKS triển khai nhiều các hoạt động khác như: phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc giám sát tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thay đổi trụ sở công ty; giám sát việc xây dựng Chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021-2025; Tham dự và thực hiện giám sát quá trình tổ chức các phiên họp Hội đồng Quản trị; BKS báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về kết quả giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2020 của Công ty...

Ban kiểm soát (tiếp theo)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Trong quá trình thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, BKS luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông với mục tiêu vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Cụ thể công tác phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc đạt được như sau:

Phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc hoạt động độc lập, song luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định tại Điều lệ, các văn bản nội bộ khác của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật.
- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS còn thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: các Ủy ban và Bộ phận kiểm toán trực thuộc của HĐQT; cũng như các phòng ban trong Công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Trong quá trình thực thi các quyền hạn của mình, BKS đảm bảo không cản trở các hoạt động quản trị của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với cổ đông: Năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên Đánh giá kết quả Hoạt động của BKS

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC và Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty;
- BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp BKS, tham gia giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 và các phiên họp HĐQT; đồng thời đã hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2021-2022; Giám sát quá trình kiểm toán các BCTC năm 2021

của BVSC; Việc soạn thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS; Việc Xây dựng Chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, các Kiểm soát viên phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa Hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2022-2023

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2022 - 2023 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS.
- Thực hiện tốt và nghiêm chỉnh chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thông qua công tác kiểm soát định kỳ, tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty;
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; Giám sát việc Công ty thực hiện Thư quản lý năm 2021 của Kiểm toán độc lập;
- Nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc và các Phòng ban của Công ty để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm phục vụ tốt hơn nữa công tác quản trị điều hành của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc



Lương, Thưởng, Thù lao của HĐQT, Ban TGD, BKS

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao

Đối với HĐQT và Ban Kiểm soát

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 02/2021/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua vào ngày 20/04/2021; Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số: 12/2019/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/5/2019; và Quy chế chi tiêu của Công ty.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2021

Đối với HĐQT và BKS

Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ, mức chi cụ thể như sau:

- Tổng lương và thù lao của HĐQT và BKS như sau:

| STT | Chức danh | Mức thù lao |
|-----|--------------------------|------------------------|
| 1 | Thành viên HĐQT | 8.000.000đ/người/tháng |
| 2 | Trưởng Ban kiểm soát | 8.000.000đ/người/tháng |
| 3 | Thành viên Ban kiểm soát | 6.000.000đ/người/tháng |

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách không thực hiện chi trả thù lao, mà thực hiện chế độ lương từ Quỹ tiền lương theo phê duyệt tại Nghị quyết số: 02/2019/NQ - HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Tổng lương và thù lao của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát là 1.786.366.004 đồng.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Tổng lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021: 2.029.225.743 đồng

Các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGD và BKS:

Chế độ bảo hiểm

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Kiểm soát viên: Hiện nay, các thành viên này đều là lãnh đạo, chuyên viên làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại các doanh nghiệp này. Năm 2021, Công ty có trang bị mua bổ sung cho các thành viên này 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thời hạn từ 10 đến 20 năm.
- Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

| Danh mục | Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc |
|--|---|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty. |
| Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HealthCare) | Áp dụng theo chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 5.2 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu. |
| Bảo hiểm Nhân thọ | Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An hưởng điển viên với mức phí 48 triệu đồng/người/ năm. Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát cát tường có thời hạn từ 10 năm đến 20 năm. |
| Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care) | Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng/ người. |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm

- Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam.
- Thành viên Ban kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Chế độ bố trí phương tiện đi lại

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được bố trí phương tiện đưa đón và/ hoặc đi lại phục vụ công việc hàng ngày.
- Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được sử dụng xe ô tô của Công ty để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
- Trường hợp Công ty không thể bố trí được xe ô tô, Công ty trang bị thẻ taxi và/ hoặc taxi công nghệ để phục vụ đi lại, công tác, giao dịch và thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh.

Chế độ sử dụng điện thoại

- Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/ người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.
- Thanh toán cước phí viễn thông: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc được thanh toán cước phí viễn thông hàng tháng theo mức thực tế phát sinh. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Phó Tổng Giám đốc, được thanh toán cước phí viễn thông theo hóa đơn thực tế nhưng tối đa không quá 18 triệu đồng/năm. Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí viễn thông sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Chế độ công tác phí

- Công tác phí trong nước: Áp dụng theo quy chế chi tiêu, điều kiện và định mức áp dụng khác biệt giữa chế độ công tác nội vùng và công tác ngoại tỉnh, bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú theo từng cấp bậc và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.
- Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa thực hiện giao dịch cổ phiếu và tuân thủ đầy đủ quy định về giao dịch của người nội bộ theo quy định tại khoản 1 điều 33 Thông tư 96/2020 TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm, ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Công ty, Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch đối với những người này.

Đối với việc ký kết, thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc; với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm 2021, Công ty có ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt, các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt với tổng giá trị giao dịch là: 80.684.715.777 đồng (trong đó có 34.624.954.400 đồng là số tiền cổ tức năm 2020 BVSC thanh toán cho Tập đoàn Bảo Việt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021). Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, do đó theo Điều 52.3 của Điều lệ Công ty hiện hành và Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật doanh nghiệp 2020, các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại của các Nghị quyết HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

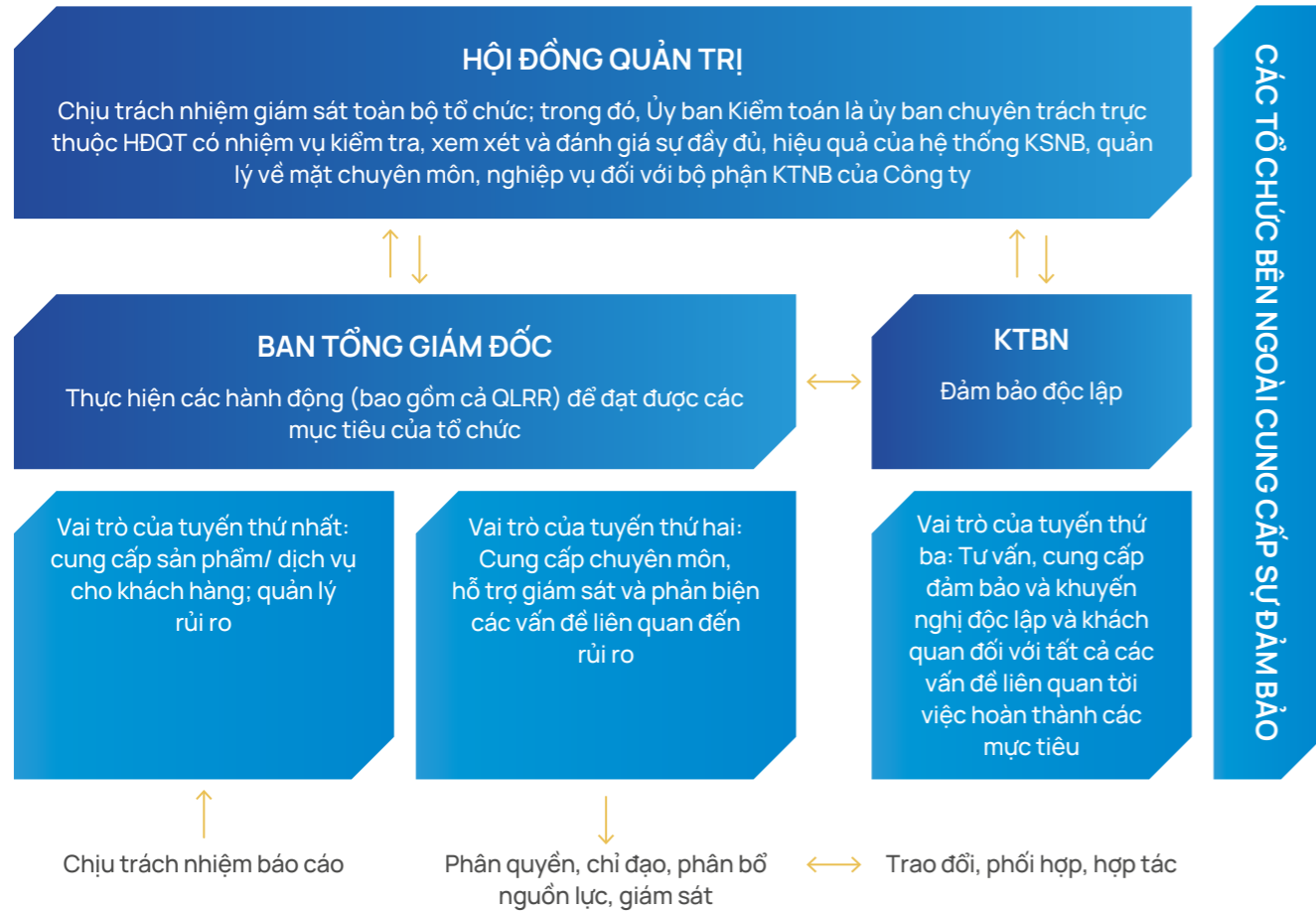
(Chi tiết các giao dịch này, vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính và xem tại Mục 2, Tiểu mục 4.1. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây, Phần VII của Báo cáo quản trị tình hình quản trị công ty số 06/2022/BVSC-HĐQT ngày 27/01/2022 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn:

<https://bvsc.com.vn/NewEvent/2022128/978159/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2021.aspx>

Kiểm toán nội bộ

Mô Hình Ba Tuyển

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyển trong quản trị và quản lý rủi ro, trong đó, vai trò của HĐQT cùng với vai trò của tuyển thứ nhất, tuyển thứ hai, tuyển thứ ba cùng nhau đóng góp cho việc tạo ra và bảo vệ các giá trị. BVSC hướng tới việc quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý, không chỉ đơn thuần là giảm thiểu rủi ro, phòng vệ lại các rủi ro. Tất cả các phòng ban làm việc cùng nhau, phối hợp công việc để đảm bảo tính tin cậy, chặt chẽ và minh bạch của thông tin cần thiết cho quá trình đưa ra quyết định trên cơ sở rủi ro.



Tuyển thứ nhất

Có các vai trò gắn trực tiếp với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng do các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp thực hiện và bao gồm cả các vai trò có chức năng hỗ trợ như nhân sự, hành chính, công nghệ thông tin... Nhiệm vụ chính của tuyển thứ nhất là tác nghiệp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng; đồng thời, xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành. Nhiệm vụ trên được thực hiện thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ tại các Phòng ban, bộ phận.

Tuyển thứ hai

Có các vai trò đặt trọng tâm vào những mục tiêu cụ thể của quản lý rủi ro: đảm bảo tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, kiểm soát nội bộ, an toàn công nghệ và thông tin, tính bền vững và đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ của tuyển này là kiểm soát tuân thủ; hỗ trợ, giám sát và cung cấp tư vấn, phản biện cho Tuyển thứ nhất.

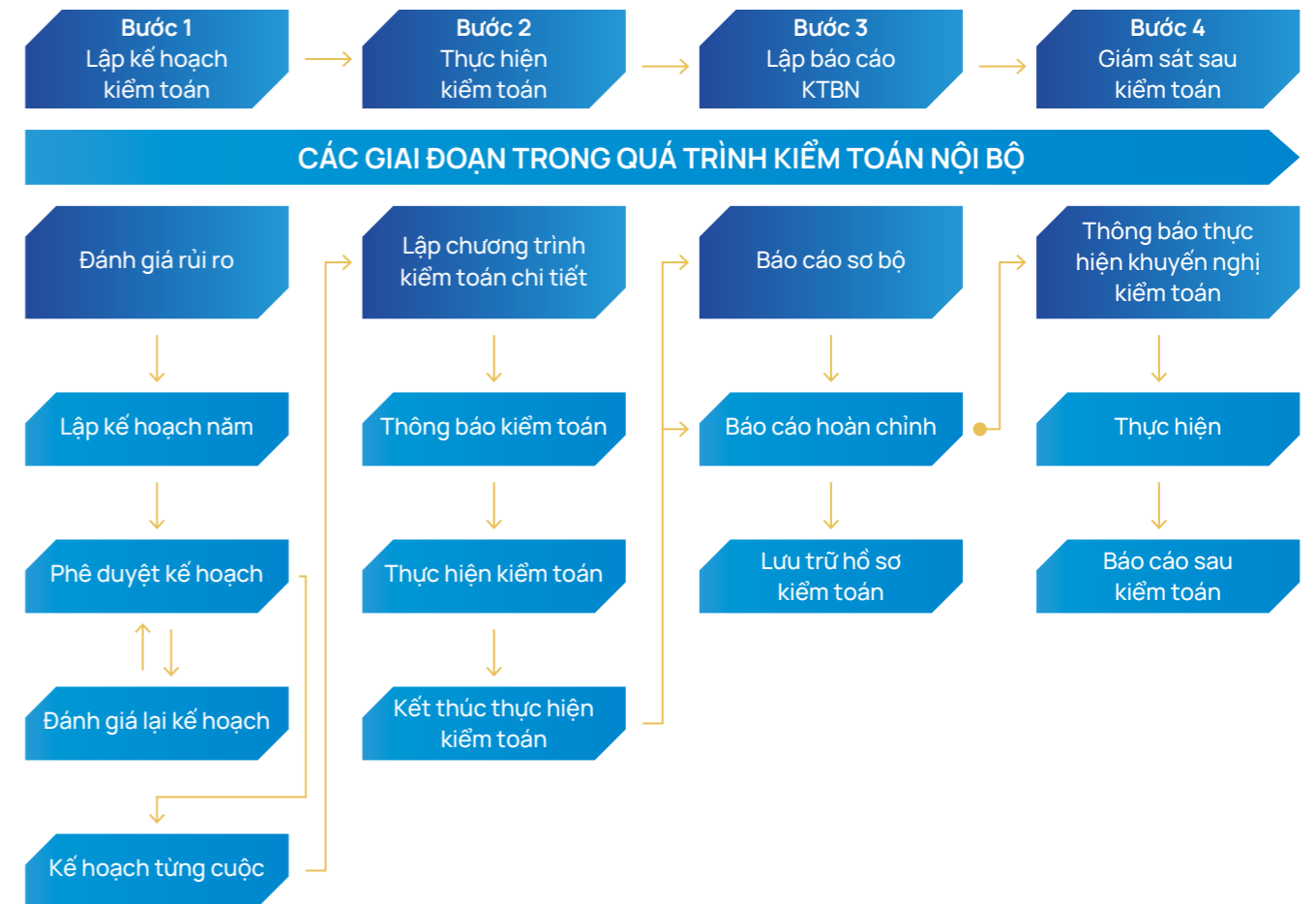
Tuyển thứ ba

Là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các tư vấn và đảm bảo độc lập và khách quan về sự đầy đủ và hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Kiểm toán nội bộ báo cáo tất cả các vấn đề liên quan tới việc hoàn thành các mục tiêu cho Ban TGD, Ủy ban kiểm toán và HĐQT để thúc đẩy việc cải thiện liên tục, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ phận KTNB thuộc tuyển thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho HĐQT và Ban TGD nhằm đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT, các chính sách và quy trình nội bộ tại BVSC.

Quy trình kiểm toán nội bộ



Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC

| | |
|-------------------------------------|--|
| Lập kế hoạch kiểm toán | Trước 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm tới Ủy ban Kiểm toán xét duyệt trước khi trình HĐQT phê duyệt ban hành. Kế hoạch kiểm toán gồm các nội dung: Khái quát về tình hình TTCK năm trước, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có). |
| Thực hiện kiểm toán | Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc: chọn mẫu kiểm toán; soát xét chứng từ trong quá trình thực hiện kiểm toán, từ đó, xác định các phát hiện trong quá trình kiểm toán; kết thúc cuộc kiểm toán (thỏa luận và thống nhất các nội dung phát hiện với đơn vị được kiểm toán, hoàn tất các hồ sơ, tài liệu của cuộc kiểm toán). |
| Lập báo cáo kiểm toán nội bộ | Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán: Báo cáo phải trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu, yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất các khuyến nghị, các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ... từ đó nâng cao tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của Công ty. Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB trình báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước lên HĐQT và gửi đồng thời đến Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc. Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ Ủy ban kiểm toán và HĐQT phát sinh trong năm. |
| Giám sát sau kiểm toán | Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo đối tượng được kiểm toán thực hiện các hành động khắc phục hoặc cải thiện theo những khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện, bộ phận KTNB yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. |

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ năm 2021

Trong năm 2021, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kiểm toán và HĐQT, trong năm 2021, bộ phận KTNB BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

| STT | Đối tượng kiểm toán | Nội dung |
|-----|--|---|
| 1 | Phòng Đầu tư | Kiểm toán tuân thủ hoạt động đầu tư tự doanh năm 2020 |
| 2 | Các Phòng ban chức năng được kiểm toán từ năm 2021 trở về trước | Kiểm toán tình hình thực hiện khuyến nghị của các Phòng ban chức năng được kiểm toán |
| 3 | Các Phòng Giao dịch và Phòng Khách hàng tổ chức | Kiểm toán tuân thủ đối với các tài khoản khách hàng có phát sinh dịch vụ chuyển khoản ra ngoài khác chủ tài khoản |
| 4 | Phòng Công nghệ thông tin | Kiểm toán tuân thủ quy trình vận hành hệ thống CNTT, cấp quyền truy cập và kiểm toán việc tuân thủ các quy định của các Sở Giao dịch chứng khoán về hạ tầng công nghệ thông tin |
| 5 | Phòng Quản lý giao dịch & Phát triển sản phẩm | Kiểm toán công tác quản lý rủi ro chứng khoán cho vay ký quỹ trên phần mềm nghiệp vụ Kiểm toán tuân thủ công tác gán/ điều chuyển gán khách hàng giữa các môi giới |
| 6 | Phòng Khách hàng tổ chức Trụ sở | Kiểm toán hoạt động kinh doanh trái phiếu |
| 7 | Các Phòng Giao dịch và Phòng Khách hàng Tổ chức tại Chi nhánh | Kiểm toán tuân thủ công tác giải quyết hồ sơ giao dịch và xử lý lệnh giao dịch của đối tượng khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh |
| 8 | Phòng Tư vấn Trụ sở | Kiểm toán công tác bàn giao và lưu trữ hợp đồng tư vấn đã thanh lý của Phòng Tư vấn Trụ sở cho Tổ Kiểm soát và lưu trữ hồ sơ |
| 9 | Các Phòng Giao dịch và Phòng Khách hàng Tổ chức | Kiểm toán tuân thủ hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của khách hàng |
| 10 | Phòng Lưu ký Phòng Tài chính kế toán | Kiểm toán tuân thủ công tác quản lý tiền/ chứng khoán của khách hàng |
| 11 | Các Phòng Giao dịch Phòng Quản lý giao dịch và Phát triển sản phẩm Phòng Tài chính kế toán | Kiểm toán tuân thủ quy trình giao dịch trái phiếu Ibond và quy trình nghiệp vụ quản lý tiền gửi Ideposit |
| 12 | Các báo cáo khác: | <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2021 và kế hoạch KTNB cho năm 2022. Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2021. |

Kết quả năm 2021 không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm tuân thủ nào mang tính trọng yếu đối với các hoạt động được kiểm toán. Công tác tuân thủ theo quy trình và chính sách pháp luật được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

Kế hoạch kiểm toán năm 2022

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2021; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý tại các cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KTNB năm 2022 là tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, tập trung vào các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các phòng nghiệp vụ để đảm bảo nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro tại các quy trình, hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản trị rủi ro



Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro, đánh giá hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2021 và định hướng năm 2022

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty để nhận diện rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động

QTRR; từ đó, đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty.

Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.

Rủi ro thị trường

Nhận diện

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường.

Phương pháp xác định

- **Phương pháp trao đổi, thảo luận, đánh giá và báo cáo đa chiều** giữa các phòng nghiệp vụ có liên quan để đánh giá về biến động của nhân tố rủi ro chung (rủi ro hệ thống) của thị trường như: lãi suất trên thị trường ngân hàng, chỉ số VN-Index, mức tăng trưởng GDP.
- **Phương pháp theo dõi và phân tích thường xuyên** áp dụng với những khoản đầu tư cụ thể (rủi ro phi hệ thống) như: lãi suất tương ứng với các kỳ hạn tại từng ngân hàng, biến động về giá cổ phiếu, tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp. Một số mô hình phân tích như SWOT, công thức Dupont, mô hình PESTEL... có thể được sử dụng để xác định rủi ro cụ thể đối với tài sản BVSC có ý định đầu tư.

Biện pháp quản trị

Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

• Rủi ro giá cổ phiếu:

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động từ rủi ro hệ thống của thị trường như các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng như những yếu tố nội tại của doanh nghiệp. Khi thực hiện các quyết định đầu tư, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty chú trọng thực hiện phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế cũng như các yếu tố cơ bản và kỹ thuật của cổ phiếu được lựa chọn đầu tư.

Danh mục đầu tư sau giải ngân được BVSC theo dõi chặt chẽ và thường xuyên thông qua các công cụ đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán giá trị tổn thất chịu rủi ro (VAR – Value at risk). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

• Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình lãi suất trên thị trường, cạnh tranh giữa các ngân hàng để có được các mức lãi suất có lợi, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt. Kết quả là năm 2021, Công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Nhận diện

Đây là rủi ro xảy ra khi đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian cam kết.

Phương pháp xác định

Rủi ro tín dụng được nhận diện theo từng đối tác và từng danh mục công nợ, bao quát các nghiệp vụ được đánh giá có tiềm ẩn rủi ro thanh toán. Ví dụ, đối với rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, năng lực tài chính mức độ tín nhiệm của khách hàng được đánh giá thông qua các tiêu chí định lượng như giá trị tài sản ròng, thời gian và giá trị giao dịch trước đó, tỷ lệ ký quỹ thực tế của món vay... và các tiêu chí định tính bổ sung như đánh giá tiềm năng về mối quan hệ, khả năng tài chính của khách hàng... Rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ đầu tư trái phiếu được đánh giá qua các chỉ tiêu tài chính của tổ chức phát hành như phân tích tình hình tài chính; dự báo dòng tiền của doanh nghiệp để đánh giá khả năng trả gốc và lãi khi đến hạn; tỷ lệ giá trị tài sản đảm bảo so với tổng giá trị trái phiếu phát hành...

Biện pháp quản trị

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động mà rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới. Cụ thể:

- **Đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn:**

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi/ hạn mức rủi ro tín dụng mà HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt. BVSC luôn chủ động thường xuyên đánh giá, phân tích ngân hàng, tình hình thị trường, mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn trước khi thiết lập hợp đồng đầu tư tiền gửi.

- **Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu:**

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT phê duyệt. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành.

- **Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ:** Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát các khách hàng có rủi ro tích tụ là những khách hàng có số dư nợ cho vay ký quỹ cao và tài sản đảm bảo tập trung vào chỉ một hoặc một vài mã chứng khoán.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN về giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát danh mục và hạn mức giao dịch ký quỹ cho từng cổ phiếu.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Trong năm 2021, các hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu và cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty không phát sinh sự kiện rủi ro tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Nhận diện

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.

Phương pháp xác định

- Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, BVSC lập khung thời gian đáo hạn đối với dòng tiền phải chi ra và thu về; từ đó, phân tích được mức độ chênh lệch về dòng tiền tại từng thời điểm, xác định rủi ro thanh khoản tiềm ẩn và đưa ra những phương án dự phòng. Đồng thời, BVSC thực hiện theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thông qua phân tích loại hình nguồn vốn và đối tượng cấp nguồn, giúp đảm bảo an toàn vốn, quản lý được các nguồn công nợ cũng như phát hiện ra sự mất cân bằng có thể có.
- Đối với những chứng khoán BVSC thực hiện đầu tư, rủi ro thanh khoản được xác định thông qua việc tính toán, đánh giá tỷ lệ giữa số lượng chứng khoán nắm giữ so với khối lượng giao dịch bình quân và so với số lượng cổ phiếu lưu hành của doanh nghiệp. Ngoài ra, tính thanh khoản và biến động về giá, khối lượng giao dịch của chứng khoán được đo lường, theo dõi và giám sát trong thời gian ít nhất là 02 tháng gần nhất.

Biện pháp quản trị

Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền và tiền sản của Công ty để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ đối với khách hàng. Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc cân đối dòng tiền thu chi, duy trì kênh tương tác và phối hợp chặt chẽ trong công tác báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như gửi các cảnh báo thị trường để cân đối dòng tiền đạt hiệu quả nhất, giảm thiểu nguy cơ mất thanh khoản.

Đồng thời, Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đảm bảo đáp ứng đủ cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về dòng tiền. Các

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

đệm thanh khoản được củng cố thông qua việc đầu tư vào các tài sản tài chính có tính thanh khoản tốt và việc không ngừng tìm kiếm các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để gia tăng khả năng đối phó với các tình huống căng thẳng thanh khoản.

Trong năm 2021, BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, các Sở Giao dịch, các đối tác và khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2021, tỷ lệ này hàng tháng luôn ở quanh mức 500%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCK Nhà nước.

Rủi ro hoạt động

Nhận diện

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Phương pháp xác định

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào mục tiêu

Phương pháp này xem xét những yếu tố khiến BVSC có khả năng không đạt được mục tiêu, kế hoạch kinh doanh. Ví dụ, trong hoạt động môi giới và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, những yếu tố có thể liệt kê là trình độ chuyên môn của cán bộ môi giới, cán bộ tư vấn; sản phẩm và chất lượng các gói dịch vụ chưa đủ tính cạnh tranh. Với mục tiêu đảm bảo việc vận hành ổn định của hệ thống công nghệ thông tin, các kịch bản sự cố liên quan tới lỗi hệ thống phần mềm, lỗi đường truyền, lỗi kỹ thuật khác trong hệ thống công nghệ thông tin được xây dựng để có biện pháp xử lý hiệu quả và kịp thời.

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào tình huống

Phương pháp này cần đặt ra giả thiết về tình huống có thể xảy ra trong thực tế, từ đó xem xét các phương tiện kỹ thuật, năng lực cán bộ trong các phòng để có thể xử lý hoặc giải quyết những tình huống này hay không.

Phương pháp xác định rủi ro dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ

Phương pháp này dựa vào kinh nghiệm, tiền lệ và tình huống đã xảy ra trong quá khứ để nhận diện và đánh giá các rủi ro. Các biện pháp đã từng áp dụng trong quá khứ cần được phân tích kỹ lưỡng, nếu là giải pháp hợp lý có thể coi đó như tiền lệ để áp dụng cho các rủi ro tương tự về sau.

Phương pháp hỗn hợp để xác định rủi ro

Phương pháp này áp dụng kết hợp nhiều phương pháp ở trên nhằm nhận diện những rủi ro tiềm ẩn, khả năng xảy ra cũng như mức độ tác động.

Biện pháp quản trị

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty niêm yết, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ công tác tài chính kế toán, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán, phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn - đào tạo - huấn luyện đến kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn là một ưu tiên hàng đầu.

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng quy trình để ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp hơn với các quy định pháp luật, quy chế và chính sách của Công ty.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi rủi ro đã được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Ở cấp độ người sử dụng phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành các chính sách phân quyền sử dụng để đảm bảo sự phù hợp với nhiệm vụ, phạm vi công việc của từng phòng, cá nhân sử dụng. Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện kiểm tra, rà soát tuân thủ đối với hoạt động công nghệ thông tin nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành và sử dụng hệ thống.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại Trung tâm dữ liệu CMC Tower đạt chuẩn TIER 3 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ Công ty thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, từ đó, có phương án quản trị những rủi ro được nhận diện.

Rủi ro pháp lý

Nhận diện

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Phương pháp xác định

Rủi ro pháp lý được xác định thông qua công tác phối hợp giữa bộ phận QTRR, Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và các phòng ban khác trong việc rà soát hệ thống quy trình, quy chế, các loại văn bản sử dụng để đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh của BVSC được phân tích và đúc kết kinh nghiệm.

Biện pháp quản trị

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng, thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty để mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

Rủi ro danh tiếng

Nhận diện

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu.

Phương pháp xác định

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra từ sự kiện rủi ro của các rủi ro khác, đặc biệt là rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý như việc cán bộ làm sai quy trình, vi phạm đạo đức nghề nghiệp dẫn đến việc khách hàng kiện tụng; cán bộ vi phạm pháp luật; việc không bảo mật thông tin nội bộ; việc phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp; việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin.

Biện pháp quản trị

Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.



Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Quy trình quản trị rủi ro



Tóm lược 4 bước của Quy trình quản trị rủi ro

Thiết lập tình huống

Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...

Nhận diện, xác định rủi ro

Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 03 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro và Đối tượng bị tác động bởi rủi ro.

Đo lường, phân tích rủi ro

Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện.

Xử lý rủi ro

Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc vào mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.



Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Hoạt động QTRR trong năm 2021

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2021 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban chức năng của Công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Thực hiện các biện pháp QTRR để đảm bảo tính liên tục của hoạt động kinh doanh trong bối cảnh Covid-19

Để đảm bảo chung tay cùng cả nước chống dịch và đảm bảo tính liên tục của hoạt động kinh doanh, Công ty đã sớm triển khai các biện pháp QTRR:

- Triển khai tiêm phòng vacxin cho cán bộ nhân viên: BVSC là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện tiêm vaccine cho cán bộ nhân viên tại Trụ sở và Chi nhánh. Trong năm 2021, toàn bộ cán bộ nhân viên của BVSC đã được tiêm đầy đủ 02 mũi cơ bản và trong tháng 01/2022, Công ty tiếp tục tổ chức tiêm mũi 03 tăng cường cho cán bộ nhân viên, tỷ lệ , tỷ lệ tiêm mũi 3 tại công ty đạt hơn 75%.
- Trong các giai đoạn cao điểm bùng phát dịch, Công ty đã nhanh chóng tổ chức chế độ luân phiên làm việc tại nhà/tại các địa điểm khác nhau trong hệ thống công ty để phòng ngừa rủi ro lây nhiễm cũng như để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động của Công ty. Các cuộc họp được linh hoạt chuyển sang hình thức họp trực tuyến toàn bộ hoặc họp trực tiếp kết hợp online tùy theo tình hình diễn biến dịch bệnh. Các ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường sử dụng để hỗ trợ tốt cho cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc tại nhà.
- Liên tục truyền thông tới người lao động và

khách hàng về việc tuân thủ các chỉ thị và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa như yêu cầu khai báo y tế đối với toàn bộ nhân viên, đeo khẩu trang, hạn chế tập trung đông người, tăng cường công tác vệ sinh văn phòng...

- Ban hành các chính sách, giải pháp hỗ trợ hoạt động kinh doanh cũng như xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong giai đoạn bùng phát của dịch Covid, cụ thể:
 - Thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh Covid -19 theo Quyết định số 6A/2021/QĐ-BVSC ngày 05/01/2021 để cán bộ nhân viên có thể liên hệ với các thành viên Ban chỉ đạo nhằm có phương hướng xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch bệnh.
 - Ban hành Quyết định số 614/2021/CV-BCĐ ngày 26/07/2021 v/v tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch.
 - Xây dựng và ban hành phương án hoạt động kinh doanh đảm bảo yêu cầu và quy định về phòng chống dịch Covid -19 theo đúng yêu cầu của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR

Định kỳ các quý, Công ty tổ chức họp Hội đồng QLRR của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, Bộ phận QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QTRR & ALCO của BVSC. Các cuộc họp nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động QLRR đang được tiến hành tại Công ty, đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý. Nội dung các kỳ họp Hội đồng QLRR cụ thể như sau:

Kỳ họp lần 1 (03/03/2021)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 4 năm 2020.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý IV/2020 và nhận diện xu hướng rủi ro quý I/2021, quý II/2021.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I và quý II/2021.
- Xây dựng kế hoạch họp Hội Đồng Quản Lý Rủi ro năm 2021.

Kỳ họp lần 2 (25/06/2021)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 1 năm 2021.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý I/2021, quý II/2021 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý III/2021.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý III/2021.
- Lập kế hoạch thực hiện Nhận diện và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong Công ty trong quý III/2021.

Kỳ họp lần 3 (05/10/2021)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 2 năm 2021.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý II/2021, quý III/2021 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý IV/2021.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2021.
- Báo cáo kết quả Nhận diện và đăng ký rủi ro năm 2021 tại tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.

Kỳ họp lần 4 (25/01/2022)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 3 năm 2021.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý III/2021, quý IV/2021 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý I/2022.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2022.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR

| Hoạt động | Mô tả |
|--------------------------|--|
| Báo cáo Tháng | <p>Báo cáo rủi ro hàng tháng được gửi tới Ban TGD để báo cáo về 06 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro được theo dõi, xử lý phù hợp và kịp thời.</p> <p>Báo cáo chuyên biệt hàng tháng về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc đánh giá về tính chất tập trung của những khách hàng có số dư nợ cho vay ký quỹ cao và tài sản đảm bảo tập trung vào chỉ một hoặc một vài mã chứng khoán. Đây cũng là một cơ sở, dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.</p> |
| Báo cáo Quý | <p>Báo cáo hàng quý phản ánh toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả.</p> <p>Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2021 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo nêu chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro tại BVSC |
| Báo cáo Bán niên tổ chức | <ul style="list-style-type: none"> Văn bản, quy trình, quy chế về quản trị rủi ro của BVSC Công tác kiểm tra, giám sát của BVSC về quản trị rủi ro Đánh giá về tính độc lập, tránh các xung đột lợi ích trong hoạt động của Công ty |
| Báo cáo năm | <p>Trong năm 2021, Công ty đã tiến hành rà soát để ban hành chính sách rủi ro năm 2022 và gửi báo cáo tới UBCKNN. Chính sách rủi ro của BVSC tóm lược các định hướng triển khai của BVSC trong công tác quản trị rủi ro, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu của chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro của BVSC Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị rủi ro Chính sách quản trị các loại rủi ro được BVSC nhận diện và theo dõi |

Xây dựng văn hóa QTRR

| Hoạt động | Mô tả |
|--|--|
| Đào tạo văn hóa tuân thủ và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC | Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự kế cận, Công ty đã xây dựng chuyên đề về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên Future Broker. |

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

| Hoạt động | Mô tả |
|--|--|
| Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro. | Các phòng nghiệp vụ phối hợp với bộ phận QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ; từ đó, cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Công tác đăng ký và rà soát rủi ro được thực hiện định kỳ hàng năm giúp BVSC nhận diện và giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh. |

Rà soát, cập nhật văn bản chính sách rủi ro

| Hoạt động | Mô tả |
|----------------------------------|---|
| Cập nhật hạn mức rủi ro năm 2021 | Hạn mức rủi ro năm 2022 được cập nhật phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, những thực tế phát sinh của năm 2021 và những thay đổi trong định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022. |

Thực hiện diễn tập các tình huống phòng ngừa rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh

| Hoạt động | Mô tả |
|--|--|
| Xây dựng một số kịch bản tình huống khẩn cấp/sự cố đối với hoạt động công nghệ thông tin và triển khai diễn tập rủi ro | Đầu năm 2021, BVSC đã thực hiện xây dựng một số kịch bản sự cố và triển khai diễn tập xử lý tình huống. Các kịch bản được đưa ra bao gồm: diễn tập nhập lệnh tại sàn HSX; khôi phục lại dữ liệu trên phần mềm nghiệp vụ, dữ liệu trên ổ cứng bị mất mát; hệ thống mạng bị tấn công/bị đứt đường truyền, chuyên viên vận hành CNTT không thể đến được văn phòng làm việc do bị cách ly Covid... Kết quả thực hiện diễn tập đảm bảo các sự cố được xử lý kịp thời và hiệu quả. |

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trọng yếu trong năm 2021

Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, thị trường chứng khoán giao dịch sôi động với số lượng tài khoản mở mới, kỷ lục kể từ khi thị trường chứng khoán Việt Nam được thành lập, hoạt động quản trị rủi ro của BVSC vẫn được thực hiện một cách hiệu quả, cho thấy khả năng thích ứng nhanh của BVSC trước các thay đổi từ bên ngoài. Kết quả cụ thể như sau:

- BVSC không để xảy ra sự cố gây gián đoạn hoạt động kinh doanh. Trong các giai đoạn cao điểm bùng phát dịch bệnh, thời điểm cao điểm nhất tỷ lệ làm việc WFH của Công ty lên tới 100% tại Thành phố Hồ Chí Minh và 50-70% tại Hà Nội, các biện pháp QTRR của Công ty phát huy hiệu quả, giúp cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng được duy trì liên tục. Sức khỏe của cán bộ nhân viên được đảm bảo do việc tiêm vaccine được Công ty chú trọng và thực hiện sớm.
- Các sản phẩm và dịch vụ mới như giao dịch chứng khoán lô lẻ trên hệ thống trực tuyến, mở tài khoản trực tuyến eKYC, sản phẩm nhận ủy thác cho nhà đầu tư cá nhân đảm bảo được triển khai thông suốt, hiệu quả, không phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành, đem tới cho khách hàng dịch vụ với chất lượng cao.

- Công tác xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện kịp thời; không phát sinh sự kiện rủi ro tín dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ. Đi kèm với việc gia tăng nguồn cho vay dịch vụ giao dịch ký quỹ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, rủi ro thanh khoản của Công ty được theo dõi và quản lý chặt chẽ, đảm bảo không để xảy ra sự kiện rủi ro về thanh khoản.
- Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. Văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và phát huy, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Một số định hướng quản trị rủi ro năm 2022

Năm 2022 dự báo nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam có thể vẫn tiếp tục chịu tác động bởi những yếu tố từ bên ngoài như dịch bệnh, chiến tranh; đồng thời, sự thay đổi của môi trường pháp lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán cũng sẽ yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC. Theo đó, công tác quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng thực hiện trên cơ sở một số định hướng như sau:

- Thực hiện rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật về chứng khoán liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Triển khai đào tạo, phổ biến cho các Phòng ban các quy định mới của pháp luật, các quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới do Công ty ban hành để nâng cao tính tuân thủ, nhận thức về rủi ro pháp lý cũng như góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro của Công ty.
- Theo dõi và quản lý thường xuyên, liên tục các loại rủi ro để đưa ra nhận định, đánh giá về xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp quản trị rủi ro cũng như có những điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh những cú sốc từ bên ngoài như dịch bệnh, chiến tranh.
- Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới ngay từ khâu xây dựng, phát triển sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ được triển khai và vận hành trên nền tảng số, để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Chuẩn hóa quy trình và tổ chức đào tạo nhân sự khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới để giảm thiểu các rủi ro, sai sót phát sinh trong quá trình vận hành.
- Cập nhật và mở rộng các chương trình đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho đối tượng nhân sự mới tuyển dụng tại các chương trình Future Broker, Next Gen để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân sự mới tuyển dụng của BVSC, phát triển văn hóa tuân thủ và quản trị rủi ro trong Công ty.
- Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2022. Thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị của Ủy ban QTRR & ALCO và Hội đồng quản trị.
- Đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng các biện pháp kiểm soát, hạn mức rủi ro khi Công ty triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới.

Thực hiện các quy định về quản trị công ty



Là một công ty niêm yết hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, BVSC luôn ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng khuôn khổ quản trị tốt dựa trên bốn trụ cột là công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và minh bạch; nhằm bảo đảm sự bền vững của Công ty vì lợi ích tốt nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty trong năm 2021 của BVSC diễn ra như sau:

- Tuân thủ nghiêm túc quy định trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”), Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự họp ĐHCĐ thường niên năm 2021. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHCĐ đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 280 và Điều 290 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP;
- Cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 276 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty
- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC;
- Để hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản trị Công ty một

cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích, năm 2020 HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT, BM&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán.

- BVSC thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng; cũng như tuân thủ tốt quy định về lập báo cáo Báo cáo thường niên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 196/2020/TT-BTC. Báo cáo thường niên của Công ty được bình chọn trong TOP 10 Doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất thuộc nhóm Vốn hóa vừa tại cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2021;
- Xây dựng khung pháp lý liên quan đến quản trị Công ty: Để đảm bảo văn bản quản trị công ty tuân thủ quy định Luật doanh nghiệp 2020, các quy định về quản trị công ty tại Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và Điều mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng, mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty, mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS theo quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC, BVSC rà soát, sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; và xây dựng mới Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 ban hành.
- Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, văn bản nội bộ

Thực hiện các quy định về quản trị công ty (tiếp theo)

của Công ty và Pháp luật. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; công khai các lợi ích liên quan; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(*) Một số điểm cần phải tiếp tục cải thiện để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty

- Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, BVSC đã xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ trên 10% đến 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất ký giữa BVSC với Tập đoàn Bảo Việt (cổ đông sở hữu 59,92% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết BVSC) hoặc Người có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt; nhưng chưa trình dự thảo các hợp đồng, giao dịch này tại Đại hội. Điều này có thể chưa phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Kế hoạch khắc phục: BVSC rút kinh nghiệm, từ năm 2022 trở đi không thực hiện xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên thông qua việc ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ trên 10% đến 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất ký giữa BVSC với Tập đoàn Bảo Việt (cổ đông sở hữu 59,92% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết BVSC), hoặc Người có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt, mà không trình dự thảo hợp đồng, giao dịch đính kèm. Trường hợp trong năm phát sinh các hợp đồng, giao dịch ký giữa BVSC với Tập đoàn Bảo Việt hoặc Người có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt cần phải có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ; BVSC sẽ trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch này nhằm đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020.

*** Đánh giá hoạt động quản trị doanh nghiệp theo quy chế CAMEL

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2021, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 90,9/100 điểm, tăng nhẹ so với năm 2020. Sự cải thiện đến từ sự tăng trưởng doanh thu, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trên 20% tại 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.

(Tham khảo Phụ lục 1 – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 204 của Báo cáo này)

*** Đánh giá theo thẻ điểm Quản trị công ty Asean và theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do UBCKNN phối hợp với IFC ban hành tháng 08/2019

“

Kể từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị Asean, qua đó công ty đặt mục tiêu cải thiện qua từng năm. Bên cạnh đó, tháng 08 năm 2019 UBCKNN phối hợp với IFC ban hành Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, BVSC tiên phong tự đánh giá và soát hệ thống quản trị của mình dựa trên các chuẩn mực này để có kế hoạch cải thiện hàng năm

Tham chiếu theo chuẩn mực này, trong những năm qua, thông qua việc đánh giá và rà soát lại trên cơ sở đối chiếu với bộ câu hỏi thuộc 5 nhóm chuẩn mực bao gồm Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin và tính minh bạch và Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, kết quả cho thấy BVSC tuân thủ hầu hết các chuẩn mực này. Bên cạnh đó, BVSC cũng nhận diện một số nội dung cần cải thiện và xác định thứ tự ưu tiên để thực hiện, trong đó trong các năm 2019 & 2020 BVSC đã và đang thực hiện tốt các nội dung như sau: bổ sung CBTT bằng tiếng Anh, Thành viên HĐQT đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi thực hiện chiến lược của Công ty ít nhất một năm (tiêu chí E.1.5 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Thực hiện lập kế hoạch họp HĐQT khi bắt đầu năm tài chính (tiêu chí E.3.1 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Công ty đã cải thiện rõ ràng nhất đối với tiêu chí (B).C.1.1. thuộc nhóm chuẩn mực (B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, theo đó Công ty thực hiện báo cáo phát triển bền vững 2019 & 2020 tuân theo các chuẩn mực của tổ chức GRI. Nội dung báo cáo phát triển bền vững được chúng tôi trình bày trong cuốn báo cáo thường niên này;

Một điểm nổi bật, trong năm 2020 để mô hình quản trị của BVSC tiệm cận theo những thông lệ tốt nhất trên thị trường, góp phần hiệu quả trong việc gia tăng giá trị công ty cho cổ đông, BVSC thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ nguyên tắc

quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam; việc thành lập 03 ủy ban này thể hiện BVSC cải thiện thực hiện chuẩn mực trách nhiệm của HĐQT theo quy định Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018. Cụ thể các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban QTCT, BN&TL (tiêu chí E.2.8 và E.2.13 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Ủy ban QTRR&ALCO (tiêu chí E.6.1 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018) và Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E.2.18 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); đồng thời thực hiện bầu 01 Thành viên độc lập có chuyên môn về kế toán là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E.2.20 và 2.22 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018)...

Ngoài ra để bảo đảm đối xử công bằng với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và nước ngoài trong việc thực quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trong năm 2021 BVSC thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công bố sung thêm quy định về: Trình tự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến; quy định cổ đông tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ thông qua bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo như khuyến nghị tại nguyên tắc 9.2 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam và Tiêu chí A.3.9 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018.

Dòng chảy tuần hoàn

Dòng chảy liên tục của các kênh đầu tư trên TTCK trong năm 2021 đã mở ra cơ hội cho các nhà đầu tư, cũng là cơ hội để BVSC thực hiện sứ mệnh của mình. Với việc cho ra đời các sản phẩm trên nền tảng số đã mang lại những trải nghiệm tích cực cho khách hàng và giúp chúng tôi tự hoàn thiện hệ sinh thái số của chính mình.





03

Báo cáo tình hình
hoạt động năm 2021

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021



Cơ hội

GDP của Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng dương. GDP năm 2021 tăng 2,58% so với năm 2020. Tăng trưởng GDP năm 2021 thấp hơn so với năm 2020 do tác động kéo dài của dịch Covid-19, nhưng trong bối cảnh vừa phòng chống dịch sát sao vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả này được coi là thành công lớn. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,17%. Sản xuất công nghiệp trong 2 tháng cuối năm 2021 khởi sắc ngay sau khi các địa phương trên cả nước thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ về Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"

Nền kinh tế và cầu tiêu dùng thế giới hồi phục, đặc biệt ở những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, giúp thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao, năm 2021 đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19%; kim ngạch nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD.

Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ trong năm 2020 tiếp tục được kéo dài sang năm 2021: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất; tạm dừng đóng quỹ bảo hiểm hưu trí, tử tuất; doanh nghiệp được hỗ trợ tiền để trả lương trong trường hợp người lao động ngừng việc tạm thời...

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục phục hồi. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.

Lạm phát được giữ ở mức thấp. Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua. Nguồn cung thực phẩm dồi dào đã giúp chỉ số giá của nhóm hàng có tỷ trọng lớn nhất trong rổ chỉ số tính lạm phát này được duy trì ổn định trong năm 2021.

Mặt bằng lãi suất thấp được duy trì. Với việc lạm phát được duy trì ở mức thấp, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng bằng cách sử dụng linh hoạt các biện pháp khác nhau để hỗ trợ cho thanh khoản thị trường ở trạng thái dồi dào. Lãi suất huy động 12 tháng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất lịch sử.

Thách thức

Dịch Covid-19 có những diễn biến phức tạp. Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. GDP trong Quý 3 giảm trên 6% so với cùng kỳ năm trước.

Sự đứt gãy, gián đoạn trong chuỗi cung ứng hàng hóa ảnh hưởng tới nhiều ngành sản xuất kinh doanh. Chuỗi cung ứng hàng hoá tiếp tục chịu đứt gãy, nhiều loại hàng hoá tăng giá mạnh, ảnh hưởng đến nguyên liệu đầu vào của một số mảng trong nền kinh tế. Giá nguyên vật liệu tăng mạnh là một trong những lí do khiến giải ngân đầu tư công giảm sút trong năm 2021.

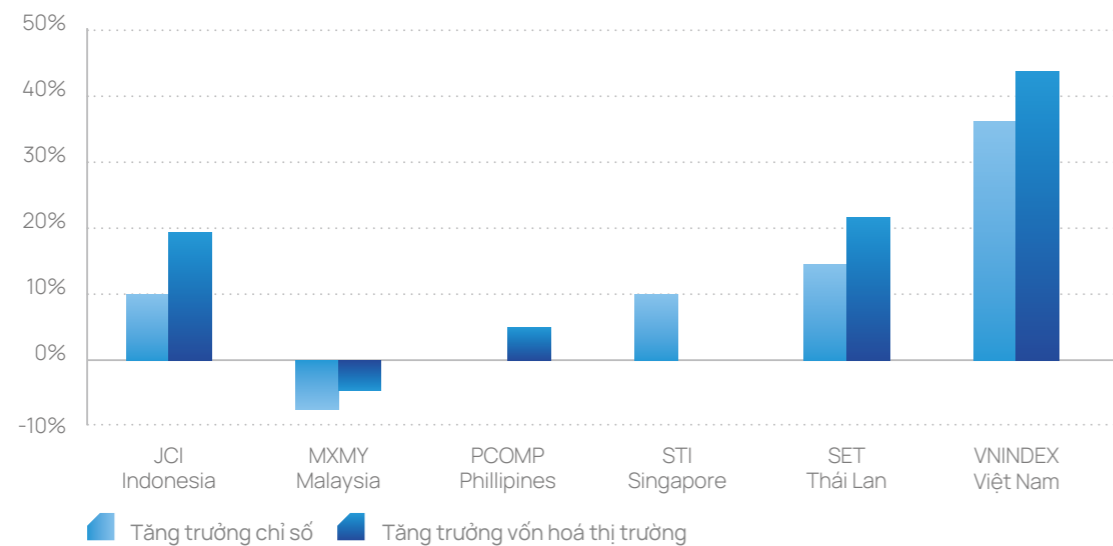
Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021 (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán

Cơ hội

Chỉ số VnIndex tăng điểm tích cực trong năm 2021: Nhờ sự bùng nổ của nhà đầu tư trong nước, thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng trưởng mạnh cả về thanh khoản và vốn hóa và có sự tăng trưởng vượt bậc so với các TTCK khác trong khu vực. Kết thúc năm, chỉ số VnIndex đóng cửa tại 1.498,28 điểm, tăng 35,73%; chỉ số HnxIndex đóng cửa tại 473,99 điểm, tăng 133,35%; chỉ số UpcomIndex đóng cửa tại 112,68 điểm, tăng 51,35%.

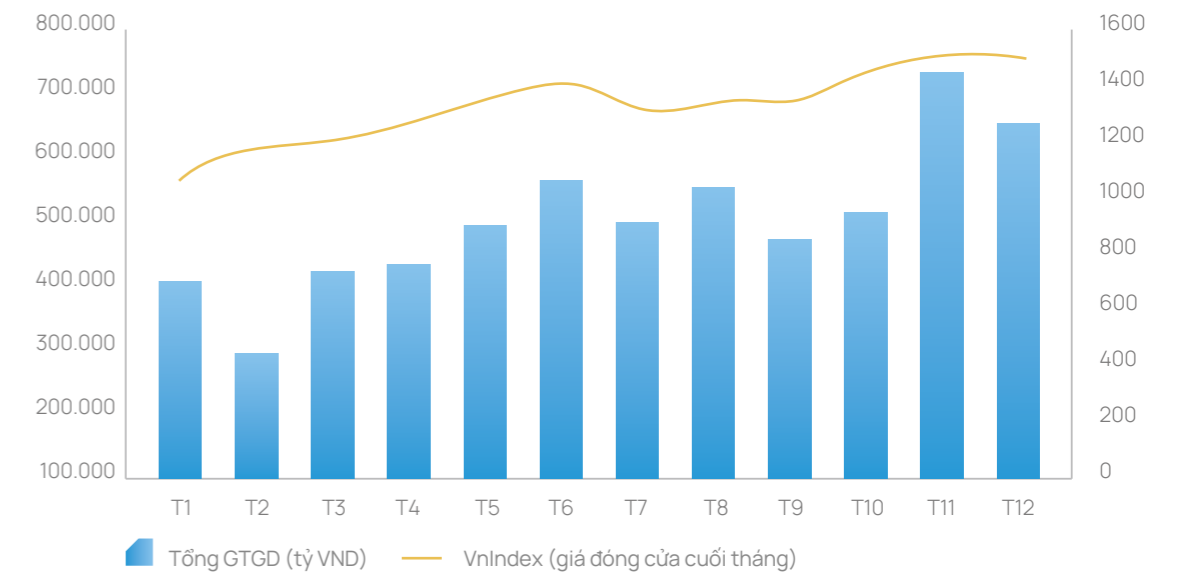
Biểu đồ tốc độ tăng trưởng của các TTCK trong khu vực



Chỉ số VnIndex và vốn hóa thị trường của Việt Nam tiếp tục có mức tăng trưởng mạnh so với các thị trường cổ phiếu khác trong khu vực.

Mặt bằng lãi suất thấp nhất trong nhiều năm: Yếu tố tiền rẻ tiếp tục là động lực chính giúp TTCK tăng trưởng mạnh trong năm 2021. Về điểm số, VnIndex đã vượt qua mức đỉnh lịch sử năm 2018 và xác lập mức cao kỷ lục mới tại 1.511,68 điểm trong phiên 26/11/2021. Thanh khoản thị trường cũng xác lập các mức kỷ lục trong năm 2021. Giá trị giao dịch trung bình phiên trên 3 sản tăng dần theo từng quý, đặc biệt trong quý 4, giá trị giao dịch trung bình phiên trên 3 sản là hơn 33 nghìn tỷ đồng, gấp 3 lần so với mức cao kỷ lục của quý 4 năm trước. Trung bình cả năm, giá trị giao dịch bình quân phiên trên cả 3 sản đạt 26,6 nghìn tỷ đồng, bằng 3,6 lần so với năm 2020.

Biểu đồ Chỉ số và thanh khoản thị trường



Lượng nhà đầu tư mới (F0) tham gia thị trường cao kỷ lục: Năm 2021, lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường (F0) đã giúp thị trường sôi động hơn bao giờ hết. Trong năm 2021, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư trong nước đạt 1.538.802 tài khoản, gấp 4 lần so với cùng kỳ (396.515 tài khoản mở mới năm 2020). Kết thúc năm 2021, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt 4,31 triệu tài khoản, tăng 59% so với cuối năm 2020. Trong đó, số lượng tài khoản trong nước đạt gần 4,26 triệu tài khoản, chiếm 99,8%.

Dòng tiền liên tục chảy vào các quỹ ETF, đến từ cả nhà đầu tư trong và ngoài nước. Mặc dù nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng trong năm vừa qua nhưng dòng tiền từ khối nhà đầu tư này lại liên tục bơm thêm vào các quỹ ETF đang hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc biệt, trong những năm gần đây, hàng năm đều có các quỹ ETF mới ra đời, thu hút thêm dòng vốn đầu tư vào thị trường Việt Nam. Như trong năm 2021, một tổ chức tài chính tại Đài Loan đã huy động vốn thành công và cho ra đời quỹ Fubon Việt Nam với giá trị vốn quản lý hơn 6 nghìn tỷ đồng.

Nhiều nhóm ngành hồi phục tích cực từ nền thấp năm 2020. Với việc vaccine được tiêm chủng trên diện rộng cùng các chính sách hỗ trợ nền kinh tế của Chính Phủ, các nhóm ngành đã có sự phục hồi nhanh chóng và tăng trưởng tích cực. Nhìn vào bức tranh KQKD chung cả năm 2021, LNST toàn thị trường duy trì đã tăng rất tích cực với mức tăng trưởng 43,4% so với năm 2020.

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021 (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán (tiếp theo)

Thách thức

Dịch Covid-19 xuất hiện tại một số tỉnh tại Việt Nam, khiến một số hoạt động sản xuất kinh doanh không diễn ra được như dự kiến. Các làn sóng Covid-19 quay trở lại đã khiến nhiều tỉnh thành phải giãn cách xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp.

Thanh khoản trên thị trường tăng quá mạnh, tạo áp lực lên hệ thống giao dịch. Sự bùng nổ của số lượng nhà đầu tư mới giúp thanh khoản của thị trường tăng mạnh, tuy nhiên đồng thời cũng tạo áp lực lớn lên hệ thống giao dịch. Trong nửa đầu năm 2021, tình trạng quá tải thường xuyên diễn ra khiến cho đà tăng của chỉ số và tâm lý hưng phấn của nhà đầu tư không được duy trì liên tục. Đến đầu quý III năm 2021, tình trạng nghẽn lệnh trên hệ thống giao dịch tại HOSE đã được khắc phục giúp cho các hoạt động giao dịch đã phần nào ổn định trở lại.

Khối ngoại thực hiện bán ròng với giá trị lớn trên cả 2 sàn HSX và HNX: Trên sàn HSX, khối ngoại mua vào 392.442 tỷ đồng và bán ra 450.274 tỷ đồng, chênh lệch bán ròng 57.832 tỷ đồng. Còn tại sàn HNX, khối ngoại mua vào 9.356 tỷ đồng và bán ra 12.448 tỷ đồng, chênh lệch bán ròng 3.091 tỷ đồng.



Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của công ty 2021

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021

Triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Trước những cơ hội và thách thức đặt ra trong năm 2021, đặc biệt là trong bối cảnh làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước trong đó có Hà Nội và TP.HCM phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến có những giai đoạn cao điểm, tỷ lệ làm việc từ xa của cán bộ nhân viên công ty tại Hà Nội lên tới 70%, tại TP. HCM xấp xỉ 100%, bên cạnh đó, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các CTCK trên thị trường, trong điều kiện quy mô vốn của BVSC còn hạn chế, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến tình hình TTCK và tình hình phòng chống dịch của Chính phủ để đề ra những quyết sách kịp thời, giải pháp đúng đắn, đặc biệt là vận dụng một cách hiệu quả các công cụ làm việc trên nền tảng số, để đảm bảo tính ổn định liên tục của hoạt động kinh doanh, quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 giao. Mặt khác, với tinh thần trách nhiệm cao trước các cổ đông, trước các yếu tố thuận lợi của TTCK, thực hiện sự ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT đã rà soát đánh giá và ban hành Nghị quyết số: 26/2021/NQ-HĐQT ngày 11/11/2021 điều chỉnh KHKD năm 2021 đối với BVSC, theo đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế thực hiện 2021 tăng lần lượt lên 805 tỷ đồng và 166 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 34% và 43% so với KH ban đầu được ĐHĐCĐ năm 2021 giao.

Với nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, BVSC đã hoàn thành xuất sắc KHKD năm 2021 điều chỉnh, cụ thể:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 đạt 1.147,19 tỷ đồng hoàn thành 130,36 % KHKD điều chỉnh (880 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu đã thực hiện là

1.052,83 tỷ đồng hoàn thành 131,79% KHKD điều chỉnh (805 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 282,94 tỷ đồng hoàn thành 140,07% KHKD điều chỉnh (202 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sau thuế đã thực hiện là 232,20 tỷ đồng hoàn thành 139,88% so với KHKD điều chỉnh (166 tỷ đồng).

Với kết quả kinh doanh như trên, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc hoàn thành xuất sắc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2021.

Triển khai nhiệm vụ khác

Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, HĐQT phối hợp BKS, Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 bao gồm thanh toán cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 08% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban quản trị;
- Thực hiện lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 11, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ trên 10% đến 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Tập đoàn Bảo Việt hoặc Người có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt.
- Hoàn thành việc chuyển trụ sở Công ty từ địa chỉ số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm chuyển đến số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của công ty 2021 (tiếp theo)

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

Xây dựng định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025: Để thích ứng với môi trường kinh doanh mới trong giai đoạn 05 năm tới đây, dựa trên phân tích các yếu tố: Xu hướng phát triển của ngành chứng khoán, kinh nghiệm phát triển các công ty chứng khoán trên thế giới và trong khu vực; Môi trường kinh doanh của TTCK Việt Nam & Phân tích điều kiện về tài chính, định vị điểm mạnh, điểm yếu của BVSC, HĐQT đã hoàn tất việc rà soát đánh giá tình hình thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và xây dựng định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025 để trình ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua.

Công tác quản trị và điều hành: HĐQT chỉ đạo Công ty tiến hành giải pháp kịp thời, căn cơ và toàn diện đối với các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của Dịch Covid-19 gây ra; đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục trong thời gian phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 gây ra như: đẩy nhanh triển khai dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến eKYC; phê duyệt cho Công ty triển khai Chương trình “BVSC-Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc” với nhiều hoạt động đa dạng nhằm ứng phó với đại dịch Covid (triển khai tiêm phòng vaccine cho NLD, ủng hộ Quỹ vắc xin Covid 19 của Chính phủ, ủng hộ lực lượng tuyến đầu tham gia phòng chống dịch, triển khai tiêm phòng vắc xin cho cán bộ nhân viên toàn công ty); trong năm HĐQT cũng đã chỉ đạo Công ty hoàn tất việc chuyển trụ sở Công ty từ địa chỉ số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm chuyển đến số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phát triển sản phẩm và dịch vụ mới: HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm của BVSC. Kết quả, năm 2021 BVSC liên tục cho ra mắt các sản phẩm và dịch vụ như: dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến eKYC; tính năng cho phép nhà đầu tư chủ động bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE trên Online và triển khai mua chứng khoán lô lẻ định kỳ hàng tháng; Sản phẩm ủy thác BVS Value.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin: Dịch Covid-19 vừa là thách thức đồng thời cũng là cơ hội để đẩy nhanh tiến trình số hóa toàn diện hoạt động kinh doanh của công ty. Trong bối cảnh này, HĐQT chỉ đạo Công ty đẩy mạnh số hóa nền tảng dịch vụ chứng khoán với những nâng cấp và hoàn thiện liên tục các tính năng của nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise, bảng giá BVS@LiveBoard thế hệ mới và App Mobile; cũng như đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng công việc như Any Desk, họp trực tuyến trên Zoom....giúp đảm bảo tính liên tục ổn định

của hoạt động kinh doanh mà không bị cản trở bởi dịch Covid 19 , tối ưu năng suất làm việc của cán bộ, nhân viên Công ty.

Phát hành trái phiếu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh: Trong bối cảnh Giá trị giao dịch thị trường gia tăng nhanh đã đẩy nhu cầu vay margin, ứng trước của khách hàng lên cao. Để đáp ứng nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, trong năm HĐQT đã nghiên cứu và thông qua đề xuất của Công ty về phát hành riêng lẻ 100 tỷ đồng trái phiếu với mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty.

Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro: HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2021 theo đề xuất của Công ty. Ngoài ra, HĐQT đề nghị Công ty tiếp tục chủ động phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC, tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ khó đòi.



Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của ban Tổng giám đốc

Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT dựa trên các mặt hoạt động sau:

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ: Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT và BKS. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch và quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động.

Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản trong năm (Chi tiết các nghị quyết và quyết định trong năm vui lòng xem tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021 được Công ty phát hành ngày 27/01/2022; và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<https://bvsc.com.vn/NewEvent/2022128/978159/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2021.aspx>).

Thông qua vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan Kiểm toán nội bộ: Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ, công tác nhân sự, việc thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, quá trình đầu tư cơ sở vật chất.....trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty cũng như trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát: HĐQT đã phối hợp tích cực với BKS, dưới sự giám sát hoạt động của BKS để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế quản trị và hoạt động của BVSC;

Thông qua các cơ chế kiểm soát, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021: (i) đã luôn chủ động, bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra những giải pháp kinh doanh đúng đắn, nắm bắt cơ hội thị trường để có được kết quả kinh doanh hoàn thành xuất sắc vượt kế hoạch do ĐHCĐ giao; (ii) BVSC phát triển được những sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm; (iii) BVSC đã duy trì một chính sách nhân sự ổn định, không những đảm bảo cho người lao động sự an toàn về việc làm, về sức khỏe và sự ổn định về thu nhập, mà còn triển khai được nhiều hoạt động hiệu quả thiết thực cho mục tiêu phát triển trung và dài hạn; (iv) Đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cần trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT.



Thực hiện các mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường

Bên cạnh những mục tiêu kinh tế, HĐQT nhận thức mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Do đó năm 2021 HĐQT chỉ đạo Công ty tích cực triển khai: các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng và an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ để giảm thiểu các tác động đến môi trường; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, trong năm 2021 trước sự lây lan nhanh chóng của dịch bệnh Covid19, đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ toàn dân đồng lòng, chung sức

tham gia chống dịch Covid-19, HĐQT phê duyệt cho Công ty triển khai chương trình "BVSC - Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc". Chương trình bao gồm các hoạt động phát động cán bộ nhân viên Công ty ủng hộ Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 của Chính phủ & triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccine cho người lao động. Tính đến nay, BVSC đã phát động và ủng hộ bằng hiện kim và hiện vật cho Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 của Chính phủ, cho các Quỹ phòng chống Covid-19 của các địa phương và lực lượng tuyến đầu phòng chống dịch số tiền lên tới gần 3 tỷ đồng. Triển khai tiêm phòng vắc -xin Covid-19 cho người lao động công ty với tỷ mũi 2 bao phủ đạt 100% và mũi 3 bao phủ hơn 75%.

(Thông tin chi tiết về nội dung thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 152 đến trang 207 Báo cáo này).

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2022 (vui lòng tham khảo tại Chương IV, từ trang 142 đến trang 153 của Báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành KHKD năm 2022 với các chỉ tiêu sau

- Tổng doanh thu: 1.169 tỷ đồng tương ứng 102% so với Tổng doanh thu năm 2021; trong đó Doanh thu thực hiện đạt 1.080 tỷ đồng tương ứng 103% so với Doanh thu thực hiện năm 2021;
- Lợi nhuận sau thuế: 283,5 tỷ đồng tương ứng 100,2% so với Lợi nhuận sau thuế năm 2021; trong đó Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 236 tỷ đồng tương ứng 102% so với Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021.

(KHKD năm 2022 này gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương IV của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2022)

Định hướng kinh doanh trong năm 2022, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh, đầu tư; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm của BVSC; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh khi Công ty đáp ứng điều kiện về Vốn điều lệ.

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty

Căn cứ định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025, để tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty, trong năm 2022 HĐQT chỉ đạo Công ty trên các hoạt động sau:

Hoạt động môi giới: vẫn sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua các giải pháp đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, và giải pháp công nghệ thông tin.

Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành: Đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu; song song với duy trì hoạt động tư vấn M&A là thế mạnh của BVSC. Bên cạnh đó, tận dụng cơ hội khi kế hoạch thoái vốn, cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 được Chính phủ phê duyệt, BVSC đẩy mạnh tiếp cận các Tập đoàn, Doanh nghiệp có nhu cầu tái cơ cấu để tư vấn IPO và niêm yết cổ phiếu.

Đẩy mạnh việc khai thác lợi thế bán chéo trong Tập đoàn Bảo Việt để mở rộng thêm mạng lưới khách hàng để triển khai các hợp đồng tư vấn thuộc thế mạnh của BVSC.

Hoạt động tự doanh: Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, mang lại hiệu quả cho danh mục đầu tư.

Hoạt động cho vay và phải thu: xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt, có tính cạnh tranh đối với dịch vụ margin và ứng trước, qua đó thúc đẩy hoạt động môi giới cũng như khai thác hiệu quả, tối ưu nguồn vốn;

Huy động vốn: thúc đẩy triển khai phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm gia tăng năng lực tài chính của Công ty, để đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công tác nhân sự: (i) duy trì chính sách nhân sự ổn định, đảm bảo cho người lao động về việc làm, về sức khỏe và sự ổn định về thu nhập; (ii) triển khai tuyển dụng và đào tạo có tính quy mô, có chiều sâu hơn, kiểm soát được chất lượng hướng tới hoạch định nguồn cung nhân sự toàn diện tại tất cả các vị trí trong Công ty; (iii) đa dạng các chính sách đãi ngộ & xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp để thu hút & giữ chân nhân tài.

Công nghệ thông tin: Chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm; đang từng bước thực hiện quá trình chuyển đổi số trong các khâu hoạt động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh và quản trị điều hành Công ty trong thời đại chuyển đổi số tại các đang diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng; đồng thời tối ưu năng suất làm việc của cán bộ, nhân viên Công ty.

Hợp lực với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt: Chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực trong khuôn khổ các đề án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc

Tình hình hoạt động trong năm 2021

Bối cảnh thị trường – Cơ hội & Thách thức trong năm 2021

Trong năm 2021, lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường (F0) đã giúp thị trường sôi động hơn bao giờ hết. Kết thúc năm 2021, số lượng tài khoản nhà đầu tư tăng 55,5% so với cuối năm 2020. Yếu tố tiền rẻ là động lực lớn, giúp thị trường chứng khoán thăng hoa trong năm 2021. Cả thanh khoản và điểm số đều được cải thiện mạnh. Giá trị giao dịch trung bình phiên liên tục bứt phá và tạo các kỷ lục mới, trung bình mỗi phiên trên cả 3 sàn đạt 26.661 tỷ đồng, tăng tới 259% so với năm 2020. Thanh khoản tăng cao, hỗ trợ rất lớn tới doanh thu môi giới của các CTCK. Phần lớn các cổ phiếu trên thị trường đều tăng giá trong năm 2021, đây chính là cơ hội tốt thu hút các nhà đầu tư và thuận lợi cho hoạt động tự doanh.

Mặt bằng lãi suất thấp cũng đã thúc đẩy thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển. Tổng giá trị phát hành TPDN trong năm 2021 đạt mức cao nhất trong lịch sử, trên 650 nghìn tỷ, tăng khoảng 40% so với lượng phát hành trong năm 2020. Thị trường TPDN phát triển là cơ hội thu xếp vốn lớn với các CTCK.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi trên, năm 2021 cũng là năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Các làn sóng Covid-19 trở lại tại nhiều tỉnh, thành phố trên khắp cả nước đã khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh không được diễn ra như dự kiến. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK cùng với những thách thức trong năm 2021 như đã phân tích tại Phần I của Chương này, vừa mang lại cơ hội kinh doanh cho các CTCK vừa đặt ra những yêu cầu thách thức hơn trong việc gia tăng lợi thế cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ, công tác quản trị nhằm phòng ngừa rủi ro để đạt được mục tiêu tăng trưởng.

Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC

Trong nhiều năm qua, BVSC đã từng bước có sự chuyển đổi đồng bộ trên nhiều phương diện, từ việc đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống CNTT, chú trọng phát triển nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, có khả năng thích ứng và chuyển đổi tốt, thiết lập & vận hành hệ thống quản trị rủi ro một cách chuyên nghiệp...Bên cạnh đó, cùng lợi thế về thương hiệu là CTCK uy tín, có lịch sử hoạt động lâu dài và ổn định, am hiểu thị trường & là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt – một tập đoàn Tài chính bảo hiểm lâu đời nhất tại Việt Nam...Công ty tận dụng tối đa cơ hội thị trường khi triển khai kinh doanh đã giúp BVSC có được kết quả ấn tượng trong năm qua.

Thách thức lớn nhất đối với BVSC là về nguồn vốn kinh doanh. Quy mô vốn còn hạn chế khiến công ty đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh quy mô TTCK ngày càng phát triển, cùng với làn sóng tăng vốn liên tiếp của các Công ty chứng khoán trong năm vừa qua. Cụ thể, vốn điều lệ hiện nay của công ty chưa đáp ứng quy định pháp lý để có thể triển khai các sản phẩm phái sinh, chứng quyền có bảo đảm...làm hạn chế năng lực cạnh tranh trên thị trường, cũng như khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng dẫn đến những khó khăn trong việc giữ vững và gia tăng thị phần môi giới trong thời gian qua.

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU | TH 2020 | TH 2021 | KH 2021 | TH 2021 so với KH 2021 | TH 2021 so với cùng kỳ |
|----------|---|---------------|-----------------|---------------|---------------------------|---------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 594,46 | 1.147,19 | 880,00 | 130,36% | 192,98% |
| | Doanh thu và thu nhập khác đã thực hiện | 518,23 | 1.052,83 | 805,00 | 130,79% | 203,16% |
| 2 | Tổng chi phí | 440,13 | 796,16 | 638,97 | 124,60% | 180,89% |
| | Chi phí đã thực hiện | 393,76 | 761,86 | 599,97 | 126,98% | 193,48% |
| 3 | LN trước thuế | 154,33 | 351,03 | 241,03 | 145,64% | 227,45% |
| | LN trước thuế đã thực hiện | 124,47 | 290,97 | 205,03 | 141,91% | 233,76% |
| 4 | LN sau thuế | 132,38 | 282,94 | 202,00 | 140,07% | 213,74% |
| | LN sau thuế đã thực hiện | 105,03 | 232,20 | 166,00 | 139,88% | 221,08% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2021

- Tổng doanh thu và thu nhập khác 2021 của Công ty lần đầu tiên vượt mức một ngàn tỷ đồng, đạt 1.147,19 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 1.052,83 tỷ đồng bằng 130,79% so với kế hoạch và bằng 203,16% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và doanh thu từ hoạt động tự doanh chiếm tới hơn 90% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.
- Lợi nhuận trước thuế cả năm là 351,03 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 290,97 tỷ đồng bằng 141,91% so với kế hoạch và bằng 233,76% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 282,94 tỷ đồng trong đó, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 232,20 tỷ đồng, bằng 139,88% kế hoạch và bằng 221,08% so với cùng kỳ năm trước.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2021 | So sánh % | |
|---|--------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|---|
| | | | | Tỷ lệ TH 2021 so với KH 2021 | Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước |
| I. Tổng Doanh thu, trong đó: | 594,15 | 1 147,11 | 880,00 | 130,35% | 193,07% |
| 1. Doanh thu hoạt động | 568,06 | 1 138,32 | 859,00 | 132,52% | 200,39% |
| 1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 151,39 | 467,67 | 360,00 | 129,91% | 308,91% |
| 1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 174,09 | 361,77 | 270,00 | 133,99% | 207,81% |
| <i>Lãi cho vay margin</i> | 149,86 | 273,61 | 200,00 | 136,80% | 182,58% |
| <i>Lãi cho vay ứng trước</i> | 24,23 | 88,16 | 70,00 | 125,94% | 363,80% |
| 1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư tự doanh) | 212,91 | 255,98 | 190,50 | 134,37% | 120,23% |
| <i>Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện</i> | 136,67 | 161,62 | 115,50 | 139,93% | 118,25% |
| <i>Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện</i> | 76,24 | 94,37 | 75,00 | 125,82% | 123,78% |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 14,62 | 28,33 | 21,20 | 133,62% | 193,73% |
| 1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 6,85 | 12,70 | 8,70 | 145,93% | 185,35% |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 5,68 | 9,23 | 6,60 | 139,90% | 162,63% |
| 1.7. Doanh thu hoạt động khác | 2,52 | 2,65 | 2,00 | 132,28% | 104,92% |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | 26,09 | 8,79 | 21,00 | 41,87% | 33,70% |
| II. Tổng chi phí | (439,78) | (795,52) | (638,47) | 124,60% | 180,89% |
| 1. Chi phí hoạt động | (318,40) | (509,53) | (408,15) | 124,84% | 160,03% |
| <i>Trong đó: Chi phí thực hiện</i> | (272,03) | (475,22) | (369,15) | 128,73% | 174,69% |
| <i>Chi phí chưa thực hiện</i> | (46,37) | (34,30) | (39,00) | 87,96% | 73,98% |
| 2. Chi phí hoạt động tài chính | (32,74) | (108,58) | (80,00) | 135,73% | 331,64% |
| 3. Chi phí quản lý | (88,63) | (177,41) | (150,32) | 118,02% | 200,17% |

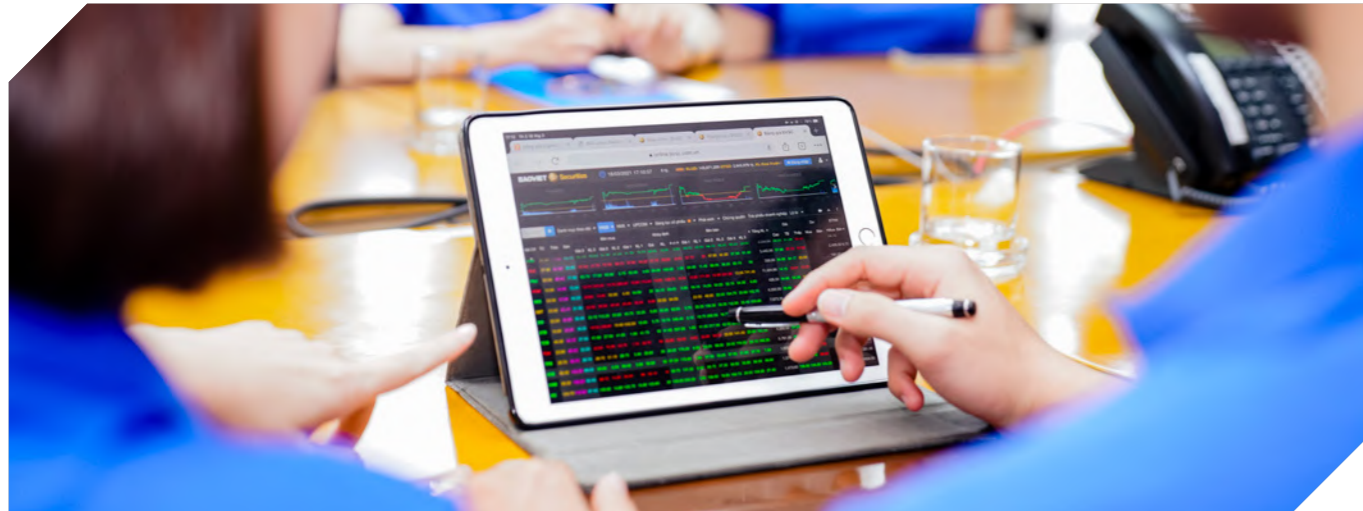
Đơn vị: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2021 | So sánh % | |
|--|--------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|---|
| | | | | Tỷ lệ TH 2021 so với KH 2021 | Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước |
| III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 154,37 | 351,59 | 241,53 | 145,57% | 227,75% |
| IV. Lợi nhuận/ Lỗ khác | (0,04) | (0,56) | (0,50) | | 1347,59% |
| <i>Trong đó: Thu nhập khác</i> | 0,31 | 0,08 | - | | 25,77% |
| <i>Chi phí khác</i> | (0,35) | (0,64) | (0,50) | 128,21% | 181,31% |
| V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế | 154,33 | 351,03 | 241,03 | 145,64% | 227,45% |
| Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế | 124,47 | 290,97 | 205,03 | 141,91% | 233,76% |
| VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) | (21,95) | (68,08) | (39,03) | 174,45% | 310,15% |
| 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | (19,44) | (58,76) | (39,03) | 150,57% | 302,29% |
| 2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (2,51) | (9,32) | - | | 370,97% |
| IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 132,38 | 282,94 | 202,00 | 140,07% | 213,74% |
| Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế | 105,03 | 232,20 | 166,00 | 139,88% | 221,08% |
| X. Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN | 17,01 | 50,20 | - | | 295,14% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | 1 376 | 3 042 | | | 221,08% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2021

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch (tiếp theo)



Về doanh thu

- **Doanh thu hoạt động môi giới:** đạt 467,67 tỷ đồng, bằng 129,91% so với kế hoạch, bằng 308,91% so với cùng kỳ năm trước. Thanh khoản thị trường tăng mạnh chính là yếu tố quan trọng hỗ trợ hoạt động môi giới hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh và tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước.
- **Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu** cũng đạt 361,76 tỷ đồng, bằng 133,99% so với kế hoạch và bằng 207,81% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù còn khá hạn chế về nguồn vốn kinh doanh, tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã nỗ lực khai thác các nguồn vốn vay ngắn hạn và quản trị nguồn vốn hợp lý, cùng với tốc độ tăng trưởng của hoạt động môi giới, thị trường chứng khoán diễn biến rất sôi động, khách hàng sử dụng các dịch vụ tài chính kèm theo (gồm cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán) thường xuyên với khối lượng lớn đã tạo nên sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra.
- **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính** (bao gồm lãi từ đầu tư chứng khoán tự doanh và tiền gửi có kỳ hạn) đạt kết quả tích cực trong năm 2021 và là mảng hoạt động có doanh thu lớn thứ 3 của Công ty với 255,98 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 161,62 tỷ đồng, bằng 139,93% kế hoạch và bằng 118,25% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả đạt được là do Công ty chủ động bám sát diễn biến dòng tiền và cơ hội tăng trưởng của thị trường, chú trọng đầu tư vào các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh ổn định và tăng trưởng, không bị ảnh hưởng nhiều bởi đại dịch Covid-19, đảm bảo danh mục đầu tư có lãi và an toàn. Bên cạnh đó, công ty cũng đẩy mạnh việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động này là điều kiện thuận lợi để hỗ trợ hoạt động Tư vấn thu xếp vốn, phân phối bán lẻ kỳ hạn ngắn cho nhà đầu tư (iBond), cũng như tận dụng được triệt để lợi thế quay vòng trái phiếu để tạo thêm nguồn vốn cho các dịch vụ khác của Công ty. Ngoài ra, đối với hoạt động đầu tư tiền gửi, Công ty tập trung vào các hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm có tính thanh

khoản cao. Với cách thức đầu tư linh hoạt hiệu quả, lãi tiền gửi đạt 25,87 tỷ đồng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

- **Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán** đạt 41,02 tỷ đồng, bằng 137,20% so với kế hoạch và bằng 191,06% so với cùng kỳ năm trước. Nắm bắt được cơ hội phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, đóng góp 69% vào tổng doanh thu hoạt động tư vấn và đại lý phát hành. Cùng với các hợp đồng tư vấn tài chính truyền thống khác, năm 2021, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành của Công ty đã hoàn thành xuất sắc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- **Doanh thu hoạt động lưu ký** đạt 9,23 tỷ đồng, bằng 139,90% so với kế hoạch và bằng 162,63% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng mạnh của doanh thu lưu ký so với năm 2020 đến từ các hợp đồng quản lý trái phiếu do hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu mang lại và thu từ quản lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Bên cạnh đó, do sự gia tăng giao dịch chứng khoán của khách hàng, phí lưu ký thu từ các giao dịch chứng khoán để trả Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) cũng tăng.
- **Doanh thu khác** đạt 2,65 tỷ đồng, đạt 132,28% so với kế hoạch và bằng 104,92% so với cùng kỳ năm trước.
- **Doanh thu từ hoạt động tài chính** đạt 8,79 tỷ đồng, bằng 41,87% so với kế hoạch và bằng 33,70% so với cùng kỳ năm trước. Đây là các khoản lãi từ tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Công ty tại các Ngân hàng thương mại. Doanh thu này đã sụt giảm nhiều so với năm trước do Công ty tận dụng tối đa nguồn vốn tập trung cho hoạt động kinh doanh chính, không để nguồn vốn nhàn rỗi trên tài khoản thanh toán.

Về Chi phí

Tổng chi phí năm 2021 là 795,52 tỷ đồng bằng 124,60% so với kế hoạch và bằng 180,89% so với năm trước, tuy nhiên có thể thấy, tốc độ tăng chi phí thấp hơn so với tốc độ tăng

doanh thu trong đó chủ yếu tăng từ chi phí cho hoạt động của khối kinh doanh. Trong bối cảnh tăng trưởng mạnh mẽ của doanh thu, việc tăng chi phí vẫn được kiểm soát tốt, linh hoạt và hiệu quả, đóng góp, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. cụ thể:

- **Chi phí hoạt động kinh doanh** là 509,53 tỷ đồng bằng 124,84% so với kế hoạch và bằng 160,03% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí hoạt động kinh doanh tăng chủ yếu là do: chi phí cho hoạt động môi giới tăng bởi chi phí trả Sở, phí lưu ký và chi phí gián tiếp của hoạt động môi giới tăng mạnh; chi phí cho hoạt động tư vấn tăng nhẹ. Mức tăng phù hợp với tỷ lệ tăng doanh thu của các nghiệp vụ tương ứng. Ngoài ra, riêng chi phí cho hoạt động Tự doanh giảm mạnh do giảm khoản lỗ bán chứng khoán đến 37,63% và hoàn nhập dự phòng cổ phiếu đầu tư tự doanh số lượng lớn, điều này cho thấy Công ty có chiến lược kinh doanh tốt, quản trị vốn an toàn và hiệu quả.
- **Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ** đạt 108,59 tỷ đồng bằng 135,73% kế hoạch và bằng 331,64% so với cùng kỳ năm trước. Khoản này chủ yếu là chi phí lãi vay trả cho các tổ chức tín dụng và các đối tượng khác. Chi phí này tăng mạnh do Công ty đẩy mạnh khai thác nguồn vốn vay ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư ngắn hạn, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

Năm 2021, không phát sinh các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Chi phí quản lý** phát sinh trong năm 2021 là 177,41 tỷ đồng, bằng 118,02% so với số kế hoạch và bằng 200,17% với cùng kỳ năm trước. Khoản tăng chi phí này chủ yếu phát sinh từ khoản tiền lương, do tiền lương hiệu quả tăng theo doanh thu và hiệu quả kinh doanh trong năm của Công ty. Ngoài ra các khoản chi để hỗ trợ phát triển cho các mảng hoạt động kinh doanh chính cũng tăng lên tương ứng làm cho tổng chi phí quản lý của Công ty tăng lên.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch (tiếp theo)

Lợi nhuận

Nhờ có sự tăng trưởng mạnh của các hoạt động kinh doanh, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 351,03 tỷ đồng bằng 145,64% và bằng 227,45% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện trước thuế đạt 290,97 tỷ đồng bằng 141,91% và bằng 233,76% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 282,94 tỷ đồng bằng 140,07% và bằng 213,74% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 232,20 tỷ đồng bằng 139,88% và bằng 221,08% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức lợi nhuận thực hiện cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, đã phản ánh phần nào những định hướng và chiến lược phát triển đúng đắn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu Doanh thu | Thực hiện 2020 | Tỷ trọng | Thực hiện 2021 | Tỷ trọng | % thay đổi |
|---|----------------|---------------|-----------------|---------------|----------------|
| 1. Doanh thu hoạt động | 568,06 | 95,61% | 1 138,32 | 99,23% | 100,39% |
| 1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 151,39 | 25,48% | 467,67 | 40,77% | 208,91% |
| 1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 174,09 | 29,30% | 361,77 | 31,54% | 107,81% |
| 1.3. Lãi từ các tài sản tài chính | 212,91 | 35,83% | 255,98 | 22,32% | 20,23% |
| <i>Trong đó: doanh thu thực hiện</i> | 136,67 | 23,00% | 161,62 | 14,09% | 18,25% |
| <i>doanh thu chưa thực hiện</i> | 76,24 | 12,83% | 94,37 | 8,23% | 23,78% |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 14,62 | 2,46% | 28,33 | 2,47% | 93,73% |
| 1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 6,85 | 1,15% | 12,70 | 1,11% | 85,35% |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 5,68 | 0,96% | 9,23 | 0,80% | 62,63% |
| 1.7. Doanh thu hoạt động khác | 2,52 | 0,42% | 2,65 | 0,23% | 4,92% |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | 26,09 | 4,39% | 8,79 | 0,77% | -66,30% |
| Tổng Doanh thu (1) + (2) | 594,15 | 100% | 1 147,11 | 100% | 93,07% |

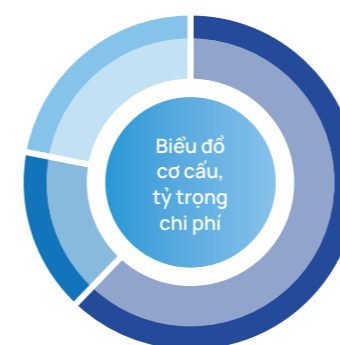
Nguồn: BCTC kiểm toán 2021

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu chi phí | Thực hiện 2020 | Tỷ trọng | Thực hiện 2021 | Tỷ trọng | % thay đổi |
|------------------------------------|-----------------|-------------|-----------------|-------------|---------------|
| 1. Chi phí hoạt động kinh doanh | (318,40) | 72,40% | (509,53) | 64,05% | 60,03% |
| <i>Trong đó: chi phí thực hiện</i> | (272,03) | 61,86% | (475,22) | 59,74% | 74,69% |
| <i>chi phí chưa thực hiện</i> | (46,37) | 10,54% | (34,30) | 4,31% | -26,02% |
| 2. Chi phí tài chính | (32,74) | 7,45% | (108,58) | 13,65% | 231,64% |
| 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp | (88,63) | 20,15% | (177,41) | 22,30% | 100,17% |
| Tổng chi phí | (439,78) | 100% | (795,52) | 100% | 80,89% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2021



- 64,05% Chi phí hoạt động kinh doanh
- 13,65% Chi phí tài chính
- 22,30% Chi phí quản lý doanh nghiệp

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động nghiệp vụ chính như môi giới, cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính (tự doanh), lưu ký, tư vấn và doanh thu khác, trong đó chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu là doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính.

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí hoạt động kinh doanh (chiếm 64% tổng chi phí)

Chi phí hoạt động kinh doanh là những chi phí phát sinh trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty bao gồm phí giao dịch trả các Sở giao dịch chứng khoán, phí lưu ký trả Trung tâm lưu ký chứng khoán, chi phí hoạt động tự doanh..., và chi phí hoạt động cho khối kinh doanh như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài

Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính cho khách hàng, tự doanh. Việc phân bổ, kiểm soát chi phí hợp lý đã góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2021

Môi giới

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | KH năm 2021 | Năm 2021 | % TH so với cùng kỳ | % TH so với KH 2020 |
|------------------------|----------|-------------|----------|---------------------|---------------------|
| Doanh thu (Tỷ Đồng) | 151,39 | 360,00 | 467,67 | 308,91% | 129,91% |
| Thị phần giao dịch (%) | 2,62% | 3,20% | 2,37% | 90,46% | 74,06% |
| Số lượng tài khoản | 69 317 | 73 432 | 75 842 | 109,41% | 103,28% |

Ghi chú: Số liệu thị phần là số liệu theo tính toán của BVSC tại cả 3 sàn giao dịch

Thanh khoản thị trường bùng nổ là yếu tố thuận lợi để Công ty hoàn thành vượt kế hoạch đề ra cũng như ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ. Mặc dù phải đối mặt với những hạn chế về nguồn vốn và áp lực cạnh tranh lớn trên thị trường, tuy nhiên Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp theo định hướng chiến lược 2021-2025 về sản phẩm dịch vụ, công nghệ, con người để thúc đẩy hoạt động môi giới, cụ thể như sau:

Giải pháp về sản phẩm & dịch vụ:

Trong năm 2021, công ty liên tục cho ra mắt các sản phẩm và dịch vụ trên nền tảng công nghệ bao gồm: (1) dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến eKYC vào tháng 08/2021; (2) Mở rộng dịch vụ thu - chi hệ điện tử với các ngân hàng; (3) cho ra mắt tính năng cho phép nhà đầu tư chủ bán chứng khoán lẻ lẻ sàn HOSE trên Online và triển khai mua chứng khoán lẻ lẻ định kỳ từ 20/10/2021. Đồng thời, công ty liên tục bổ sung các sản phẩm tài chính nhằm giúp khách hàng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, linh hoạt phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến TTCK, như đẩy mạnh tìm kiếm hàng hóa mới cho sản phẩm trái phiếu iBond, đẩy mạnh iDeposit & cho ra mắt sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản GDCK - BVS Value

Giải pháp về CNTT:

Sau khi chính thức cho ra đời nền tảng giao dịch trực tuyến B-wise năm 2020, Công ty vẫn tiếp tục quá trình số hóa nền tảng giao dịch chứng khoán với những nâng cấp và hoàn thiện các tính năng trên nền tảng dịch vụ này và App BVS@Mobile bao gồm nâng cấp bảng giá BVS@LiveBoard, quản lý một lúc nhiều tiêu khoản, tra cứu thông minh, và các tính năng bảo mật cho tài khoản khách hàng, cùng với các sản phẩm ưu việt được ra mắt như eKYC đã giúp BVSC được vinh danh với giải thưởng Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam năm 2021 - Best Brokerage House - Digital Transformation Vietnam 2021 do Global Banking & Finance trao tặng.

Giải pháp về nguồn nhân lực:

BVSC tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, trong đó tăng cường đào tạo nghiệp vụ, sản phẩm mới và các kỹ năng phân tích nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng của Công ty. Các chương trình thi đua nội bộ được phát động thường xuyên nhằm khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nhân viên như: Chương trình "Chương trình Thi đua môi giới" hàng tháng, "Chương trình dự đoán chỉ số VN Index". Về chiến lược tuyển dụng nhân sự, công ty tăng cường tìm kiếm các nhân sự giỏi, có kinh nghiệm trên thị trường song song với triển khai 02 khóa của Chương trình tuyển dụng và đào tạo Future Broker 2021 tại Hà Nội và TP.HCM nhằm xây dựng nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự cho đội ngũ môi giới, từ đó tạo nên giá trị bền vững trong tương lai.

Hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Hoạt động cho vay và phải thu cũng có sự tăng trưởng tương ứng với hoạt động môi giới và đóng góp tỷ trọng doanh thu khá lớn vào kết quả kinh doanh năm 2021. Mặc dù quy mô vốn còn hạn chế so với mặt bằng chung các CTCK trên thị trường nhưng trong năm 2021, công ty đã khai thác hiệu quả nguồn vốn vay lãi suất thấp trong ngắn hạn tận dụng điều kiện vốn rẻ của thị trường để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, trong đó phần lớn được sử dụng để đáp ứng cho nhu cầu cho vay margin & ứng trước tăng cao của khách hàng, nhằm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động môi giới và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Doanh thu hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt 396,43 tỷ đồng, hoàn thành 136,23% so với kế hoạch và tăng trưởng gấp 2 lần so với cùng kỳ.

Tự doanh

Năm 2021, được hỗ trợ bởi điều kiện thuận lợi của thị trường khi mà cả điểm số lẫn thanh khoản đều tăng mạnh, công ty thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt và chú trọng kiểm soát tốt rủi ro đã mang lại hiệu quả hoạt động tự doanh khá tích cực. Công ty ưu tiên giải ngân các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh ổn định và tăng trưởng, không bị ảnh hưởng nhiều bởi đại dịch Covid -19, đồng thời theo sát diễn biến thị trường và động thái các dòng tiền trên thị trường để xem xét chốt lời cho danh mục, bảo toàn kết quả đầu tư. Trong năm 2021, Công ty cũng mở rộng đầu tư vào Trái phiếu doanh nghiệp, đây là điều kiện thuận lợi để hỗ trợ hoạt động Tư vấn thu xếp vốn, phân phối bán lẻ kỳ hạn ngắn cho nhà đầu tư (iBond), cũng như tận dụng được triệt để lợi thế quay vòng trái phiếu để tạo thêm nguồn vốn cho các dịch vụ khác của Công ty.

Ngoài ra, BVSC tiếp tục triển khai hoạt động giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên thị trường, và giao dịch redemption/creation ETF, dịch vụ hỗ trợ các Công ty quản lý quỹ trong hoạt động Rebalancing quỹ ETF. Tổng giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ ETF năm 2021 đạt 2.100 tỷ đồng và hiệu quả mang lại của hoạt động này đã đóng góp tỷ trọng hơn 30% (tương đương hơn 20 tỷ đồng) vào hiệu quả hoạt động đầu tư của Công ty trong năm. Năm 2021, BVSC tiếp tục trở thành thành viên lập quỹ của các quỹ ETF FUEKIV30, ETF Vinacapital VN100, ETF VFMVN Diamond giúp BVSC có thể tiếp tục mở rộng hơn nữa hoạt động giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trong thời gian tới.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2021

Lưu ký chứng khoán

Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán, đảm bảo sự chuẩn mực, cẩn trọng trong quá trình triển khai nghiệp vụ.

Trong năm 2021, Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 712 triệu cổ phần, thực hiện chốt 4.100 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông... Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 9,23 tỷ đồng, đạt 139,90% so với kế hoạch, tăng trưởng 62,63% so với cùng kỳ

BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 885 giao dịch nộp và 3.281 giao dịch rút với tổng số tiền 4.777 tỷ đồng.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường trái phiếu, kể từ năm 2020, BVSC đã bắt đầu chuyển dịch đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu doanh nghiệp. Năm 2021, hoạt động tư vấn này tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần mang lại mức tăng trưởng cao cho hoạt động Tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành của công ty, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

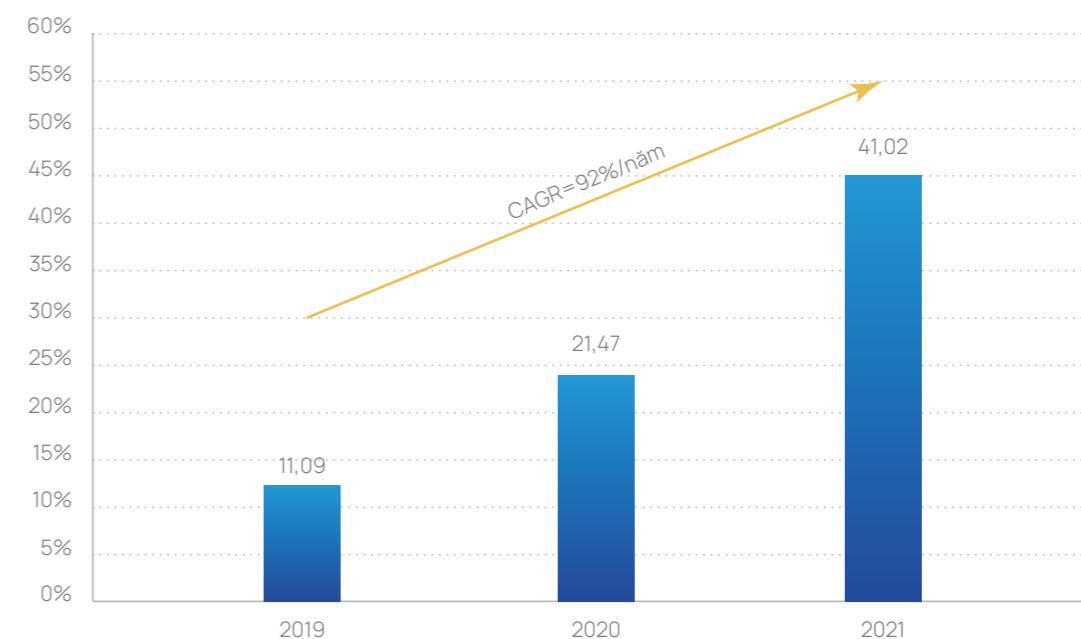
| Chỉ tiêu | Năm 2020 | KH năm 2021 | Năm 2021 | % TH so với cùng kỳ | % TH so với KH 2021 |
|---|----------|-------------|----------|---------------------|---------------------|
| Doanh thu hoạt động tư vấn và Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán. | 21,47 | 29,90 | 41,02 | 191,06% | 137,20% |
| Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán | 14,62 | 21,20 | 28,33 | 193,73% | 133,62% |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 6,85 | 8,70 | 12,70 | 185,35% | 145,93% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2021

Tổng giá trị TPDN do BVSC tư vấn là 5.100 tỷ đồng với nhiều thương vụ tiêu biểu như tư vấn và đại lý phát hành TPDN của Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đồng Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khôi Holdings, Công ty Cổ phần Hưng Vương Developer...

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp, thu xếp vốn... điển hình như Thương vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu IPO cho CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land trên sàn HSX, tư vấn thoái vốn của Vietnam Post tại PTI, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả, Tư vấn thực hiện Phương án xử lý sở hữu chéo cho Tổng Công ty Idico - CTCP... Với các hợp đồng tư vấn này, BVSC tiếp tục khẳng định vị trí và thương hiệu của mình trên thị trường.

Mặc dù chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu toàn công ty, tuy nhiên doanh thu hoạt động tư vấn đã liên tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong 3 năm qua, với mức tăng trưởng kép đạt 92%/năm cho thấy công ty đã và đang phát huy thế mạnh cốt lõi của Công ty cũng như nắm bắt tốt các xu hướng của thị trường để gia tăng hiệu quả hoạt động trong thực tế.



Doanh thu hoạt động tư vấn và Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán (tỷ đồng)

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)



Công tác quản lý và hỗ trợ

Công nghệ thông tin

Năm 2021 là năm thứ 2 liên tiếp đại dịch Covid phủ bóng toàn cầu cho thấy tầm quan trọng hơn bao giờ hết đối với các tổ chức về việc đầu tư cho CNTT. Trong những giai đoạn giãn cách xã hội, tỷ lệ làm việc online lên đến xấp xỉ 100%, tuy nhiên BVSC vẫn đảm bảo các hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn, từ việc giao tiếp, chỉ đạo, hội nghị, ra quyết định, đến triển khai thực hiện... đều dựa trên các nền tảng trực tuyến. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng về máy chủ phần mềm/phần cứng đã được rà soát, tối ưu hóa, thực hiện nâng cấp hoặc tập trung hóa nhằm khai thác tối đa hiệu suất sử dụng. Việc chuẩn hóa hệ thống hạ tầng CNTT cũng củng cố nền tảng để Công ty tiếp tục khai thác và vận hành các sản phẩm & tiện ích mới và triển khai nhiều dự án CNTT tiêu biểu như:

- Dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC đã không chỉ phù hợp với xu hướng thị trường mà còn giải quyết nhanh chóng bài toán phát triển khách hàng trong giai đoạn bị giãn cách xã hội do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid -19
- Triển khai dịch vụ chi hộ điện tử thông qua BaoVietBank cũng như nâng cấp hệ thống bảng giá trên B-Wise và Mobile App giúp nâng cao chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.
- Triển khai nâng cấp hệ thống mạng và máy chủ ảo trung tâm nhằm nâng cao khả năng xử lý, gia tăng không gian bộ nhớ... để chuẩn bị sẵn sàng khi qui mô giao dịch tiếp tục tăng cao hơn nữa trong thời gian tới.

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Trong năm qua, hệ thống giao dịch của Công ty luôn được đảm bảo thông suốt, an toàn, đáp ứng quy mô giao dịch của khách hàng, ngay cả trong giai đoạn triển khai làm việc từ xa, cũng như cập nhật đầy đủ nhanh chóng những thay đổi hệ thống để đảm bảo đáp ứng các quy định về giao dịch của các Cơ quan quản lý.

Trên nền tảng hệ thống giao dịch B-wise và app BVS@Mobile, năm 2021 với ưu tiên gia tăng mức độ chuẩn hóa và số hóa đối với các sản phẩm, công ty đã nghiên cứu và cho ra mắt nhiều sản phẩm công nghệ nhằm hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh cũng như dần hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm trên nền tảng số. Một số sản phẩm tiêu biểu như dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC – giúp khách hàng mở tài khoản trực tuyến nhanh chóng mọi lúc mọi nơi; Bổ sung tính năng cho phép khách hàng đặt Bán lẻ chứng khoán trên B-wise; Hệ thống chi hộ điện tử với Baovietbank và chuẩn bị cho hệ thống thu hộ điện tử với BIDV – giúp giảm thiểu thời gian giao dịch nộp – rút tiền từ tài khoản chứng khoán về tài khoản ngân hàng của khách hàng, sản phẩm Ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán (BVS-Value)...

Nghiên cứu phân tích

Năm 2021, hoạt động nghiên cứu và phân tích của công ty đã và đang liên tục được cải thiện và nâng cao chất lượng cũng như bám sát nhu cầu của nhà đầu tư với hơn 700 báo cáo phân tích theo các dòng sản phẩm khác nhau bao gồm báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ hàng ngày, tháng, quý.

Song song với hoạt động tư vấn thường xuyên trong phiên, từ giữa năm 2021, công ty tổ chức các buổi thuyết trình trực tuyến khuyến nghị đầu tư kết hợp với phân tích kỹ thuật nhằm gia tăng mức độ cụ thể và nâng cao hiệu quả danh mục của nhà đầu tư.

Năm 2021, Công ty đã xây dựng và nghiên cứu triển khai sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản GDCK – BVS Value với mục đích đem lại lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư không có thời gian nghiên cứu, tìm hiểu về thị trường; từ đó giúp mở rộng tệp khách hàng cho công ty. Dựa trên nền tảng công nghệ, tiểu khoản ủy thác của khách hàng được quản lý bởi đội ngũ chuyên gia phân tích uy tín và giàu kinh nghiệm của BVSC với kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận vượt trội so với các kênh đầu tư khác, cũng như mang đến cho khách hàng những trải nghiệm ưu việt như khách hàng hoàn toàn sở hữu và giám sát hàng ngày toàn bộ tài sản ủy thác trên tiểu khoản giao dịch, linh hoạt lựa chọn ủy thác một phần tài sản song song với việc chủ động giao dịch.

01 Báo cáo phân tích ngành và công ty định kỳ hàng quý và hàng tháng **Số lượng 287**

02 Báo cáo vĩ mô, phân tích kỹ thuật và thị trường hàng ngày, tháng, quý **Số lượng 442**

03 Báo cáo thăm doanh nghiệp (Company visit notes) **Số lượng 15**

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Pháp chế, kiểm soát nội bộ

Pháp chế

Năm 2021 là năm các văn bản pháp lý quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu lực thi hành như: Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và 03 Nghị định và 11 Thông tư hướng dẫn Luật chứng khoán 2019 với nhiều điểm thay đổi đáng chú ý như: các quy định quản trị công ty; các quy định về công bố thông tin; các quy định về lập báo cáo tài chính và các quy định điều chỉnh về hoạt động đối với công ty chứng khoánDo đó để đảm bảo các văn bản pháp lý của công ty phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành, BVSC đã hoàn tất sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quản trị nội bộ gồm

Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Bên cạnh đó, BVSC chủ động cập nhật, sửa đổi, bổ sung các Quy trình nghiệp vụ như: Quy trình nghiệp vụ giao dịch chứng khoán; Quy trình đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và các tiện ích; Quy trình tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ... Ngoài ra, công ty còn triển khai các thủ tục pháp lý tuân thủ quy định của Luật chứng khoán hiện hành như: đăng ký doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh; cấp Giấy chứng nhận đại lý phân phối chứng chỉ quỹ; cấp Giấy chứng nhận ứng trước tiền bán chứng khoán...;

Kiểm soát nội bộ

Kiểm soát tuân thủ định kỳ

Năm 2021, các phạm vi hoạt động của Công ty tiếp tục được mở rộng kiểm tra, rà soát, trong đó, chú trọng tới các phạm vi liên quan đến sản phẩm, nghiệp vụ Công ty mới triển khai cũng như những hoạt động tiềm ẩn rủi ro. Báo cáo Kiểm soát nội bộ ("KSNB") thực hiện đánh giá tính tuân thủ của các phòng ban/bộ phận trong Công ty nhằm phát hiện những sai sót, rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh; từ đó, đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ cũng như hoàn thiện hơn quy trình nghiệp vụ tại các bộ phận tác nghiệp và kinh doanh trực tiếp.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện 11 đợt kiểm soát tuân thủ tập trung vào các mảng hoạt động trọng yếu như công tác vận hành hệ thống CNTT, công tác quản lý tiền/ chứng khoán của khách hàng, hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của khách hàng... Bên cạnh đó, kiểm soát tuân thủ quy trình nghiệp vụ quản lý tiền của sản phẩm iDeposit là một nội dung mới được triển khai sau khi Công ty cho ra mắt sản phẩm iDeposit.

Kết quả của các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ năm 2021 cho thấy:

- Các Phòng ban trong Công ty tuân thủ tốt các quy định của pháp luật và các quy trình nội bộ của Công ty. Không có vi phạm tuân thủ hay sai sót ở mức độ trọng yếu trong quá trình tác nghiệp của các Phòng ban.
- Các sai sót đã được phát hiện từ các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ của các năm trước có xu hướng giảm và được các Phòng ban cải thiện và chỉnh sửa.
- Tiền và tài sản của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền và tài sản của Công ty. Quyền lợi của khách hàng được đảm bảo và các cam kết, thỏa thuận với khách hàng được thực hiện đầy đủ.
- Tài sản và các nguồn lực của Công ty được quản lý tốt, hướng tới mục tiêu an toàn và hiệu quả. Thông tin tài chính, thông tin quản lý, dữ liệu hoạt động kinh doanh đảm bảo tính tin cậy, chính xác, trung thực và được bảo mật.

Soát xét các báo cáo và hồ sơ giao dịch chứng khoán

Trong năm 2021, KSNB phối hợp với các phòng liên quan trong công tác soát xét báo cáo gửi tới các cơ quan quản lý Nhà nước. Bộ phận KSNB đã thực hiện soát xét gần 90 báo cáo liên quan tới báo cáo hoạt động, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư.

Đồng thời, trong điều kiện thị trường chứng khoán giao dịch sôi động, số lượng tài khoản mở mới, hồ sơ, phiếu lệnh tăng mạnh so với các năm trước đây, bộ phận KSNB tại Trụ sở và Chi nhánh đã tiếp nhận, kiểm tra và lưu trữ hơn 34 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng đảm bảo tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các tài liệu lưu trữ.

Truyền thông và phát triển thương hiệu



Là năm thứ hai chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 với nhiều đợt giãn cách kéo dài, các hoạt động Truyền thông - Marketing của BVSC càng phát huy vai trò kết nối và cập nhật thông tin hoạt động nhanh chóng tới khách hàng và nhà đầu tư.

Các hoạt động truyền thông ra công chúng xuyên suốt năm vẫn được duy trì thông qua các kênh báo chí và đặc biệt đẩy mạnh hoạt động Digital Marketing trên các trang báo điện tử uy tín, các kênh mạng xã hội chính thức hay quảng cáo trên các nền tảng số. Qua đó các tin hoạt động mới nhất, các sản phẩm dịch vụ mới như Dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC, Chi hộ điện tử hay sản phẩm ủy thác BVS Value đã được quảng bá nhanh chóng và lan tỏa tới các khách hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông nội bộ và ứng dụng chuyển đổi số vào xây dựng văn hóa doanh nghiệp cũng trở thành mục tiêu trọng tâm trong hành trình vươn tới **NEW ME, NEW BVSC**. Các chiến dịch như "BVSC - Môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc": tuyên truyền phòng chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ, phát động chung tay đóng góp vào các quỹ hỗ trợ dịch Covid-19 tại địa phương, sử dụng khẩu trang kháng khuẩn mang thương hiệu BVSC hay Chương trình kỷ niệm 22 năm thành lập công ty "November to Remember" kết nối 8 điểm cầu trên cả nước qua nền tảng Zoom là những sự kiện nổi bật mang ý nghĩa đảm bảo cho người lao động sự an tâm về sức khỏe và việc làm, đồng thời truyền tải những thông điệp tạo động lực, giúp gắn kết nhân viên khi thời lượng làm việc tại nhà ngày càng gia tăng.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

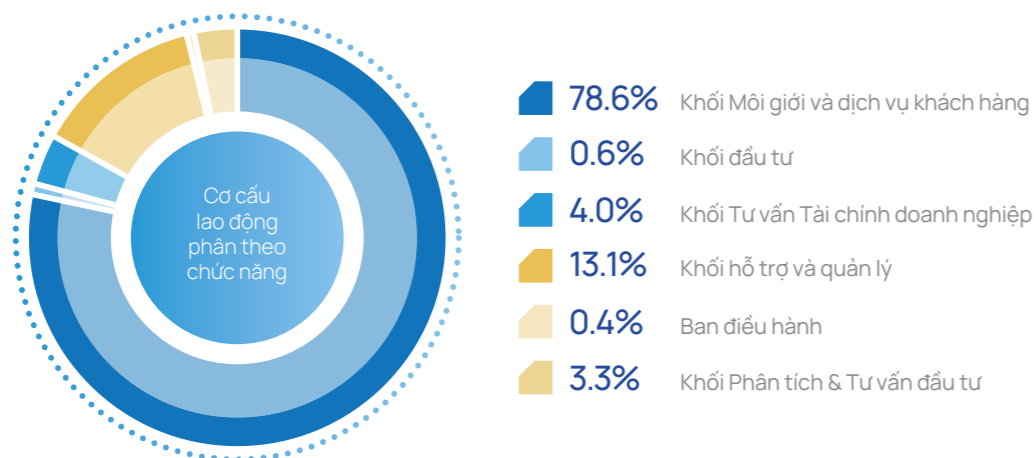
Phát triển nguồn nhân lực

Tuyển dụng

Năm 2021, BVSC tiếp tục tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ nhân viên môi giới tại các phòng giao dịch, phù hợp với định hướng kinh doanh của công ty với kênh tuyển dụng chính là thông qua chương trình Future Broker 2021 tại cả hai khu vực Hà Nội và TP.HCM. Chương trình được thiết kế với 03 giai đoạn Đào tạo – Huấn luyện – Thực chiến cùng 24 chuyên đề dành cho đối tượng sinh viên sắp ra trường, có mong muốn và đam mê làm việc trong môi trường Tài chính – Chứng khoán, hướng tới trở thành nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp. Thông qua chương trình này, BVSC hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ thể hệ nhân sự kế cận có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai. Tỷ lệ tuyển dụng mới năm 2021 là 18,56%, trong đó, tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên tại các phòng Giao dịch chiếm tỷ trọng 88,10%.

Ngoài ra, BVSC đặc biệt chú trọng trong công tác xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng. Năm 2021 là năm thứ 3 liên tiếp BVSC được bình chọn trong TOP 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam và đồng thời được bình chọn TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 do Anphabe phối hợp với VCCI đồng tổ chức.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2021 là 673 người



Đào tạo

Số lượt cán bộ tham gia đào tạo

521 lượt

↑ **42,35%** so với năm 2020 (trong đó: 278 lượt cán bộ tham gia các chương trình đào tạo nội bộ)

Số giờ đào tạo đã thực hiện

15.613 giờ

↑ **36,22%** so với năm 2020 (trong đó 11.190 giờ đào tạo nội bộ và on job training).

Chi phí đào tạo năm 2021

2 tỷ đồng

↑ **28,08%** so với năm 2020.



Đào tạo nội bộ

Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được Công ty tập trung và đẩy mạnh trên nền tảng hệ thống đào tạo trực tuyến e-learning do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Nổi bật là tổ chức thành công 02 khóa của Chương trình Future Broker 2021 tại Hà Nội và TP. HCM, Công ty đã tiếp tục hoàn thiện, chỉnh sửa về nội dung giảng dạy, các tiêu chí đánh giá, tiêu chí thi đua giữa các học viên nhằm gia tăng sự hấp dẫn của chương trình đối với học viên. Ngoài ra, Công ty đã tổ chức khóa đào tạo: "Kỹ năng giảng dạy bằng phương pháp kể chuyện Storytelling" dành riêng cho các giảng viên nội bộ, giúp cho bài giảng trở nên hấp dẫn hơn, thu hút được người nghe.

Bên cạnh đó, công ty tiếp tục triển khai các khóa đào tạo dành cho môi giới nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng gồm đào tạo nghiệp vụ kỹ năng cho môi giới mới tại các Phòng giao dịch, đào tạo nghiệp vụ Quỹ mở, giới thiệu sản phẩm dịch vụ mới eKYC, sản phẩm ủy thác đầu tư BVS Value....

Đào tạo nghiệp vụ chứng khoán (chứng chỉ hành nghề)

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, các khóa đào tạo nghiệp vụ chứng khoán do UBCKNN tổ chức chủ yếu được thực hiện qua hình thức trực tuyến và số lượng khóa khá

hạn chế. Trong năm Công ty cử 62 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán. Tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán tính đến thời điểm hiện nay là **123** người.

Đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng khác

Tại BVSC, cán bộ luôn được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo thi các chứng chỉ nghiệp vụ quốc tế như Chứng chỉ CFA về phân tích tài chính, ACCA về kế toán, kiểm toán, CMT về phân tích kỹ thuật, SHRM về quản trị nhân sự..., nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự hiện tại cũng như định hướng phát triển nhân sự trong tương lai, từ đó nâng cao chất lượng trong công việc. Trong năm 2021, Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức triển khai các khóa đào tạo phù hợp với đặc thù nghiệp vụ của từng vị trí khác nhau thông qua chủ yếu theo hình thức lớp học trực tuyến do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19, như khóa đào tạo phân tích mô hình định giá cổ phiếu doanh nghiệp, bất động sản và ngân hàng, khóa đào tạo phát hiện gian lận báo cáo tài chính, khóa đào tạo quản trị hệ thống mạng, phát triển ứng dụng phần mềm, khóa đào tạo các kỹ năng về thiết kế, khóa đào tạo nghiệp vụ luật sư....

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)



- 5% Phúc lợi bằng tiền và phụ cấp
- 41% Lương
- 54% Thưởng



Đãi ngộ

Hiệu quả kinh doanh cao là tiền đề thuận lợi để Công ty triển khai nhiều chương trình đãi ngộ đa dạng và hấp dẫn. Trong năm 2021, thu nhập của người lao động của BVSC đã có sự cải thiện rất đáng kể với bình quân đạt **39,5 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 182% so với năm 2020**. Thu nhập có sự khác biệt giữa các nhóm lao động thuộc khối kinh doanh và khối quản lý và hỗ trợ, trong đó dẫn đầu là đội ngũ môi giới tại các Phòng giao dịch có mức thu nhập bình quân tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng khoán kinh doanh của Công ty và bối cảnh thị trường trong năm vừa qua.

Thu nhập của người lao động được hình thành từ 03 nguồn chính bao gồm: Lương trả hàng tháng, thưởng theo doanh thu và hoặc hiệu quả làm việc và các khoản phúc lợi bằng tiền cho người lao động.

Mặc dù bối cảnh Covid ảnh hưởng lớn đến toàn thị trường lao động, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoạt động, cắt giảm lao động và/hoặc đóng băng việc điều chỉnh lương, tuy nhiên trong điều kiện thuận lợi của TTCK trong năm 2021, BVSC thực hiện một đợt điều chỉnh nâng

lương thỏa thuận của toàn Công ty với tỷ lệ tăng bình quân đạt 6%, tăng nhẹ so với mức bình quân chung của ngành chứng khoán và dịch vụ tài chính (5.8% theo báo cáo khảo sát lương của Mercer công bố). Bên cạnh đó, trong giai đoạn giãn cách xã hội và tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến rất phức tạp, để đảm bảo ổn định tâm lý của người lao động, Công ty đã ban hành chính sách đảm bảo trả 100% lương hàng tháng cho người lao động làm việc tại nhà. Ngoài ra, năm 2021, Công ty đã chính thức triển khai chế độ nghỉ sinh nhật My Birthday - My choice, cho phép người lao động được lựa chọn nghỉ 1 ngày trong tháng sinh nhật của mình mà vẫn được hưởng nguyên lương.

Một trong những chính sách mới được triển khai trong năm 2021 là chính sách thưởng khuyến nghị cơ hội đầu tư, qua đó thúc đẩy đội ngũ chuyên gia phân tích đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư cho khách hàng cũng như gia tăng chất lượng của các khuyến nghị đầu tư. Với việc bổ sung chính sách này góp phần đa dạng hóa các chính sách đãi ngộ của BVSC.

Danh mục đãi ngộ tài chính

| Tiền lương | Phụ cấp | Tiền thưởng |
|---------------------------------|-------------------|--|
| Lương theo công việc | Ăn trưa | Thưởng HQLV (áp dụng đối với phòng ban khối quản lý và hỗ trợ) |
| Lương tháng thứ 13 | Viễn thông | Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với phòng ban kinh doanh) |
| Lương làm thêm giờ lên đến 350% | Đi lại | Thưởng theo các chương trình thi đua |
| | Công việc đặc thù | |

Gói sản phẩm bảo hiểm ưu việt của BVSC vẫn là một trong những chính sách phúc lợi chính dành cho người lao động bao gồm BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm các bệnh ung thư.

| Sản phẩm | Ý nghĩa | Quyền lợi | Thực hiện trong năm 2021 |
|---|---|---|--|
| BHXH, BHYT, BHTN | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước để xây dựng hệ thống an sinh xã hội. Hỗ trợ tài chính NLD khi ốm đau, tai nạn, thai sản, mất việc làm, nghỉ hưu lúc tuổi già. | <ul style="list-style-type: none"> Được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước. | <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ theo đúng quy định cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty. Tổng chi phí BHXH, BHYT, BHTN năm 2021: 7,2 tỷ đồng. |
| Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Từ năm 2010) | <ul style="list-style-type: none"> Bảo vệ rủi ro và chia sẻ tài chính cho cán bộ trước những rủi ro tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc trong các trường hợp thai sản. | <ul style="list-style-type: none"> Được bảo vệ rủi ro trong phạm vi vùng lãnh thổ tại Việt Nam, khu vực Châu Á Thái Bình Dương và phạm vi toàn cầu tương ứng với từng cấp bậc nhân sự. Được chi trả quyền lợi bảo hiểm tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự, mức bảo hiểm từ 105 triệu đồng/ người tới 5.2 tỷ đồng/ người. | <ul style="list-style-type: none"> Số lượng cán bộ đã được khám và chữa bệnh năm 2021: 202 lượt cán bộ. Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả năm 2021: 399 triệu đồng. |
| Bảo hiểm nhân thọ (Từ năm 2015) | <ul style="list-style-type: none"> Bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho NLD trước các rủi ro không mong muốn trong suốt quá trình làm việc tới khi nghỉ hưu. Tích lũy tài chính để bổ sung thêm thu nhập bên cạnh lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước khi nghỉ hưu. | <ul style="list-style-type: none"> NLD sẽ được hưởng giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khi nghỉ hưu hoặc một phần/ toàn bộ khi tất toán hợp đồng trước thời hạn nghỉ hưu. Nếu không may xảy ra rủi ro về tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn sẽ được cơ quan bảo hiểm chi trả bồi thường. | <ul style="list-style-type: none"> Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho toàn bộ NLD trong năm 2021 Năm 2021, Công ty mua bổ sung sản phẩm bảo hiểm nhân thọ "An phát cát tường" dành cho cán bộ chủ chốt nhằm ghi nhận đóng góp của đội ngũ cán bộ chủ chốt tới sự phát triển của Công ty trong thời gian qua. |
| Bảo hiểm các bệnh Ung thư (K - Care) (Từ năm 2017) | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ rủi ro và hỗ trợ tài chính trước nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về ô nhiễm môi trường, thực phẩm ... | <ul style="list-style-type: none"> Được chi trả quyền lợi bảo hiểm bằng tiền theo mức tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự ngay khi phát hiện bệnh để NLD có khoản tài chính chữa bệnh với mức bảo hiểm từ 292 triệu đồng/ người tới 1.17 tỷ đồng/ người. | <ul style="list-style-type: none"> Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm các bệnh Ung thư cho toàn bộ NLD trong năm 2021. |

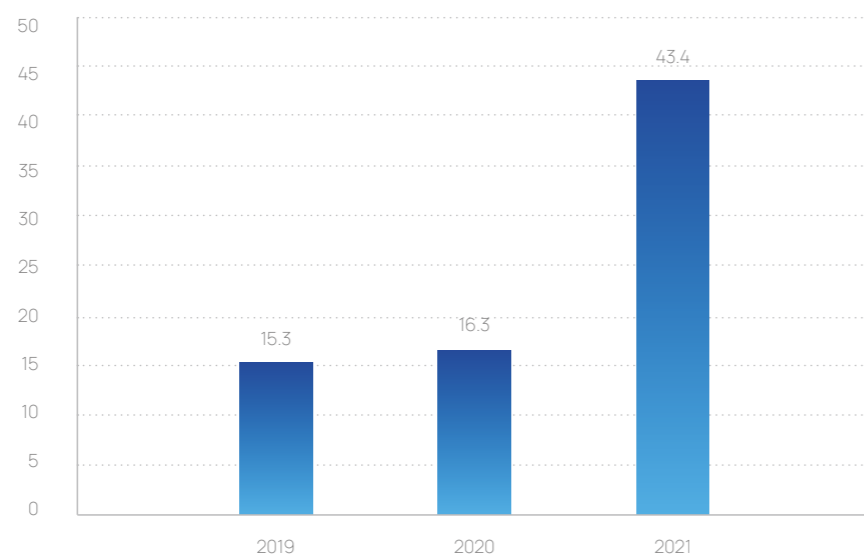
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Bên cạnh đó, người lao động còn được hưởng nhiều chế độ phúc lợi khác như khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ công tác phí, chế độ nghỉ phép, hỗ trợ trang phục, hỗ trợ nghỉ mát...

Danh mục chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động trong năm 2021

| Các gói phúc lợi có tính chất bảo vệ và chăm sóc sức khỏe | Phúc lợi bằng tiền | Phúc lợi khác |
|--|--|--|
| BHXH, BHYT, BHTN | Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà NLD chưa nghỉ | Chế độ nghỉ phép từ 12 – 16 ngày |
| Bảo hiểm sức khỏe toàn diện | Hỗ trợ trang phục | Chế độ nghỉ ngày sinh nhật được hưởng nguyên lương |
| Bảo hiểm các bệnh ung thư K – Care | Hỗ trợ nghỉ mát | Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác |
| Bảo hiểm Nhân thọ | Chi phúc lợi theo chương trình Loyalty Reward nhân dịp kỷ niệm 22 năm thành lập Công ty | |
| Chính sách ưu đãi phí mua bảo hiểm sức khỏe dành cho người nhà | Phúc lợi bằng tiền nhân dịp sinh nhật, ngày 8/3 và 20/10, ngày 30/4 và ngày quốc khánh, các dịp Tết... | |
| Khám sức khỏe định kỳ | | |

Biểu đồ phúc lợi cho NLD năm 2019 – 2021



(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 156 của Báo cáo này).

Phân tích tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Số tăng giảm | % tăng giảm |
|---|----------|----------|--------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 3 412,99 | 5 719,30 | 2 306,30 | 67,57% |
| Doanh thu thuần | 594,15 | 1 147,11 | 552,96 | 93,07% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 154,37 | 351,59 | 197,21 | 127,75% |
| Lợi nhuận khác | (0,04) | (0,56) | (0,52) | 1247,59% |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 154,33 | 351,03 | 196,70 | 127,45% |
| • Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế | 124,47 | 290,97 | 166,50 | 133,76% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 132,38 | 282,94 | 150,56 | 113,74% |
| • Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế | 105,03 | 232,20 | 127,17 | 121,08% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS (VND) | 1.376 | 3.042 | 1.666 | 121,08% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Cổ tức/Thu nhập ròng) | 54,99% | 24,87% | - | 24,87% |

(tính theo mức chi trả dự kiến 8%/ mệnh giá cổ phiếu)

Nguồn: BCTC kiểm toán 2021

Tổng tài sản năm 2021 đạt 5.719,30 tỷ đồng, tăng 2.306,34 tỷ đồng, tương đương mức tăng 67,57% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản mục tài sản của Công ty tăng chủ yếu từ tài sản ngắn hạn, cụ thể là tăng các khoản đầu tư tài sản tài chính và các khoản cho vay để đáp ứng cho các hoạt động đầu tư tự doanh và triển khai dịch vụ cho vay margin - ứng trước phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty.

Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ, hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Các chỉ tiêu này đã được phân tích cụ thể trong mục 3.3 nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): do Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty tăng 113,74% trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng 121,08% so với cùng kỳ năm trước nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng tăng mạnh, đạt mức 3.042

đồng/cổ phiếu, tăng 1.666 đồng và bằng 121,08% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Theo Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua tại ĐHCĐ ngày 20/04/2021, mức kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 dự kiến là 8%/mệnh giá cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Nếu tính theo mức kế hoạch này, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2021 là 24,87%. Mức chi trả cổ tức 2021 cụ thể sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2022 quyết định. Trong bối cảnh giai đoạn TTCK và hoạt động của công ty đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ như hiện nay, trong khi đó quy mô vốn của công ty còn hạn chế; do đó Công ty định hướng ưu tiên sử dụng nguồn lợi nhuận để tái đầu tư vào hoạt động kinh doanh, nhằm gia tăng lợi ích bền vững cho cổ đông.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2020 | Năm 2021 | Số tăng giảm |
|--|------------|----------|----------|--------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ thanh khoản | | | | |
| Khả năng thanh toán chung (tổng quát) (Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả) | lần | 2,22 | 1,60 | -0,62 |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | lần | 2,15 | 1,60 | -0,55 |
| Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn | lần | 2,13 | 1,54 | -0,59 |
| 2. Chỉ tiêu về vốn | | | | |
| 2.1. Quy mô vốn | | | | |
| Vốn điều lệ | Triệu đồng | 722,34 | 722,34 | 0% |
| Vốn chủ sở hữu | Triệu đồng | 1.874,74 | 2.144,45 | 14,39% |
| Tổng tài sản có | Triệu đồng | 3.412,99 | 5.719,30 | 67,57% |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng | % | 518% | 489% | -5,60% |
| 2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng Tài sản | lần | 45,07% | 62,50% | 38,68% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 82,05% | 166,70% | 103,17% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân) | | 18,42 | 9,75 | -47,05% |
| Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân) | | 0,32 | 0,62 | 91,47% |
| Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | | 0,20 | 0,25 | 22,85% |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 22,28% | 24,67% | 10,71% |
| LNTH sau thuế / DT thuần | | 17,68% | 20,24% | 14,51% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE | % | 7,06% | 13,19% | 86,85% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA | % | 3,88% | 4,95% | 27,55% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 25,98% | 30,65% | 17,96% |



Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Về khả năng thanh toán

Năm 2021 Công ty tăng sử dụng đòn bẩy nợ với khoản vay ngắn hạn tăng từ 895 tỷ đồng năm 2020 lên 2.505,7 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu cho vay margin, ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng, từ đó làm giảm các chỉ tiêu thanh toán của Công ty. Cụ thể, hệ số khả năng thanh toán tổng quát và thanh toán ngắn hạn đều ở mức 1,60 lần, giảm lần lượt 0,62 lần và 0,55 lần so với cùng kỳ năm trước; hệ số thanh toán nhanh ở mức 1,54 lần giảm 0,59 lần so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu thanh toán của BVSC mặc dù có giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức gấp hơn 1,5 lần so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần, thể hiện khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả nợ của Công ty vẫn luôn được đảm bảo. Trong năm không phát sinh khoản nợ xấu, nợ quá hạn phải trả, không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/ khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.

Các chỉ tiêu về quy mô và cơ cấu vốn

Năm 2021 Vốn điều lệ của Công ty không đổi ở mức 722,34 tỷ đồng do các yếu tố khách quan và chủ quan mà Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 2.144,45 tỷ đồng tăng 269,71 tỷ đồng tăng 49,70 % so với cùng kỳ năm trước do khoản lợi nhuận gia tăng của năm 2021 để lại.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2021, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 489% bằng 2,72 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

+ Về cơ cấu vốn: Năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh việc tận dụng các nguồn vốn vay với lãi suất thấp trong ngắn hạn để đáp ứng nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh chính. Theo đó, cơ cấu vốn của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể giữa Vốn chủ sở hữu và các khoản Nợ phải trả, các hệ số nợ đều tăng lên, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng Tài sản đạt 62,50% tăng 38,68% so với cùng kỳ năm trước, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 166,70% tăng 103,17% so với cùng kỳ năm trước.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng “vận động” Công ty trong năm tài chính 2021, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2021 đạt 9,75 lần, giảm 8,67 lần so với năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu và các khoản phải thu bình quân, trong năm qua, doanh thu hoạt động tăng trưởng mạnh mẽ nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng của các khoản phải thu về cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán nói riêng và các khoản phải thu nói chung. Dư nợ các khoản cho vay và phải thu tăng mạnh vào những tháng cuối năm để đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng của hoạt động môi giới. Vì vậy dù hệ số vòng quay các khoản phải thu giảm về mặt tính toán kỹ thuật nhưng mặt tích cực là Công ty đã và đang mở rộng quy mô của hoạt động kinh doanh, việc theo dõi và thu hồi công nợ vẫn được kiểm soát tốt, đúng hạn, không có rủi ro.
- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,62 lần, tăng thêm 0,30 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này cho thấy trong năm 2021 Công ty sử dụng vốn linh hoạt và hiệu quả, doanh thu tăng trưởng mạnh, khả năng thu hồi vốn nhanh mang lại Lợi nhuận cao cho Công ty.
- Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,25 lần, tăng thêm 0,05 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty. Năm 2021, tài sản của Công ty tăng 67,57% nhưng doanh thu thuần tăng tới 93,07% chứng tỏ Công ty đã sử dụng tài sản vô cùng linh hoạt, hiệu quả để đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, tạo ra lợi nhuận đột biến cho Công ty.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Năm 2021, với kết quả kinh doanh rất khả quan, doanh thu, lợi nhuận sau thuế và tài sản của Công ty đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của BVSC đều tăng so với năm trước. Cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần của Công ty đạt 24,67% tăng 10,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần đạt 20,24% tăng 14,51% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 13,19% tăng 86,85% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay tăng mạnh 113,74% so cùng kỳ năm trước và trong khi Vốn chủ sở hữu tăng 14,39% so với cùng kỳ năm trước được bổ sung từ khoản lợi nhuận sau thuế năm 2021.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 4,95% tăng 27,55% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay tăng mạnh 113,74% so cùng kỳ năm trước trong khi đó tổng tài sản lại tăng 67,57% so với cùng kỳ năm.

Tình hình tài sản

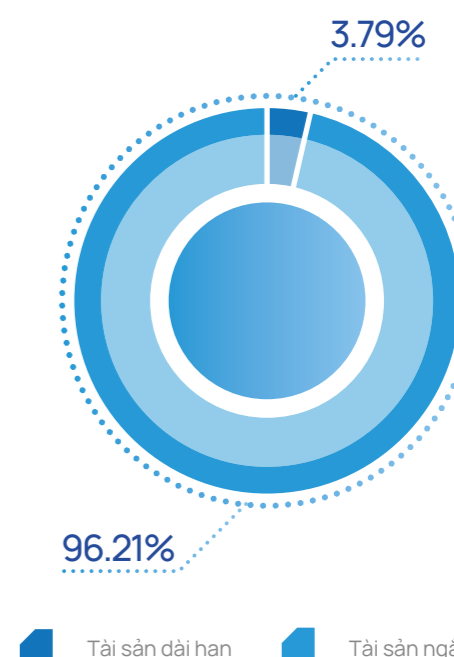
Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Tỷ trọng 2020 | Năm 2021 | Tỷ trọng 2021 | Số tăng/giảm | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|---------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|-------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 3 057,48 | 89,58% | 5 502,63 | 96,21% | 2 445,15 | 79,97% |
| I. Tài sản tài chính | 3 055,09 | 89,51% | 5 495,08 | 96,08% | 2 439,99 | 79,87% |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 88,88 | 2,60% | 66,56 | 1,16% | (22,32) | -25,11% |
| 2. Đầu tư tài sản tài chính | 736,02 | 21,57% | 1 843,35 | 32,23% | 1 107,33 | 150,45% |
| 3. Các khoản cho vay | 2 205,55 | 64,62% | 3 374,60 | 59,00% | 1 169,05 | 53,00% |
| 4. Các khoản phải thu ngắn hạn | 24,64 | 0,72% | 210,57 | 3,68% | 185,92 | 754,45% |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 2,39 | 0,07% | 7,55 | 0,13% | 5,16 | 216,03% |
| B. Tài sản dài hạn | 355,51 | 10,42% | 216,67 | 3,79% | (138,85) | -39,05% |
| I. Tài sản tài chính dài hạn | 304,36 | 8,92% | 176,36 | 3,08% | (128,00) | -42,06% |
| II. Tài sản cố định | 15,66 | 0,46% | 15,27 | 0,27% | (0,40) | -2,53% |
| V. Tài sản dài hạn khác | 35,49 | 1,04% | 25,04 | 0,44% | (10,45) | -29,44% |
| Tổng cộng tài sản | 3 412,99 | 100% | 5 719,30 | 100% | 2 306,31 | 67,57% |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán 2021

Cơ cấu tài sản

- Tài sản năm 2021 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 96,21% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 3,79% tổng tài sản.
 - Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn chiếm 59,00% và đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn chiếm 32,23% trong tổng tài sản.
 - Các khoản còn lại bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền chiếm 1,16% trong tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 3,81% trong tổng tài sản.
- Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 3,08% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 0,71% trong tổng tài sản.



Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Biến động của Tài sản

Tổng tài sản năm 2021 của Công ty đạt 5.719,30 tỷ đồng, tăng 2.306,31 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 67,57% chủ yếu tăng từ tài sản ngắn hạn 2.445,15 tỷ đồng trong khi tài sản dài hạn giảm 138,85 tỷ đồng, cụ thể:

- Tài sản ngắn hạn tăng 2.445,15 tỷ đồng tương ứng mức tăng 79,97% chủ yếu từ:
 - Các khoản tài chính ngắn hạn tăng 2.439,98 tỷ đồng tương ứng mức tăng 79,87% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chủ yếu tăng từ khoản cho vay ngắn hạn 1.169,05 tỷ đồng tương ứng mức tăng 53,00% so với cùng kỳ năm trước; tăng từ khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn 1.107,33 tỷ đồng tương ứng mức tăng 150,45% so với cùng kỳ năm trước.
 - Các khoản tiền và tương đương tiền giảm 22,32 tỷ đồng tương ứng mức giảm 25,11% đồng do trong năm Công ty giảm các khoản tiền gửi ngắn hạn lãi suất thấp để dịch chuyển nguồn vốn sang đầu tư tài sản tài chính, cho vay ngắn hạn.

Việc gia tăng và phân bổ lại các khoản tài sản ngắn hạn - dài hạn theo chủ trương của Công ty để tập trung nguồn lực và huy động vốn phục vụ hoạt động cho vay và đầu tư tài sản tài chính theo diễn biến thuận lợi của thị trường.

- Tài sản dài hạn giảm 138,85 tỷ đồng tương ứng mức giảm 39,05% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản đầu tư chứng khoán dài hạn giảm 128,00 tỷ đồng tương ứng mức giảm 42,06% do Công ty chủ trương tập trung vào đầu tư ngắn hạn và dành nguồn lực cho hoạt động cho vay, phải thu.

Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Cơ cấu Nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nợ phải trả gồm các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả chiếm 62,50% và Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 37,50% gồm vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối.

Biến động Nguồn vốn

Nợ phải trả: của Công ty năm 2021 là 3.574,85 tỷ đồng tăng 2.036,60 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 132,40% chủ yếu tăng từ các khoản nợ phải trả ngắn hạn, cụ thể:

- Nợ ngắn hạn tăng 2.014,79 tỷ đồng tương ứng mức tăng 141,76% do tăng từ các khoản vay ngắn hạn 1.610,70 tỷ đồng, các khoản phải trả còn lại tăng 404,09 tỷ đồng do tăng từ phải trả mua chứng khoán tự doanh, thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước, phải trả người lao động và khoản phải trả khác.
- Nợ dài hạn tăng 21,81 tỷ đồng tương ứng mức tăng 18,65% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Việc tăng mạnh các khoản nợ vay ngắn hạn cho thấy Công ty tận dụng những nguồn huy động vốn ngắn hạn với lãi suất thấp trên thị trường tài chính để bổ sung nguồn vốn kinh doanh; đáp ứng nguồn vốn cho đầu tư ngắn hạn và cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, làm đòn bẩy thúc đẩy hoạt động giao dịch và các hoạt động khác, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Cùng với việc đẩy mạnh huy động nguồn vốn ngắn hạn, Công ty vẫn tăng cường kiểm soát nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán nợ đúng hạn. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

Năm 2021, không phát sinh các khoản phải trả chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn chủ sở hữu năm 2021 đạt 2.144,45 tỷ đồng tăng 269,71 tỷ đồng tương ứng mức tăng 14,39% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau khi trừ đi cổ tức đã chi trả cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

Nguồn vốn, tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Tỷ trọng 2020 | Năm 2021 | Tỷ trọng 2021 | Số tăng/giảm | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|--|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|-------------------|
| A. Nợ phải trả | 1 538,25 | 45,07% | 3 574,85 | 62,50% | 2 036,60 | 132,40% |
| I. Nợ ngắn hạn | 1 421,27 | 41,64% | 3 436,05 | 60,08% | 2 014,78 | 141,76% |
| II. Nợ dài hạn | 116,98 | 3,43% | 138,80 | 2,43% | 21,81 | 18,65% |
| B. Vốn chủ sở hữu | 1 874,74 | 54,93% | 2 144,45 | 37,50% | 269,71 | 14,39% |
| Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư) | 1 332,10 | 39,03% | 1 332,10 | 23,29% | - | - |
| Các quỹ và LN chưa phân phối | 542,65 | 15,90% | 812,36 | 14,20% | 269,71 | 49,70% |
| Tổng cộng nguồn vốn | 3 412,99 | 100% | 5 719,30 | 100% | 2 306,30 | 67,57% |



Qua phân tích tình hình tài chính năm 2021 cho thấy Công ty tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận vượt bậc, hoàn thành vượt mức tất cả các mục tiêu kinh doanh nhưng vẫn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC luôn thể hiện tinh minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)



Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo Quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Năm 2021, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **85/100 điểm**. Tình hình tài chính ổn định, vững mạnh là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục II Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL tại trang 206 của Báo cáo này)

Những tiến bộ trong năm

Sau "Bước chuyển 2020" khi mà hệ thống giao dịch trực tuyến mới B-wise ra đời, trong năm 2021, Công ty tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ sinh thái số thông qua các sản phẩm dịch vụ số thông minh với chất lượng cao tạo nên những trải nghiệm tích cực cũng như tối ưu hóa danh mục đầu tư của khách hàng.

Ra mắt sản phẩm mới eKYC

Tháng 08/2021, Công ty cho ra mắt dịch vụ mở tài khoản trực tuyến dựa trên công nghệ nhận diện khuôn mặt eKYC (gọi tắt là mở tài khoản eKYC), thực hiện trên ứng dụng di động BVSC Mobile, giúp khách hàng mở tài khoản nhanh chóng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào trong ngày. Sự ra đời của dịch vụ mở tài khoản eKYC đã giúp tối ưu hóa hoạt động mở tài khoản của khách hàng cũng như cải tiến phương thức tiếp cận khách hàng một cách hiệu quả, đặc biệt trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay.

Phát triển sản phẩm tư vấn đầu tư mới dựa trên ứng dụng công nghệ

Công ty cho ra mắt sản phẩm BVS - Value - Ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán được quản lý bởi đội ngũ chuyên gia phân tích uy tín và giàu kinh nghiệm. Dựa trên nền tảng công nghệ, khách hàng hoàn toàn sở hữu và giám sát hàng ngày toàn bộ tài sản ủy thác trên tiểu khoản giao dịch, đồng thời, khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn ủy thác một phần tài sản song song với việc chủ động tự giao dịch... Vào tháng 03 năm 2022, BVSC tiếp tục nghiên cứu và cho ra mắt sản phẩm ủy thác quản lý đầu tư mới BVS - Active giúp khách hàng có thêm nhiều sự lựa chọn nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư của mình.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý trong năm

- Công ty đã hoàn tất việc kiện toàn, hợp nhất các phòng ban hỗ trợ và quản lý tại Trụ sở chính và Chi nhánh TP. HCM & ban hành bộ chức năng nhiệm vụ mới phù hợp với định hướng phát triển cho trung và dài hạn. Với việc kiện toàn các phòng Quản lý hoạt động (tiền thân là Phòng Tổng hợp), Phòng Tài chính kế toán và Phòng phòng Lưu ký & Dịch vụ khách hàng (tiền thân là phòng Lưu ký), cơ cấu tổ chức của Công ty trở nên tinh gọn, chuyên nghiệp hơn, góp phần tăng cường hiệu quả trong công tác điều hành & tối ưu hóa năng suất lao động tại các phòng ban.
- Trong năm 2021, Công ty đã ban hành và sửa đổi một số chính sách trong công tác quản lý, điển hình như Quy chế chi tiêu mới 2021; Quy chế Quản lý cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và Quy định về tiêu chuẩn cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách; Ban hành Chính sách thưởng khuyến nghị đầu tư áp dụng cho cán bộ Phòng phân tích & tư vấn đầu tư; Sửa đổi quy định về chính sách Trưởng nhóm môi giới áp dụng tại các phòng giao dịch; Sửa đổi quy định về điều chuyển khách hàng giữa các môi giới... nhằm đáp ứng những thay đổi trong thực tế hoạt động và nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng trong công tác quản lý.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

“

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.



04

Kế hoạch kinh doanh
trong năm 2022

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025

Trên cơ sở kết quả hoàn thành mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020 và phân tích cơ hội, thách thức, định vị điểm mạnh, điểm yếu và vị thế của BVSC trong ngành, để thích ứng với môi trường kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025, BVSC xây dựng định hướng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025 để trình ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua, cụ thể như sau:



Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng thể

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số.

Mục tiêu cụ thể

- Top 10 CTCK thị phần giao dịch cổ phiếu & chứng chỉ quỹ.
- Top 05 CTCK có thị phần giao dịch trái phiếu.
- Nhà tư vấn tiêu biểu trên thị trường chứng khoán ("TTCK") Việt Nam trong lĩnh vực cổ phần hóa, M&A, thoái vốn



Đến năm 2025, phấn đấu đủ năng lực cung cấp 100% giao dịch online cho khách hàng, và cung cấp được dịch vụ tài chính tích hợp đa dạng trên nền tảng số cho hệ sinh thái Bảo Việt.

Mục tiêu tài chính

10 - 15 %/năm

Doanh thu thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

7 - 8.5 %/năm

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

6.5 %/năm

Lợi nhuận sau thuế thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

6.4 %/năm

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2021-2025

18 %/năm

(trên quy mô vốn điều lệ 722 tỷ đồng)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân giai đoạn 2021-2025

Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2021-2025

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021-2025 hướng tới mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

Định hướng sản phẩm

- Tập trung phát triển sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ. Phát triển các sản phẩm tài chính tích hợp dựa trên lợi thế về hệ sinh thái sản phẩm (bảo hiểm - ngân hàng- tài chính) trong Tập đoàn Bảo Việt.

Định hướng khách hàng

- Hướng tới khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái toàn Tập đoàn Bảo Việt, cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho tầng lớp trung lưu.

Định hướng về công nghệ thông tin

- Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để có APP giao dịch thân thiện, nhiều tiện ích. Xây dựng sản phẩm tài chính trên nền công nghệ, áp dụng công nghệ e-KYC để mở được tài khoản online, tăng cường quản trị rủi ro khi hệ thống kết nối với các nhà cung cấp nền tảng số liệu, đặt lệnh độc lập (OPEN APIs); kết nối với các kênh thanh toán trực tuyến.

Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

- Hình thành & phát triển nhóm dự án với đội ngũ có kiến thức, kinh nghiệm về quản lý danh mục, quản lý tài sản cá nhân. Tuyển dụng, xây dựng đội ngũ thiết kế sản phẩm giao dịch theo Robot, thuật toán. Xây dựng đội ngũ SALE, PR chuyên tiếp cận và mở rộng tệp khách hàng trẻ, thế hệ GEN Y & Z. Đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo và huấn luyện phát triển con người ở cấp độ quản lý lãnh đạo và nhân viên.

Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022

Dự báo nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2022



Dự báo nền kinh tế

Cơ hội

- Kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng.** Trong năm 2022, các nền kinh tế trên thế giới được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng. Động lực tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu đến từ cầu tiêu dùng và đầu tư. Cầu tiêu dùng được đánh giá sẽ duy trì đà tăng khi các nền kinh tế mở cửa mạnh mẽ hơn. Đầu tư có thể không còn mạnh mẽ như trong năm 2021 do dư địa thực thi chính sách tài khoá của một số nước bị co lại cùng sự kéo dài của đại dịch.
- Đẩy mạnh tiêm vaccine, mở cửa nền kinh tế, khôi phục các hoạt động sản xuất kinh doanh.** Chính phủ sau khi thay đổi cách tiếp cận ứng phó với dịch bệnh đã huy động tổng lực để tiếp cận được nguồn vaccine và triển khai tiêm. Tính đến cuối năm 2021, tỷ lệ tiêm đủ liều vaccine của Việt Nam đạt 70% dân số, giúp Việt Nam nằm trong số 50 quốc gia có tỷ lệ tiêm đủ liều cao nhất thế giới. Với chiến lược thích ứng an toàn với Covid-19 của Chính phủ, chiến lược tiêm chủng vaccine được phủ nhanh trên diện rộng sẽ là yếu tố then chốt giúp nền kinh tế vận hành liên tục và trơn tru, qua đó đóng góp vào sự hồi phục của nền kinh tế trong năm 2022.
- Tăng trưởng GDP bật mạnh trở lại từ nền thấp 2021.** Tăng trưởng trong năm 2022 được hỗ trợ từ cả 3 động lực chính, gồm xuất khẩu nhờ cầu từ các thị trường Mỹ, EU; Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, hỗ trợ đầu tư tư nhân; và sức cầu trong nước tăng trở lại trong điều kiện kinh tế mở cửa. Trên cơ sở đó, tăng trưởng GDP của Việt Nam được đánh giá sẽ bật tăng mạnh trở lại (theo BVSC GDP 2022 sẽ tăng trưởng quanh mức 7%) từ nền thấp của năm 2021.
- Chương trình phục hồi kinh tế sau đại dịch, thúc đẩy đầu tư công và tiêu dùng.** Chính phủ tiếp tục quan tâm tới hỗ trợ tăng trưởng, tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và đưa ra thêm các gói hỗ trợ kinh tế mới. Với cách tính GDP mới, tỷ lệ nợ công/GDP vẫn đang ở mức tương đối thấp so với mức trần 60% của Chính phủ, do đó dư địa cho tài khoá vẫn còn khá nhiều. Trong năm 2021, giải ngân vốn đầu tư công gặp khó do phong tỏa, cách ly trong các đợt bùng phát dịch Covid-19; Giá nguyên vật liệu tăng mạnh và Nhân sự chưa ổn định. Tuy nhiên, những yếu tố này được đánh giá sẽ không kéo dài sang năm 2022. Vì vậy, đầu tư công sẽ là một trong các động lực giúp GDP trong năm 2022 bật tăng trở lại.

- Xuất khẩu kỳ vọng tiếp tục tăng nhờ tăng trưởng kinh tế và cầu tiêu dùng thế giới cùng sự hồi phục của sản xuất trong nước.** Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN... đều đang có sự phục hồi tốt sau khi kiểm soát được dịch bệnh. Do đó, xuất khẩu được kỳ vọng sẽ tiếp tục là điểm sáng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước trong năm 2022.
- Mặt bằng lãi suất vẫn được duy trì ở mức thấp trong năm 2022.** Trong năm 2021, NHNN không thực hiện cắt giảm lãi suất điều hành như 3 lần trong năm 2020 nhưng sử dụng linh hoạt các biện pháp khác nhau để hỗ trợ cho thanh khoản thị trường ở trạng thái dãn dôi. Theo đó, lãi suất huy động 12 tháng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất lịch sử, trung bình năm 2021 giảm một điểm phần trăm so với mức trung bình của năm 2020. Bước sang

năm 2022, áp lực lạm phát tăng cao khi giá nhiều loại nguyên vật liệu đang có xu hướng tăng mạnh. Điều này có thể sẽ tạo sức ép khiến lãi suất huy động phải tăng trở lại để có sức hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, BVSC đánh giá mức tăng của lãi suất trong năm 2022 nếu có cũng sẽ chưa quá lớn, khi nền kinh tế vẫn cần có sự hỗ trợ để hồi phục, và dịch Covid-19 vẫn còn chứa những rủi ro tiềm ẩn.

- Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát ở mức dưới 4% trong cả năm 2022.** Lạm phát chịu áp lực tăng cao trong nửa đầu 2022 do nền thấp của nhiều mặt hàng như xăng dầu, nguyên vật liệu thời điểm đầu năm 2021. Nhưng lạm phát sẽ giảm dần vào nửa sau năm 2022 khi so với nền giá cao của cuối năm 2021, đặc biệt nhờ vào giá thịt lợn được kỳ vọng sẽ không có biến động mạnh do nguồn cung được duy trì ổn định.



Thách thức

- Giá hàng hóa trên thị trường thế giới tăng nhanh đang tạo áp lực lên lạm phát toàn cầu.** Khi dịch bệnh được kiểm soát và nền kinh tế hoạt động ổn định trở lại, nhu cầu về nguyên vật liệu đầu vào gia tăng mạnh. Thêm vào đó, căng thẳng địa chính trị tại một số quốc gia và khu vực cũng khiến cho giá cả hàng hóa tăng cao, tạo áp lực lên lạm phát.
- Ngân hàng trung ương các nước thay đổi chính sách kinh tế.** Trong năm 2022, Ngân hàng trung ương một số nước và khu vực sẽ chuyển mục tiêu từ hỗ trợ tăng trưởng sang kiểm soát lạm phát. Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nhiều nền kinh tế đã tăng trưởng trở lại, chính sách tiền tệ sẽ không còn tiếp tục được nới lỏng. Ngân hàng trung ương một số quốc gia và khu vực như Mỹ, Anh, EU, Nhật Bản... đã lên kế hoạch sớm thu hẹp chính sách tiền tệ nới lỏng và chuyển sang tăng lãi suất trở lại.
- Một số rủi ro tiềm ẩn đối với kinh tế vĩ mô do các biến chủng Covid-19 mới.** Dịch bệnh Covid-19 có thể vẫn diễn biến phức tạp do quan ngại chủng biến thể mới của Covid-19. Tuy vậy, xác suất xảy ra những rủi ro trên hiện được đánh giá ở mức trung bình thấp.

| BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2022 | | | |
|---|-------|------------------------|-------------|
| Các chỉ tiêu chính | 2021 | 2022 | |
| | | Mục tiêu của Chính phủ | BVSC dự báo |
| Tăng trưởng GDP (%) | 2,58 | 6-6,5 | 7 |
| Lạm phát bình quân (%) | 1,84 | Khoảng 4 | 3,5-4 |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 13,53 | 14 | 15 |
| Biến động tỷ giá USD/VND (%) | -1,18 | N/A | 2 |

Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022 (tiếp theo)



Thị trường chứng khoán năm 2022

Cơ hội

- **Nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam được duy trì ổn định.** Việc bao phủ vaccine trên diện rộng tạo tiền đề cho nền kinh tế hoạt động ổn định. Cùng với chương trình kích thích kinh tế bao gồm đầu tư công, những gói hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, hỗ trợ lãi suất có thể tạo ra cú hích đối với tăng trưởng tín dụng. Bên cạnh đó, Chính Phủ có thể có những chính sách để thúc đẩy thu hút vốn FDI, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn ngân hàng.
- **Tiền rẻ vẫn là điểm tựa cho thị trường chứng khoán.** Mặt bằng lãi suất thấp có thể sẽ được duy trì ít nhất đến nửa đầu năm 2022. Mặc dù, lãi suất có thể chịu áp lực tăng trong nửa cuối năm nhưng mức tăng (nếu có) sẽ chỉ nhích nhẹ.
- **Triển vọng hồi phục trên diện rộng của các doanh nghiệp niêm yết.** Nền kinh tế toàn cầu hồi phục, chuỗi cung ứng không còn bị đứt gãy tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất ổn định trở lại. Cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực trong năm 2022. Các ngành bị ảnh hưởng nặng bởi dịch Covid-19 như hàng không, du lịch và giải trí... cũng sẽ bật tăng mạnh trở lại.
- **Hệ thống công nghệ thông tin mới.** Trong năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến sẽ đưa vào sử dụng hệ thống công nghệ thông tin mới. Đây sẽ là nền tảng để triển khai các sản phẩm mới trên thị trường, giao dịch chứng khoán T-0. Đồng thời, đây cũng là một trong các tiêu chí để thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được các tổ chức xếp hạng đánh giá nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong tương lai gần.
- **Đẩy mạnh các thương vụ thoái vốn.** Các thương vụ thoái vốn sẽ diễn ra quyết liệt hơn do Nhà nước có nhu cầu đẩy mạnh bán vốn để thu tiền phục vụ cho chính sách tài khóa, cùng với đó tình hình dịch bệnh ổn định, mặt bằng giá của nhiều cổ phiếu ở mức hợp lý sẽ khiến các đợt bán vốn diễn ra thuận lợi hơn.



Thách thức

- **Ngân hàng trung ương các nước thay đổi chính sách tiền tệ.** Trong năm 2022, ngân hàng trung ương các nước và khu vực lớn như Mỹ, EU... đang có kế hoạch rút tiền về và nâng lãi suất. Động thái sẽ khiến dòng tiền có thể tiếp tục bị rút ra khỏi các nước mới nổi (trong đó có Việt Nam), tạo ra tâm lý lo ngại chung đối với nhà đầu tư. Ngoài ra, khi đồng USD tăng giá sẽ tạo áp lực lên tỷ giá trong nước, làm giảm sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.
- **Rủi ro lạm phát tăng cao.** Khi hoạt động kinh tế bình thường trở lại, nhu cầu tăng mạnh khiến cho giá của các hàng hóa, nguyên liệu đầu vào tăng cao.
- **Dòng vốn trong thị trường chứng khoán bị cạnh tranh bởi các kênh đầu tư khác.** Khi kinh tế ổn định hơn, nhiều cơ hội đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, cơ hội đầu tư ở các lĩnh vực khác xuất hiện khiến dòng tiền sẽ chảy ngược từ thị trường chứng khoán sang các kênh đầu tư khác.
- **Sự khó lường của bối cảnh vĩ mô quốc tế, thời kỳ hậu Covid-19.** Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, các vấn đề được quan tâm sẽ quay trở lại các vấn đề về địa chính trị, chiến tranh thương mại... Căng thẳng giữa Nga - Ukraina và các biện pháp trừng phạt về kinh tế sẽ gây ảnh hưởng không tích cực đến thị trường tài chính toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2022



Công ty đã và đang xây dựng các yếu tố cốt lõi hướng đến hoàn thiện hệ sinh thái số bao gồm “Con người thời đại số” và “Các sản phẩm dịch vụ số”.

Thuận lợi và khó khăn với BVSC trong năm 2022

Thuận lợi

- Là một doanh nghiệp có thương hiệu uy tín trên thị trường và có hoạt động ổn định, trong những năm gần đây, Công ty đã và đang xây dựng các yếu tố cốt lõi hướng đến hoàn thiện hệ sinh thái số bao gồm “Con người thời đại số” và “Các sản phẩm dịch vụ số”. Trong đó, bên cạnh đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm là yếu tố nền tảng tốt đối với BVSC, công ty tăng cường phát triển đội ngũ nhân sự có khả năng chuyển đổi tốt, thích ứng với những chuyển động nhanh về công nghệ. Đồng thời, nhiều dịch vụ tiện ích và các sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ đã lần lượt được khai thác, nhằm mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, là yếu tố quan trọng để khai thác hoạt động môi giới. Ngoài ra, lĩnh vực tư vấn của BVSC tiếp tục khẳng định vị thế cao trên thị trường là tiền đề tốt để thúc đẩy hoạt động tư vấn, IB trong năm 2022.

Khó khăn

- Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp trong khi phương án tăng vốn vẫn chưa được thực hiện cùng với khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngày càng bị hạn chế, khiến cho việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng, cụ thể là hoạt động cho vay margin và ứng trước của công ty gặp nhiều khó khăn sẽ làm giảm lợi thế cạnh tranh của Công ty là những thách thức trong mục tiêu duy trì thị phần & mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trong năm 2022.

Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022 (tiếp theo)

Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 2022

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2022, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua như sau:

Kế hoạch kinh doanh dự kiến 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | % KH 2022 so với TH 2021 |
|-----------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
| A | TỔNG DOANH THU | 1147,19 | 1169 | 102% |
| I | Doanh thu thực hiện | 1052,83 | 1080 | 103% |
| 1 | Môi giới | 467,67 | 476,8 | 102% |
| 2 | Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 396,43 | 417,7 | 105,4% |
| 3 | Tự doanh | 135,75 | 135 | 99% |
| 4 | Tư vấn, BLPH | 41,02 | 40,5 | 99% |
| 5 | Lưu ký | 9,23 | 8,0 | 87% |
| 6 | Doanh thu khác | 2,73 | 2,0 | 73% |
| II | Doanh thu chưa thực hiện | 94,37 | 89 | 94% |
| B | TỔNG CHI PHÍ | 796,16 | 818 | 103% |
| I | Chi phí thực hiện | 761,86 | 785 | 103% |
| II | Chi phí chưa thực hiện | 34,30 | 33 | 96% |
| C | LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | 351,03 | 351 | 100% |
| | Trong đó: LN trước thuế thực hiện | 290,97 | 295 | 101% |
| D | LỢI NHUẬN SAU THUẾ | 282,94 | 283,5 | 100% |
| | Trong đó: LN sau thuế thực hiện | 232,20 | 236 | 102% |

Kế hoạch kinh doanh 2022: Được lập trên cơ sở một số dự báo và giả định về thị trường chứng khoán năm 2022 như sau:

- Chỉ số VNIndex bình quân dao động quanh mức 1.500 – 1.550 điểm
- Giá trị giao dịch bình quân/phiên đạt: 22.000 tỷ đồng/phiên

Các giải pháp thực hiện

Hoạt động môi giới – dịch vụ tài chính

Về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng

- Đẩy mạnh công nghệ chuyển đổi số trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng gồm nâng cấp dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC, hoàn thiện và mở rộng hệ thống thu – chi hộ điện tử định danh, phát triển kênh nộp tiền qua momo, shoppe pay...
- Đẩy mạnh hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp, cung cấp các dịch vụ iBond, iDeposit và đặc biệt đẩy mạnh triển khai và phát triển sản phẩm mới Ủy thác quản lý tài khoản GDCK – BVS Value, BVS Active... giúp khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn các kênh đầu tư phù hợp, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho khách hàng, từ đó thu hút phát triển khách hàng mới.

Kênh phân phối

- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, chú trọng khai thác khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt.

Chính sách khách hàng

- Chính sách lãi suất, chính sách phí... có sự điều chỉnh thường xuyên và linh hoạt bám sát thị trường đảm bảo tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng.

Nguồn nhân lực

- Ngoài các kênh tuyển dụng truyền thống để tìm kiếm và phát triển đội ngũ môi giới có kinh nghiệm trên thị trường, công ty triển khai các chương trình tuyển dụng và đào tạo dành riêng cho đội ngũ môi giới - Future Broker 2022 tại Hà Nội nhằm xây dựng đội ngũ môi giới kế cận có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai.
- Triển khai cơ chế khoán doanh thu linh hoạt, bám sát các điều kiện thị trường, đảm bảo công bằng lợi ích Công ty và của môi giới.
- Tăng cường đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng nhằm nâng cao trình độ và khả năng phát triển khách hàng cho đội ngũ môi giới hiện tại.
- Phát động các chương trình thi đua môi giới định kỳ và các chương trình thúc đẩy bán hàng đối với các sản phẩm mới

Nguồn vốn

- Chủ động tìm kiếm các nguồn huy động vốn thông qua vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại, bên cạnh đó công ty cũng nghiên cứu và xây dựng kế hoạch phát hành riêng lẻ 100 tỷ đồng trái phiếu với mục đích nâng cao năng lực tài chính, tập trung tối đa cho hoạt động cho vay margin và ứng trước nhằm thúc đẩy hoạt động môi giới, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.



Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022 (tiếp theo)



Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành

- Tập trung đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu, song song với duy trì hoạt động tư vấn M&A là thế mạnh của BVSC.
- Tận dụng cơ hội khi kế hoạch thoái vốn, cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 được Chính phủ phê duyệt, công ty đẩy mạnh tiếp cận các Tập đoàn, Doanh nghiệp có nhu cầu tái cơ cấu để tư vấn IPO và niêm yết cổ phiếu
- Khai thác lợi thế bán chéo trong Tập đoàn Bảo Việt để mở rộng thêm mạng lưới khách hàng để triển khai các hợp đồng tư vấn thuộc thế mạnh của BVSC.

Hoạt động tự doanh

- Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, cũng như tăng cường công tác quản trị rủi ro cho danh mục đầu tư, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho danh mục đầu tư.
- Công ty tích cực đẩy mạnh giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nhằm đa dạng hóa các nguồn doanh thu của hoạt động đầu tư.
- Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm các cơ hội đầu tư và mở rộng quy mô đầu tư vào Trái phiếu doanh nghiệp nhằm hỗ trợ hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu cũng như tạo nguồn hàng cho dịch vụ bán lẻ trái phiếu iBond của Công ty.

Hoạt động lưu ký

- Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý sổ cổ đông đã ký kết.

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Trong năm 2022, bên cạnh việc duy trì hệ thống hỗ trợ giao dịch hàng ngày, Công ty sẽ tập trung hoàn thiện một số dự án quan trọng theo định hướng hoàn thiện hệ sinh thái số với đa dạng sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ và các sản phẩm tài chính tích hợp dựa trên lợi thế về hệ sinh thái sản phẩm (bảo hiểm - ngân hàng- tài chính) trong Tập đoàn Bảo Việt như sau:

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán:
 - Nghiên cứu và triển khai nâng cấp toàn diện App Mobile nhằm khắc phục các lỗi người dùng hiện nay và bổ sung hoàn thiện các tiện ích hỗ trợ
 - Chỉnh sửa hệ thống giao dịch của BVSC sẵn sàng cho hệ thống hệ thống Core giao dịch chứng khoán mới của thị trường chứng khoán Việt Nam (hệ thống KRX) đi vào hoạt động
- Phát triển sản phẩm, dịch vụ mới:
 - Hoàn tất triển khai dịch vụ thu hộ điện tử định danh với BIDV và BVB
 - Nâng cấp và tích hợp dịch vụ mở tài khoản online eKYC với BVB để bán chéo sản phẩm: kết hợp mở tài khoản tiền gửi BVB sử dụng eKYC khi khách hàng mở tài khoản trực tuyến trên app của BVSC.
 - Xây dựng hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho khách hàng tích hợp trên Bwise
 - Hoàn tất triển khai hệ thống trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp, và thứ cấp
 - Phát triển sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản Giao dịch chứng khoán - **BVS Value, BVS Active...**
 - Phát triển kênh nộp tiền thông qua Momo Pay, Shopee Pay...

Nghiên cứu Phân tích

Trong năm 2022, song song với việc duy trì các sản phẩm báo cáo tuần/tháng/bán niên và thường niên cũng như các hoạt động chăm sóc khách hàng tổ chức, một số nhiệm vụ trọng tâm được triển khai bao gồm:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, tăng cường khuyến nghị qua zoom kết hợp với PTKT để lựa chọn thời điểm giao dịch, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị ĐT, nhằm hỗ trợ môi giới trong việc tư vấn cho khách hàng.
- Triển khai và đẩy mạnh phát triển sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán - **BVS Value, BVS Active...**
- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo, tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung và đồng thời nâng cao mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường.

Mục tiêu và cam kết hành động năm 2022 (tiếp theo)

Công nghệ thông tin

Cùng với định hướng chiến lược hướng tới hoàn thiện hệ sinh thái số cũng như chuẩn bị sẵn sàng cho những thay đổi lớn của thị trường chứng khoán về quy định quản lý, quy mô và hình thức giao dịch, thay đổi hệ thống công nghệ thông tin, BVSC xây dựng kế hoạch triển khai một số nội dung trọng tâm như sau:

- Hoàn tất đặt hệ thống trung tâm dữ liệu của BVSC tại trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế, đầu tư bổ sung, thay thế hệ thống thiết bị cốt lõi nhằm nâng cấp hệ thống máy chủ và một số thiết bị trọng yếu liên quan; đồng thời đồng thời nâng cấp hệ thống mạng và máy chủ ảo trung tâm nhằm đáp ứng tốt nhất với sự tăng trưởng về dịch vụ và quy mô của thị trường.
- Thực hiện nâng cấp cơ bản hệ thống ứng dụng di động khắc phục hoàn toàn các hạn chế hiện nay trên BVSC@Mobile và tiến hành bổ sung các tính năng hỗ trợ để người dùng có thể trải nghiệm mọi dịch vụ hoàn toàn trên app.
- Phối hợp với bộ phận phát triển sản phẩm trong các nội dung (i) Triển khai và vận hành hiệu quả các sản phẩm dịch vụ mới như trái phiếu, chứng chỉ quỹ, ETF; (ii) bổ sung thêm các tính năng mở tài khoản giao dịch chứng khoán và bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái của BVH; (iii) hoàn tất triển khai dịch vụ thu hộ điện tử định danh với BIDV và BVB; (iv) vận hành sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản BVS Value, BVS Active; (v) Triển khai các sản phẩm hỗ trợ liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý danh mục dựa trên nền tảng phân tích dữ liệu và AI.
- Xây dựng mới website bvsc.com.vn nhằm tăng độ hiện diện của BVSC trên nền tảng online, tăng tính tương tác với khách hàng.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

- Triển khai đề án thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng & phát triển khách hàng số phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công ty.
- Thiết kế và tổ chức triển khai chương trình Next Gen 2022 nhằm xây dựng nguồn lực trung và dài hạn tại tất cả các vị trí. Next Gen 2022 là sự kế thừa và phát triển từ chương trình Future Broker, hướng tới hoạch định nguồn cung nhân sự toàn diện tại tất cả các vị trí trong Công ty nhằm tạo nên một thể hệ nhân sự kế cận đáp ứng nhu cầu hiện tại và chiến lược phát triển lâu dài.
- Bên cạnh tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ đối với đội ngũ môi giới, công ty thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho NLD thuộc các phòng ban chuyên môn trong đó tập trung ở các mảng quản trị rủi ro, công nghệ thông tin, tài chính – kế toán, phân tích đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng nhân sự hiện có.
- Nghiên cứu thay đổi các chính sách khoán kinh doanh đối với các bộ phận kinh doanh trực tiếp nhằm đảm bảo cạnh tranh và khuyến khích cán bộ từ đó gia tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Công ty tập trung đẩy mạnh các chiến dịch Digital Marketing, tương tác đa kênh với các nhà đầu tư và khách hàng. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển thương hiệu với việc tham gia các chương trình bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Diễn đàn M&A thường niên, Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp phát triển bền vững, Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu...

Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ

Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro đối với các mảng hoạt động của Công ty, mở rộng phạm vi các đợt tra soát đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Cập nhật và nghiên cứu các văn bản quy định mới của pháp luật đảm bảo thích ứng kịp thời với các thay đổi của các quy định pháp luật & nhu cầu quản trị của công ty.



Loyalty Reward Program



WEBINAR

MY BIRTHDAY MY CHOICE



BAOVIE CHUNG TAY VƯỢT DỊCH



NOVEMBER TO REMEMBER



Năng lượng từ trái tim

Tại BVSC chúng tôi xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc không chỉ đơn thuần hướng tới các mục tiêu kinh doanh. Chúng tôi quan tâm đến sự an toàn, sức khỏe thể chất lẫn tinh thần của mỗi người lao động, và đặc biệt là cảm giác hạnh phúc khi cho đi những điều có ý nghĩa...Bởi chúng tôi tin rằng nguồn năng lượng đến từ trái tim là nguồn năng lượng bền vững



05

Báo cáo phát triển
bền vững

BVSC Report 2021

Organization Name: BaoViet Securities

Sector: Financial Services



GRI 102

(Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016)

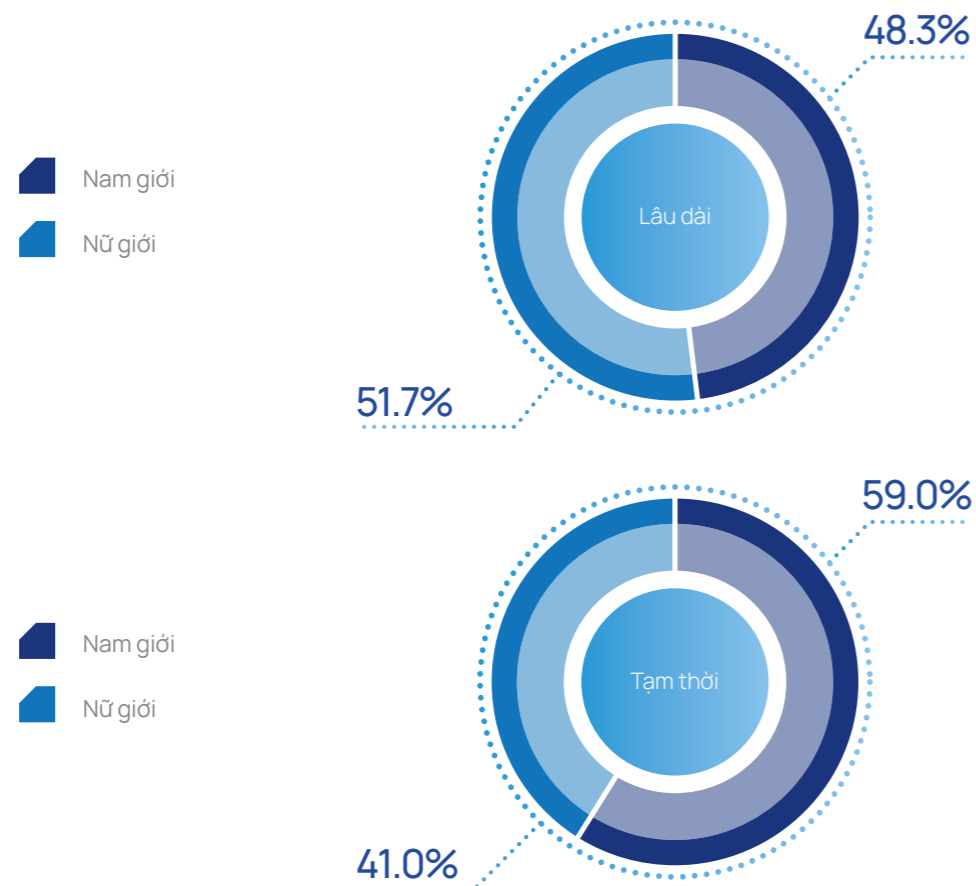
Hồ sơ tổ chức

- 102-1 Tên tổ chức
- 102-2 Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ
- 102-3 Địa điểm của trụ sở chính
- 102-4 Các địa điểm hoạt động
- 102-5 Quyền sở hữu và hình thức pháp lý
- 102-6 Các thị trường phục vụ

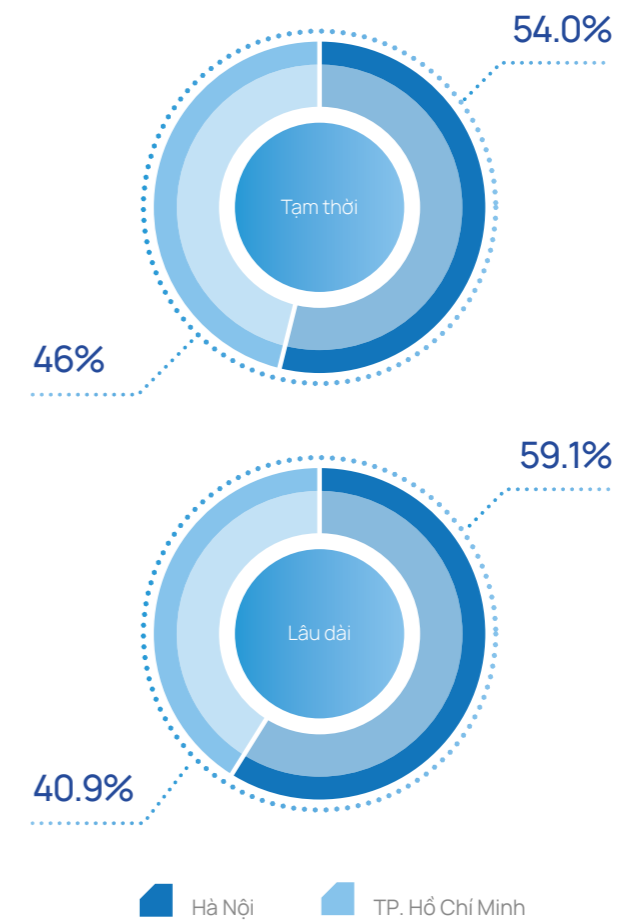
Chi tiết xem tại Chương 1 từ trang 7 đến trang 21 của Báo cáo này

102-8 Thông tin về nhân viên và người lao động khác

Theo giới tính



Theo khu vực



102-13 Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.

Chiến lược

Sự tham gia của bên liên quan

102-14 Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao

Tên người thực hiện: Nhữ Đình Hoà

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Tuyên bố

Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và các đối tác,

Là năm thứ hai đại dịch Covid-19 tác động mạnh mẽ tới các doanh nghiệp với nhiều đợt giãn cách xã hội hơn và cường độ giãn cách cao hơn, song với kinh nghiệm ứng phó từ năm trước, BVSC vẫn tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh và gặt hái những kết quả ấn tượng. Khi vấn đề về sức khỏe cộng đồng và xã hội được quan tâm hơn thì đó cũng là lúc trách nhiệm phát triển bền vững của các doanh nghiệp càng được chú trọng, được đầu tư có trọng tâm và ý nghĩa.

Bên cạnh việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định với kết quả doanh thu, lợi nhuận khả quan, BVSC đã triển khai một cách sáng tạo các hoạt động hướng tới mục tiêu về môi trường, lao động & xã hội thông qua nhiều chương trình hành động trong đó trọng tâm là chuỗi chương trình "BVSC – Vì cuộc sống an toàn và hạnh phúc". Trong bối cảnh đại dịch nghiêm trọng và giãn cách kéo dài, chúng tôi dành sự ưu tiên hàng đầu trong việc bảo vệ sức khỏe và tăng cường sự kết nối về tinh thần trong đội ngũ nhân sự, các chương trình đào tạo & hỗ trợ chuyển đổi nâng cao nhận thức và kỹ năng được thực hiện liên tục với sự trợ giúp của công nghệ đã giúp cho hoạt động kinh doanh của công ty không những không bị gián đoạn mà còn đạt được kết quả hết sức ấn tượng. Với những nỗ lực đó, năm 2021, BVSC được trao tặng giải thưởng Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2021 - sự ghi nhận xứng đáng từ các cơ quan quản lý nhà nước cho sáng kiến phát triển toàn diện trong những năm qua của Chứng khoán Bảo Việt. Bên cạnh đó, BVSC cũng đã được tôn vinh với danh hiệu "Most Sustainable Securities Brokerage House Vietnam 2021" (Tổ chức môi giới chứng khoán có hoạt động bền vững nhất) do tạp chí World Economic Magazine bình chọn. Những kết quả này là sự ghi nhận và minh chứng cho nỗ lực và cam kết của BVSC về định hướng phát triển bền vững trước những thách thức ngày một sâu rộng trên phạm vi toàn cầu.

Trân trọng

Tổng Giám đốc
Nhữ Đình Hoà



“

TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH NGHIÊM TRỌNG VÀ GIÃN CÁCH KÉO DÀI, CHÚNG TÔI DÀNH SỰ ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU TRONG VIỆC BẢO VỆ SỨC KHỎE VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ KẾT NỐI VỀ TINH THẦN TRONG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ, CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO & HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN TỤC VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA CÔNG NGHỆ ĐÃ GIÚP CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY KHÔNG NHỮNG KHÔNG BỊ GIÁN ĐOẠN MÀ CÒN ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ HẾT SỨC ẤN TƯỢNG.

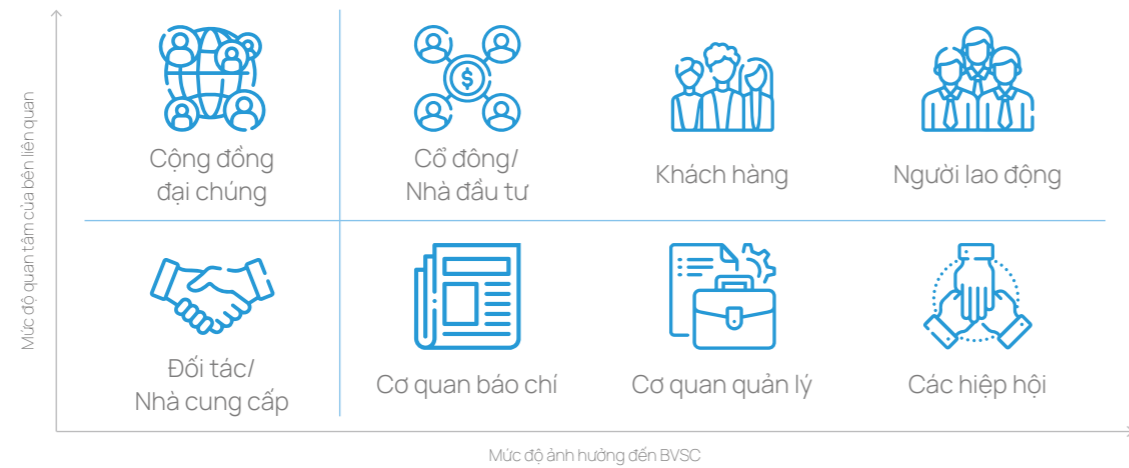
Quản trị

Sự tham gia của bên liên quan

102-18 Cơ cấu quản trị

Chi tiết xem tại Chương 2, Quản trị Công ty từ trang 26-87 của Báo cáo này.

102-40 Danh sách các nhóm liên quan



102-41 Thỏa ước thương lượng tập thể

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể:

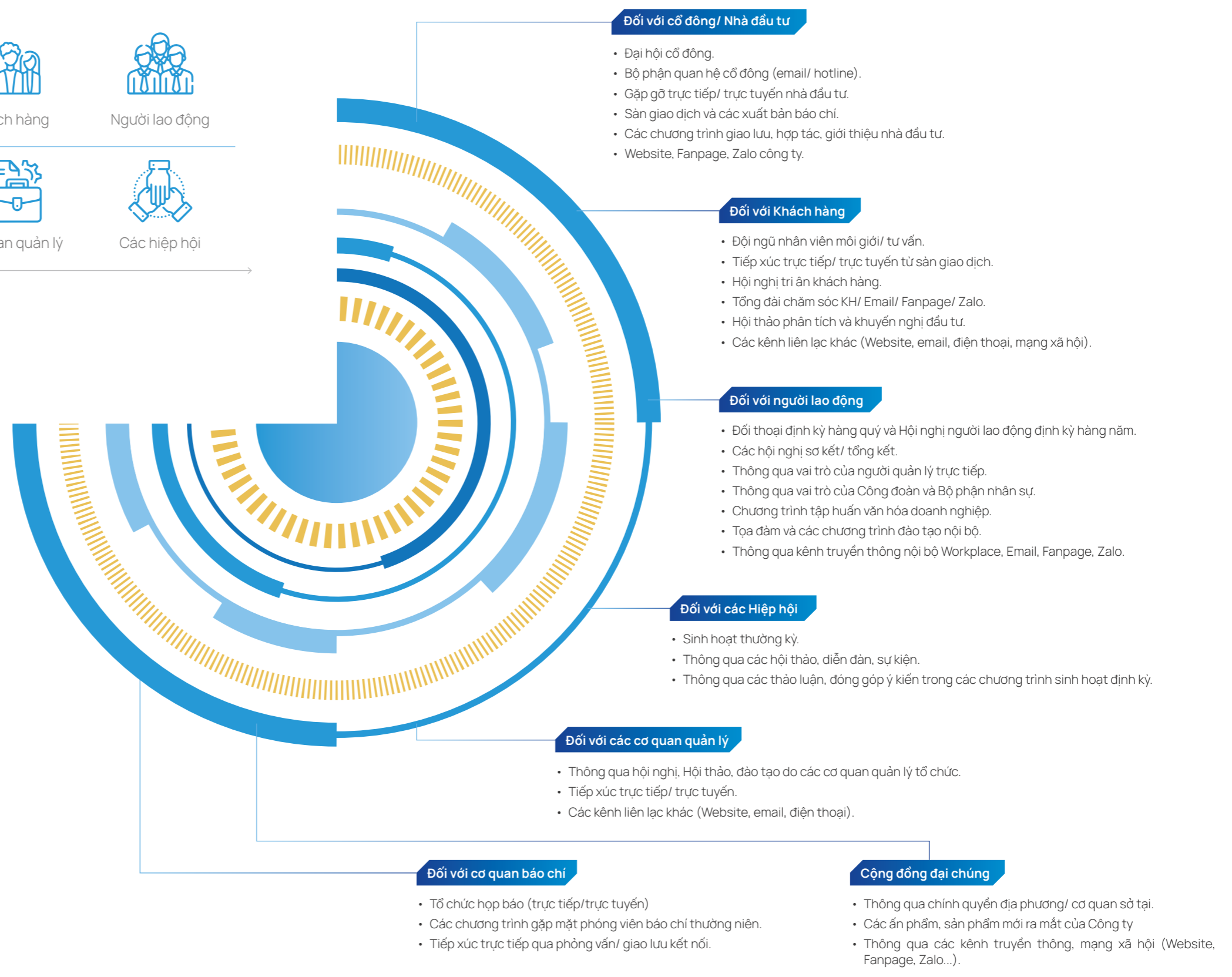
100 %

102-42 Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan


Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của BVSC, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường. Đặc biệt trong 2 năm vừa qua, khi đại dịch Covid bùng phát với nhiều biến thể mới, thời gian giãn cách toàn xã hội kéo dài, chúng tôi đã liên tục đẩy mạnh, phát triển các hình thức giao tiếp trực tuyến, giúp Công ty luôn giữ được sự kết nối và kịp thời lắng nghe những phản hồi, những đóng góp của các bên liên quan để đưa ra các giải pháp, chính sách nhằm mang lại giá trị tốt nhất cho các bên.




102-43 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:



102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

| Nhóm/ bên quan tâm | Các chủ đề được quan tâm | Hành động của BVSC |
|--|--|--|
| Cổ đông , Nhà đầu tư.  | <ul style="list-style-type: none"> Kết quả kinh doanh hiệu quả. Minh bạch thông tin. Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng. Cổ tức. | <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHCĐ thông qua. Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR. Thực hiện cam kết cổ tức. Đẩy mạnh các kênh kết nối với các Nhà đầu tư tiềm năng. |
| Cơ quan quản lý  | <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn. |
| Các Hiệp hội  | <ul style="list-style-type: none"> Trở thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của hiệp hội. Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội. | <ul style="list-style-type: none"> Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội. |
| Khách hàng  | <ul style="list-style-type: none"> Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. Địa điểm giao dịch thuận lợi. Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. Sản phẩm đa dạng để mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng. | <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. Đầu tư xây dựng nâng cấp nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise với nhiều tiện ích đi kèm. Ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới (eKYC, Ủy thác, Chi hộ điện tử,...) phục vụ nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng. Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng. |
| Cơ quan báo chí  | <ul style="list-style-type: none"> Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường. | <ul style="list-style-type: none"> Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí. Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm. Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan. Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng. |

| Nhóm/ bên quan tâm | Các chủ đề được quan tâm | Hành động của BVSC |
|--|---|---|
| Người lao động.  | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp. | <ul style="list-style-type: none"> Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài. Triển khai chương trình tuyển dụng, đào tạo bài bản các học viện nhằm tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự. Xây dựng môi trường làm việc an toàn và hiệu quả trong đại dịch Covid-19. |
| Cộng đồng xã hội.  | <ul style="list-style-type: none"> Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai. Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ. Đồng hành cùng Chính phủ trong công cuộc phòng chống dịch Covid-19 | <ul style="list-style-type: none"> Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thể hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bào Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước. Trực tiếp chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện và cơ sở y tế khám chữa bệnh. Tài trợ ủng hộ cho các quỹ vaccine của Chính phủ, các bệnh viện và trung tâm y tế tuyến đầu trong phòng chống dịch Covid |
| Đối tác, nhà cung cấp.  | <ul style="list-style-type: none"> Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng. Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán. | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp. Hợp đồng được pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết. Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp. Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty. |

Thông lệ báo cáo

102-45 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Tất cả các đơn vị của Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt để được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này.

102-46 Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

1. Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo:

• Bối cảnh phát triển bền vững:

Trong 2 năm trở lại đây, dịch Covid-19 đã có lúc có những diễn biến phức tạp, tác động nặng nề đến nhiều mặt về đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam và thế giới. Mỗi quốc gia, cộng đồng, doanh nghiệp, từng cá nhân phải nhận thức rõ hơn trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng, nhất là trách nhiệm toàn cầu. Bối cảnh đại dịch đã giúp cho các doanh nghiệp trong đó có BVSC tăng thêm phần nào nhận thức về mối liên kết chặt chẽ giữa an ninh phi truyền thống và lộ trình phát triển bền vững, qua đó củng cố niềm tin chắc chắn rằng việc hướng tới thể chế phát triển bền vững là tất yếu và duy nhất giúp doanh nghiệp trụ vững trên thương trường toàn cầu.

Vượt lên trên những thách thức, bằng sự cam kết mạnh mẽ, bền bỉ và kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững trong nhiều năm qua, BVSC đã thể hiện khả năng thích ứng và tự tạo "kháng thể" trước đại dịch, duy trì ổn định hoạt động và tăng trưởng trong kinh doanh, đóng góp tích cực trong việc thực hiện mục tiêu kép; thể hiện khả năng chống chịu, thích ứng và cạnh tranh tốt trước những thách thức toàn cầu.

• Tính trọng yếu:

Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty; và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.

• Tính đầy đủ:

Tính đầy đủ: Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.

2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo:

- **Tính chính xác:** Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
- **Tính cân đối:** Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).
- **Tính rõ ràng:** Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
- **Khả năng so sánh:** Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
- **Tính kịp thời:** Báo cáo được lập vào tháng 3/2022 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 Trình bày lại thông tin: Không có

102-50 Kỳ báo cáo:

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

102-51 Ngày của báo cáo gần nhất:

Ngày báo cáo gần nhất: ngày 19/04/2021.

Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102-51 Ngày của báo cáo gần nhất: Thường niên

102-53 Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Mai Hiền.**

E-mail: buihimaihien@baoviet.com.vn

Chức vụ: Thư ký công ty.

Điện thoại: 0243 928 8080 - 600



102-54 Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI:

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI:

Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)

Thông lệ báo cáo

102-55 Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 305: Phát thải 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016.

Phần đã loại trừ: Không có



Công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016



Hồ sơ tổ chức
Trang số: 152



Chiến lược
Trang số: 154



Thông lệ báo cáo
Trang số: 160



Quản trị
Trang số: 156



Sự tham gia của các bên liên quan
Trang số: 156



Nhóm tiêu chuẩn từng chủ đề
Trang số: 164-203



Kinh tế



Phương pháp Quản trị
Trang số: 164



Hiệu quả hoạt động kinh tế
Trang số: 166



Môi trường



Phương pháp Quản trị
Trang số: 169



Phát thải 2016
Trang số: 173



Năng lượng 2016
Trang số: 172



Xã hội



Phương pháp Quản trị
Trang số: 174



Việc làm
Trang số: 179



Phương pháp Quản trị
Trang số: 181



An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
Trang số: 186



Phương pháp Quản trị
Trang số: 187



Giáo dục và Đào tạo
Trang số: 191



Phương pháp Quản trị
Trang số: 193



Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016
Trang số: 195

Thông lệ báo cáo



GRI 200 (Chủ đề Kinh tế)

Hiệu quả hoạt động kinh tế



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/ nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
- Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...
- Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ thông qua.
Chính sách hiệu quả kinh tế.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2021:

Doanh thu

880 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện

166 tỷ đồng

Mục tiêu và chỉ tiêu

Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối Môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh:

- **Ra mắt sản phẩm mới eKYC:** Dịch vụ mở tài khoản trực tuyến dựa trên công nghệ nhận diện khuôn mặt eKYC (gọi tắt là mở tài khoản eKYC), thực hiện trên ứng dụng di động BVSC Mobile, giúp khách hàng mở tài khoản nhanh chóng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào trong ngày. Sự ra đời của dịch vụ mở tài khoản eKYC đã giúp tối ưu hóa hoạt động mở tài khoản của khách hàng cũng như cải tiến phương thức tiếp cận khách hàng một cách hiệu quả, đặc biệt trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay.
- **Triển khai và nâng cấp dịch vụ Thu - Chi hộ điện tử với các ngân hàng thương mại:** Ra mắt dịch vụ Chi hộ điện tử với Baovietbank. Đồng thời, Công ty đang tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn tất dịch vụ thu hộ điện tử với BIDV và Baovietbank.
- **Bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE:** BVSC ra mắt tính năng cho phép khách hàng bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE trên Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến B-Wise và triển khai mua chứng khoán lô lẻ HOSE định kỳ hàng tháng.
- **Phát triển sản phẩm tư vấn đầu tư mới dựa trên ứng dụng công nghệ:** sản phẩm BVS - Value - Ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán được quản lý bởi đội ngũ chuyên gia phân tích uy tín và giàu kinh nghiệm.

Triển khai chương trình Future Broker 2021 - nền tảng xây dựng thể hệ nhân sự mới

- **Chương trình Future Broker 2021** tiếp tục được triển khai tại cả hai khu vực Hà Nội và TP.HCM. Chương trình được thiết kế với 03 giai đoạn Đào tạo - Huấn luyện - Thực chiến cùng 24 chuyên đề dành cho đối tượng sinh viên sắp ra trường, hướng tới trở thành nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp. Thông qua chương trình này, BVSC hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ thể hệ nhân sự kế cận có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương III từ trang 92 đến trang 133 của Báo cáo này)

Hiệu quả hoạt động kinh tế (tiếp theo)



103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Đánh giá hàng tháng/ hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.

Các phòng/ ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo.



GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ



Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra: Tổng doanh thu:

1.147.192.901.767 VNĐ



Chi phí hoạt động: Tổng chi phí:

337.152.103.865 VNĐ



Lương và phúc lợi của nhân viên:

334.178.789.667 VNĐ



Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn:

166.344.812.879 VNĐ



Tổng số phải nộp cho chính phủ (Vui lòng cung cấp phân tích theo quốc gia trong phần giải thích dưới đây, nếu có):

244.799.714.402 VNĐ



Đầu tư cho cộng đồng:

2.565.909.832 VNĐ



Giá trị kinh tế chưa phân phối: 'Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra' trừ đi 'Giá trị kinh tế được phân bổ':

62.151.571.122 VNĐ

Trong năm 2021, Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra từ hoạt động kinh doanh tăng gần 2 lần so với năm 2020, được phân bổ cho các bên liên quan bao gồm người lao động, đối tác, nhà cung cấp, cộng đồng cũng như đóng góp vào ngân sách nhà nước...trong đó, giá trị kinh tế phân bổ có mức tăng trưởng cao với cùng kỳ 2020 chủ yếu vào nhóm đầu tư cho cộng đồng (gấp hơn 5 lần), nộp cho Chính phủ (gấp 3,3 lần) và người lao động (gấp 2,1 lần).

Giải thích, bao gồm phân tích các khoản phải nộp cho chính phủ theo quốc gia (nếu có)

BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2021, tổng nộp ngân sách nhà nước của BVSC đạt gần 245 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác), bằng 331% so với 2020.

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có



Giá trị ước tính:

30.626.291.450 VNĐ

Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Có quỹ riêng không? Không

Hiệu quả hoạt động kinh tế (tiếp theo)



GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế (tiếp theo)

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

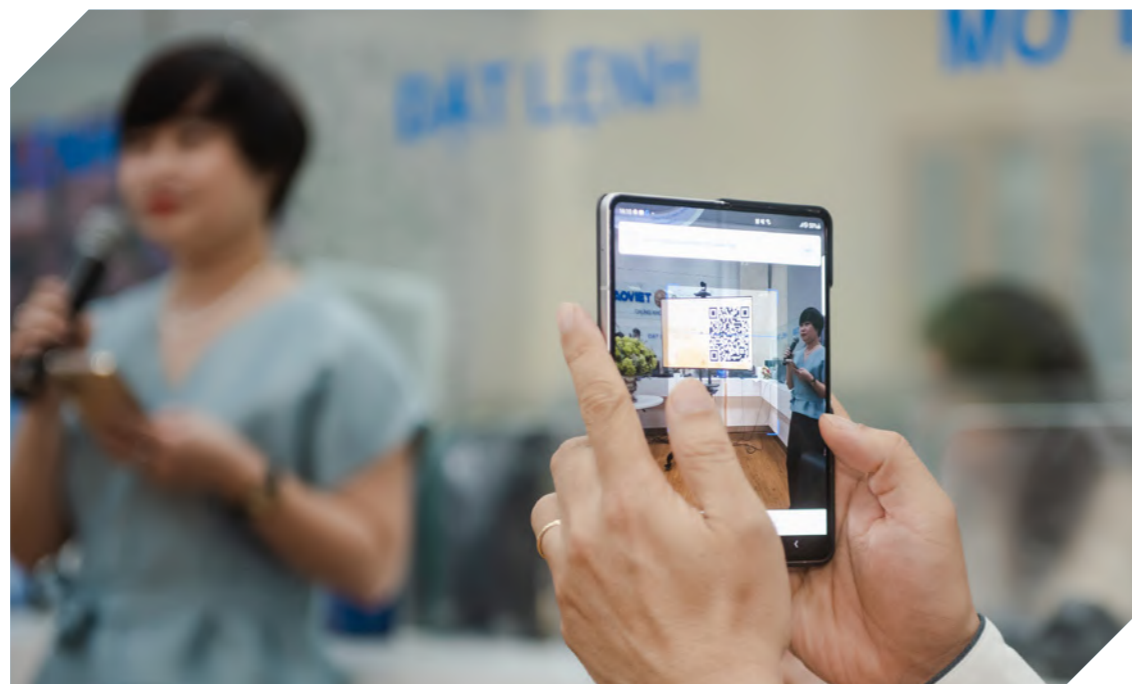
Người lao động đóng

10,5 %

Người sử dụng lao động đóng

21,5 %

Bên cạnh đó, Công ty duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt dành cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện Healthcare, bảo hiểm các bệnh ung thư K-care và bảo hiểm nhân thọ. Năm 2021, Công ty đã mua bổ sung thêm hợp đồng bảo hiểm nhân thọ "An phát cát tường" dành riêng cho đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp trung trở lên, nhằm tăng cường chế độ phúc lợi, gia tăng hơn nữa sự gắn kết của đội ngũ cán bộ quản lý với Công ty. Việc triển khai và duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt trong những năm qua đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xảy ra cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.



GRI 300 (Chủ đề môi trường)

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, đặc biệt là các hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng, nước, điện và vật liệu công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

Nguồn lực

Bộ phận hành chính - kế hoạch

Năng lượng - Nước - Điện - Vật liệu (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Tăng cường truyền thông nội bộ về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện phong trào “BVSC - Chung tay tiết kiệm” để từ những hành động nhỏ nhất, mỗi CBNV cùng nhau nâng cao ý thức tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí không cần thiết cho Công ty. Không những thế nhiều biện pháp cụ thể đã được Công ty thường xuyên áp dụng để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

Đối với Điện



Hệ thống điều hòa không khí

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng điều hòa bao gồm cục lạnh & cục nóng ngoài trời 6 tháng một lần để đảm bảo hiệu suất của máy.
- Thay mới 1 số điều hòa có dán nhãn tiết kiệm năng lượng của VNEEP.
- Duy trì nhiệt độ trên 26 độ C trong những ngày mùa hè, độ ẩm trung bình và luôn đảm bảo lưu thông không khí để hạn chế sự tồn tại của virus trong môi trường.
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30 hàng ngày.



Hệ thống chiếu sáng

- Tiếp tục duy trì sử dụng toàn bộ thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện: bóng compact tiết kiệm điện.
- Tại các phòng có lắp đặt các cửa sổ lớn, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên
- Tắt toàn bộ hệ thống điện sau 17h30 hàng ngày.
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều chỉnh chế độ tắt bật tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường)



Đối với Nước

Mặc dù Công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong Công ty.

- Công ty đã chủ động lắp đặt các bình uống nước chung tại phòng làm việc và phòng họp, khuyến khích các nhân viên sử dụng cốc cá nhân để uống nước giúp giảm thiểu các chai nhựa.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây; không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.



Đối với Giấy

- Tuyên truyền giảm in ấn, tái sử dụng giấy in 1 mặt cho các văn bản lưu hành nội bộ.
- Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian lưu trữ giấy.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Bộ phận hành chính/ kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện quản trị/ đánh giá của bộ phận hành chính/ kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Năng lượng - Nước - Điện - Vật liệu (tiếp theo)



GRI 302: Năng lượng

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Dưới tác động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Nhận thức được điều đó, nhiều năm liền Công ty duy trì các quy định tại Nội quy lao động của Công ty đồng thời đẩy mạnh truyền thông hơn nữa chương trình tiết kiệm năng lượng **"Tiết kiệm điện năng - Tăng thêm thu nhập"** và tiếp tục đẩy mạnh phong trào **"BVSC - Chung tay tiết kiệm"** trong nội bộ.



437.978 kwh

Tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn bộ Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch tăng 16% so với năm 2020

Điện và nước

Năm 2021, Công ty có khoảng thời gian làm việc online luân phiên theo chỉ thị giãn cách của Chính phủ do ảnh hưởng của đại dịch Covid, do làm việc từ xa qua kết nối mạng nội bộ, các máy móc, thiết bị đặc biệt là hầu hết máy tính cá nhân của cán bộ nhân viên tại công ty phải hoạt động 24/7 để duy trì kết nối nên tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn bộ Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch là 437.978 kwh, tăng 16% so với năm 2020

Ngoài ra, Công ty còn rất tích cực hưởng ứng các chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1450 gr

Tổng lượng giấy tiêu thụ cho cả 2 miền

Giấy

Nhờ việc áp dụng các chính sách trong chương trình "Chung tay tiết kiệm" mà việc tiết kiệm nguồn tài nguyên giấy trở nên rất có hiệu quả. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch đều đồng nhất chuyển đổi mô hình trao đổi công việc sang hình thức họp và trình chiếu trực tuyến, vừa đảm bảo tuân theo quy định về giãn cách xã hội của Chính phủ trong đại dịch, mà còn giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in. Năm 2021, tổng lượng giấy tiêu thụ là 1450gr giấy cho cả 2 miền.



GRI 305: Phát thải

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC... Theo đó, sự gia tăng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch của con người đang làm cho nồng độ khí CO₂ của khí quyển tăng lên. Nhận thức được điều đó, Công ty vẫn luôn thực hiện các giải pháp giúp kiểm soát tối đa lượng khí thải ra môi trường trên cả 3 phạm vi (Phát thải trực tiếp, gián tiếp và phát thải khác), như:

Đối với phương tiện vận chuyển

- BVSC luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty luôn tiến hành thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Đặc biệt, BVSC luôn khuyến khích, vận động các CBNV sử dụng phương tiện công cộng, giúp giảm thiểu lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng

- Công ty luôn lựa chọn những trang thiết bị hiện đại, thân thiện môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng theo đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.

Trong từng tòa nhà, tùy điều kiện cho phép khi bố trí mặt bằng, Công ty đều bố trí xen kẽ các không gian xanh để tạo không khí trong lành, giảm thiểu lượng CO₂ thải ra trong không khí. Ngoài ra, Công ty còn tham gia các hoạt động trồng cây, gây rừng được tổ chức hàng năm cùng Tập đoàn Bảo Việt giúp phủ xanh bề mặt trái đất.

Trong năm 2021, BVSC không có bất kỳ hành vi không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường nào.



Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước. Sự ghi nhận và minh chứng cho nỗ lực và cam kết của BVSC về định hướng phát triển bền vững trước những thách thức ngày một sâu rộng trên phạm vi toàn cầu.



GRI 400 (Chủ đề xã hội)

Việc làm



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng mang lại giá trị sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng của Công ty, tạo nên sự thành công và phát triển bền vững của BVSC.

Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

Nơi phát sinh tác động

Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt, có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lượng trên thị trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết; phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.

BVSC xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người giỏi và ổn định nhân sự công ty.

Mục đích của Phương pháp quản trị

Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút nhân sự giỏi trên thị trường thông qua các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp cho từng nhóm lao động.

Chính sách

Chính sách tuyển dụng

- Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.

Chính sách lương thưởng

- Lương của người lao động được xác định dựa trên tổng hợp đánh giá các tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố: năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, trách nhiệm, đồng thời xem xét các yếu tố bổ sung khác như mức độ khan hiếm của các vị trí, mức độ cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo doanh thu/ hiệu quả kinh doanh mang lại. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân theo phương pháp đánh giá mục tiêu.

Chính sách phúc lợi

- Công ty thực hiện trích quỹ phúc lợi từ nguồn LNST hàng năm theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên để triển khai các chương trình phúc lợi trong năm.
- Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động.
- Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, nghỉ ngày sinh nhật có hưởng lương, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác....

Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

Mục tiêu và chỉ tiêu

15 - 20 %

Trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm **85%**

100 %

Cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành.

Việc làm (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Trách nhiệm

| Bên liên quan | Trách nhiệm |
|---|--|
| Ban điều hành | Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động. |
| Bộ phận nhân sự | Trực tiếp thực hiện và/ hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động. |
| Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro | Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự. |
| Ban chấp hành công đoàn | Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động. |

Nguồn lực

| Nguồn lực | Nội dung |
|------------------------|--|
| Nguồn lực tài chính | Chi phí tuyển dụng: 544 triệu đồng. Chi phí chi trả lương thưởng cho người lao động: 291 tỷ đồng. Chi phí phúc lợi cho người lao động: 43.4 tỷ đồng. |
| Nguồn lực về con người | Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động. |
| Nguồn lực về công nghệ | Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động. |
| Nguồn lực khác | Uy tín và thương hiệu của Công ty, cũng như của Tập đoàn Bảo Việt đã giúp cho việc nâng cao thương hiệu của nhà tuyển dụng. |

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Đối với công tác tuyển dụng



- Trong năm 2021, Công ty tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ môi giới, phù hợp với định hướng kinh doanh đẩy mạnh mảng môi giới của Công ty, với tỷ trọng chiếm đến 88,10%. Bên cạnh việc tìm kiếm tuyển dụng đội ngũ môi giới có kinh nghiệm trên thị trường, năm 2021, Công ty tiếp tục triển khai 02 khóa của chương trình Future Broker tại Hà Nội và TP. HCM dành cho các bạn sinh viên sắp ra trường vào học việc tại BVSC để trở thành môi giới chuyên nghiệp sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Đây là một chương trình kết hợp giữa tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa có chất lượng tốt trong tương lai.
- Công ty liên tục đa dạng các kênh tuyển dụng để có thể tìm kiếm được nhiều ứng viên có chất lượng cho các vị trí cần tuyển dụng như kết nối với các Hiệp hội chứng chỉ nghề nghiệp, các diễn đàn, các nhóm tuyển dụng trên mạng xã hội ... và các đơn vị giới thiệu nhân tài và đồng thời đa dạng kênh phỏng vấn bao gồm cả trực tiếp hoặc trực tuyến nhằm đảm bảo linh hoạt trong điều kiện giãn cách xã hội cũng như tiết kiệm thời gian và tăng tính chủ động của ứng viên.

Đối với chính sách trả lương, thưởng & phúc lợi



- Năm 2021, Công ty thực hiện trả lương hàng tháng đầy đủ cho người lao động theo mức lương thỏa thuận; lương tháng thứ 13; thưởng hiệu quả làm việc. Đối với khối kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo các chính sách thưởng kinh doanh đã ban hành. Các chính sách thưởng kinh doanh được thường xuyên rà soát điều chỉnh để phù hợp với xu hướng và đảm bảo cạnh tranh với thị trường, đồng thời ban hành kịp thời các chính sách thưởng kinh doanh đối với các sản phẩm mới của Công ty. Đối với khối hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ. Năm 2021, công ty đã ban hành bổ sung chính sách thưởng khuyến nghị đầu tư đối với cán bộ phân tích nhằm nâng cao chất lượng tư vấn khuyến nghị đầu tư cho khách hàng.
- Đối với chính sách phúc lợi, năm 2021, Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của nhà nước, tái tục 03 chương trình bảo hiểm bổ sung dành cho người lao động bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ. Bên cạnh đó, năm 2021 vừa qua, Công ty đã tiến hành mua bổ sung thêm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty nhằm gia tăng phúc lợi, giữ chân nhân sự và tri ân những đóng góp của họ đến sự phát triển của Công ty. Tổng chi phí của các loại bảo hiểm dành cho người lao động của BVSC năm 2021 lên đến hơn 30 tỷ đồng. Công ty cũng đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện có chất lượng dịch vụ tốt tại Hà Nội và TP.HCM, trong đó có bổ sung thêm danh mục khám tầm soát một số bệnh ung thư. Năm 2021, Công ty đã bổ sung chế độ nghỉ ngày sinh nhật My Birthday – My Choice; theo đó, cán bộ có thể lựa chọn nghỉ 01 ngày bất kỳ trong tháng sinh nhật của mình mà vẫn được hưởng nguyên lương. Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện chi các khoản phúc lợi bằng tiền cho người lao động trong các dịp đặc biệt, cũng như triển khai các chế độ phúc lợi khác như nghỉ phép, chế độ công tác,...

(Chi tiết tham khảo tại Chương III từ trang 92 đến 133 của Báo cáo này)

Việc làm (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Hàng năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.



BVSC tham gia tài trợ "Tuần Lễ Nghề Nghiệp 2021" tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân



GRI 403: Việc làm

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

| | Tuyển mới | | | | | | Tỷ lệ | | | | | |
|---------------------|------------|-------|------|---------|-------|------|---------------|-------|------|---------|-------|------|
| | Nam giới | | | Nữ giới | | | Nam giới | | | Nữ giới | | |
| | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 |
| Hà Nội | 18 | 15 | | 22 | 10 | | 2,65% | 2,21% | | 3,24% | 1,47% | |
| Hồ Chí Minh | 9 | 17 | | 16 | 19 | | 1,33% | 2,50% | | 2,36% | 2,80% | |
| Tổng theo độ tuổi | 27 | 32 | | 38 | 29 | | 3,98% | 4,71% | | 5,60% | 4,27% | |
| Tổng theo giới tính | 59 | | | 67 | | | 8,69% | | | 9,87% | | |
| Tổng cộng | 126 | | | | | | 18,56% | | | | | |

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

| | Nghỉ việc | | | | | | Tỷ lệ | | | | | |
|---------------------|-----------|-------|------|---------|-------|------|--------------|-------|------|---------|-------|-------|
| | Nam giới | | | Nữ giới | | | Nam giới | | | Nữ giới | | |
| | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 | < 30 | 30-50 | > 50 |
| Hà Nội | 14 | 9 | | 15 | 13 | | 2,06% | 1,33% | | 2,21% | 1,91% | |
| Hồ Chí Minh | 1 | 3 | | 2 | 3 | 1 | 0,15% | 0,44% | | 0,29% | 0,44% | 0,15% |
| Tổng theo độ tuổi | 15 | 12 | 0 | 17 | 16 | 1 | 2,21% | 1,77% | | 2,50% | 2,36% | 0,15% |
| Tổng theo giới tính | 27 | | | 34 | | | 3,98% | | | 5,01% | | |
| Tổng cộng | 61 | | | | | | 8,98% | | | | | |



Năm 2021, BVSC tiếp tục mở rộng phát triển nhân sự với tổng số lượng tuyển mới là 126 người, trong đó chủ yếu tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng hơn 88%. Tỷ lệ tuyển dụng đạt ở mức cao 18,56%. Tuy nhiên, việc tuyển dụng này là phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty và hướng tới đồng thời 2 đối tượng bao gồm:

- 1) tuyển dụng đội ngũ nhân sự trẻ để đào tạo và xây dựng đội ngũ kế thừa hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai;
- 2) tuyển dụng đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trên thị trường. Do đó, qua số liệu thống kê có thể thấy, lao động tuyển mới tập trung vào cả 2 độ tuổi dưới 30 tuổi và từ 30 - 50 tuổi đồng thời khá cân bằng theo giới tính.

Lao động nghỉ việc cũng tập trung chủ yếu ở đội ngũ môi giới do đặc thù tính chất công việc nên thường xuyên có sự dịch chuyển. Tuy nhiên, với chính sách chi trả thu nhập dành cho đội ngũ môi giới có sự đa dạng và cạnh tranh trên thị trường, do đó, tỷ lệ thôi việc trong năm 2021 là 8,98%, giảm 33% so với tỷ lệ năm 2020.

Việc làm (tiếp theo)



401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

| | Hà Nội | TP. Hồ Chí Minh |
|---------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Bảo hiểm nhân thọ | ✓ | ✓ |
| Chăm sóc sức khỏe | ✓ | ✓ |
| Bảo hiểm các bệnh ung thư | ✓ | ✓ |
| Nghỉ thai sản | ✓ | ✓ |
| Trợ cấp hưu trí | ✓ | ✓ |
| Quyền sở hữu cổ phiếu | | |
| Các phúc lợi khác | ✓ | ✓ |
| Giải thích các phần khác | Các khoản phúc lợi chi bằng tiền | Các khoản phúc lợi chi bằng tiền |

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.

401-3 Nghỉ thai sản

| | Nam giới | Nữ giới |
|---|----------|---------|
| Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản | 130 | 139 |
| Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản | 9 | 11 |
| Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản. | 9 | 6 |
| Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc | 9 | 6 |

100 %

Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản.

100 %

Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản.

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề quan trọng không chỉ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động mà còn đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả công việc, giúp người lao động an tâm công tác.

Chính sách phúc lợi tập trung vào vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút nhân sự trên thị trường lao động cũng như gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

Nơi phát sinh tác động

Các chương trình bảo hiểm cho người lao động: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ được công ty trang bị cho người lao động bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của nhà nước.

Chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm của Công ty.

Chương trình "BVSC – Môi trường làm việc an toàn, hạnh phúc"

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty.

| BHXH, BHYT, BHTN | Bảo hiểm sức khỏe toàn diện | Bảo hiểm nhân thọ | Bảo hiểm các bệnh ung thư |
|------------------|-----------------------------|-------------------|---------------------------|
| | | | |



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Mục đích của phương pháp quản trị

Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng.

Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty.

Chính sách

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.

Chính sách bảo hiểm bổ sung khác

- Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Pháp luật. Năm 2021 vừa qua, Công ty đã mua bổ sung sản phẩm bảo hiểm dành cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty nhằm gia tăng phúc lợi, giữ chân nhân sự và tri ân những đóng góp của họ đến sự phát triển của Công ty.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ

- Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/ Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Triển khai chương trình BVSC – Môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc

- Năm 2021, Công ty đã tổ chức triển khai chương trình BVSC – Môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc với tổng kinh phí 3 tỷ đồng, trong đó có một phần được quyền góp từ toàn thể cán bộ người lao động với số tiền 226,7 triệu đồng, phần còn lại được Công ty chi trả. Các hoạt động của chương trình chủ yếu tập trung triển khai công tác phòng chống dịch tại BVSC; hỗ trợ hợp tác ủng hộ Quỹ phòng chống dịch của Chính phủ cũng như các đơn vị tuyến đầu như bệnh viện, sở y tế, trung tâm y tế... tại địa phương; và triển khai tiêm vaccine phòng Covid -19 cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động.

Các văn bản ban hành chính thức bao gồm

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành.
- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo Quyết định số: 61/2016/QĐ - BVSC ngày 27/05/2016 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm nhân thọ: Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số: 161/2015/QĐ - BVSC ngày 31/12/2015 của Tổng Giám đốc Công ty và Quy định về chính sách bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ quản lý tại Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 51A/2021/QĐ-BVSC ngày 20/07/2021 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm các bệnh ung thư: Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại Tờ trình ngày 17/08/2017.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ: Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động.
- Quy định về phòng tránh dịch viêm đường hô hấp cấp do virus Corona: ban hành kèm theo QĐ số 17/2020/QĐ-BVSC ngày 07/02/2020 và QĐ số 36/2020/QĐ-BVSC ngày 06/04/2020.
- Công văn số 614/2021/BVSC-BCĐ v/v tăng cường công tác phòng chống dịch Covid 19 ngày 26/07/2021;
- Phương án hoạt động kinh doanh đảm bảo yêu cầu và quy định phòng chống dịch Covid-19 ban hành ngày 09/08/2021
- Quy định về việc chi trả lương làm việc tại nhà trong giai đoạn giãn cách xã hội: ban hành kèm theo QĐ số 06/2022/QĐ-BVSC ngày 23/02/2022.
- Nghị quyết số 13/2021/NQ- HĐQT của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt triển khai Chương trình "BVSC – Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc"

Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm.
- 100% cán bộ được tham gia tiêm vaccine phòng Covid -19.

100 %

Tỷ lệ cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Trách nhiệm

| Bên liên quan | Trách nhiệm |
|--------------------------|--|
| Ban điều hành | Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động, phê duyệt ban hành quy định về phòng chống dịch Covid. |
| Bộ phận nhân sự | Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai. Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động Thực hiện triển khai chế độ làm việc từ xa trong giai đoạn giãn cách xã hội và triển khai các công việc có liên quan đến bảo vệ người lao động trong giai đoạn dịch Covid – 19. |
| Ban chấp hành công đoàn. | Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Phối hợp với bộ phận Nhân sự triển khai các chương trình hành động, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid. |
| Bộ phận truyền thông. | Chịu trách nhiệm tuyên truyền thường xuyên nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid. |

Nguồn lực

| Nguồn lực | Nội dung |
|------------------------|--|
| Nguồn lực tài chính | Chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Chi phí mua bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ. Chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Chi phí thiết bị, vật tư và thuốc men phục vụ công tác phòng dịch Covid |
| Nguồn lực về con người | Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự, đội ngũ cán bộ truyền thông & cán bộ công đoàn, đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm cho người lao động |

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Năm 2021, Công ty thực hiện tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước, mọi quyền lợi liên quan đến chế độ bảo hiểm của người lao động được đảm bảo thanh toán đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tái tục các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ dành cho người lao động theo chính sách đã ban hành. Năm 2021, Công ty đã thực hiện triển khai mua bổ sung 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ “An Phát Cát tường” dành cho đội ngũ cán bộ chủ chốt nhằm gia tăng phúc lợi, giữ chân nhân sự và tri ân những đóng góp của họ đến sự phát triển của Công ty.

Trong năm, công ty đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô (Hà Nội) và tại Phòng khám Careplus (TP. HCM), nơi

đáp ứng tốt các điều kiện về khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế cũng như chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, Công ty còn bổ sung thêm danh mục khám sức khỏe một số xét nghiệm tầm soát bệnh ung thư phổ biến nhằm gia tăng thêm quyền lợi của người lao động.

Trong năm 2021, trước diễn biến của đại dịch Covid -19 rất phức tạp, đặc biệt tại TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã đẩy mạnh triển khai các biện pháp phòng chống dịch như tuân thủ việc khai báo y tế hàng ngày, hạn chế tối đa việc tụ tập đông người tại nơi làm việc, các cuộc họp được chuyển sang hình thức họp trực tuyến, tổ chức triển khai làm việc tại nhà trong giai đoạn giãn cách xã hội, trang bị các thiết bị, vật dụng cho công tác phòng chống dịch tại văn phòng... Đặc biệt, năm 2021, Công ty đã triển khai chương trình BVSC – Môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc nhằm đồng hành cùng với người lao động vượt qua nguy hiểm của đại dịch Covid – 19. Bên cạnh các hoạt động ủng hộ bằng hiện kim và hiện vật cho Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 của Chính phủ, cho các Quỹ phòng chống Covid-19 của các địa phương và đơn vị lực lượng tuyến đầu phòng chống dịch, Công ty đã nhanh chóng triển khai tiêm phòng vắc -xin cho người lao động công ty từ rất sớm. 100% cán bộ BVSC đã hoàn tất tiêm đủ 2 mũi cơ bản vào khoảng tháng 9/2021 và 75% đã tiêm mũi thứ 3 tăng cường tính đến cuối năm 2021.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, tham khảo báo cáo khảo sát về phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, BVSC đang áp dụng nhiều chính sách về bảo hiểm ưu việt và thiết thực cho người lao động. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.



GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

403-1 Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định. Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.

Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid - 19 cũng đã nhanh chóng được thành lập ngay khi dịch Covid - 19 bùng phát tại Việt Nam. Các thành viên của Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid -19 là các cán bộ chủ chốt làm việc tại tất cả các phòng ban, nắm vững các quy định liên quan đến phòng chống dịch của nhà nước, các hướng dẫn của Bộ y tế và quy trình triển khai thực hiện tại phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn dịch Covid - 19 để kịp thời có những hướng dẫn tới cán bộ trong phòng ban khi có phát sinh những tình huống dịch bệnh xảy ra.

100 %

Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động



403-4 Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm:

- Thỏa ước lao động tập thể.
- Các văn bản quy định/ hướng dẫn vệ sinh tại nơi làm việc.
- Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư.
- Các văn bản quy định hướng dẫn liên quan đến công tác phòng chống dịch Covid - 19 và các chế độ cho người lao động áp dụng trên phạm vi toàn Công ty.

Do các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

Giáo dục và Đào tạo



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp cán bộ cập nhật thường xuyên các kiến thức mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao kỹ năng và phát triển bản thân.

Ban Lãnh đạo của Công ty rất quan tâm, coi trọng và đánh giá cao những nhân sự thường xuyên cập nhật kiến thức, có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ của bản thân.

Nơi phát sinh tác động

Các chương trình, chính sách đào tạo của Công ty bao gồm:

- Đào tạo định hướng: Giúp cán bộ có thể sớm hòa nhập với môi trường làm việc mới, văn hóa công ty khi được tuyển dụng mới.
- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Giúp cán bộ được cập nhật thường xuyên các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ để thực hiện tốt các công việc đang đảm nhiệm; Giúp cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát triển bản thân.
- Đào tạo kỹ năng: Giúp cán bộ nâng cao kỹ năng của bản thân, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mục đích của phương pháp quản trị

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, quy định pháp luật.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty.



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Chính sách

Chương trình đào tạo định hướng

- Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai.

Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ

- Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:
 - Đối với khối môi giới: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đào tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới; Chương trình Future Broker thiết kế dành riêng để tuyển dụng và đào tạo các bạn sinh viên sắp ra trường nhằm xây dựng thể hệ nhân sự môi giới mới có chất lượng tốt.
 - Đối với khối hỗ trợ và quản lý: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.

Chương trình đào tạo kỹ năng

- Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc, kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành.

Mục tiêu và chỉ tiêu

15 – 20 giờ/năm

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh.

12 – 15 giờ/năm

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ.

Trách nhiệm

| Bên liên quan | Trách nhiệm |
|--------------------------|---|
| Ban điều hành | Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo. |
| Bộ phận nhân sự | Chịu trách nhiệm thực hiện/ phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch. Là đầu mối thực hiện để xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có). Trực tiếp xây dựng/ phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo. |
| Phòng ban nghiệp vụ. | Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/ hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ. |
| Phòng Quản lý giao dịch. | Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ liên quan đến nghiệp vụ môi giới chứng khoán. |

Nguồn lực

| Nguồn lực | Nội dung |
|------------------------|--|
| Nguồn lực tài chính | Chi phí đào tạo năm 2021: 2 tỷ đồng. |
| Nguồn lực về con người | Số lượng giảng viên nội bộ: 10 người. Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 08 người. |
| Nguồn lực về công nghệ | Đào tạo từ xa thông qua hệ thống trực tuyến kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến elearn. Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự. |

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Đổi mới cách thức đào tạo nội bộ: Năm 2021, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ thông qua hình thức đào tạo trực tuyến trên cổng đào tạo elearn.baoviet.vn, tập trung chủ yếu các chương trình đào tạo quy trình, nghiệp vụ đối với khối môi giới. Việc triển khai các khóa đào tạo nội bộ trên hệ thống elearn giúp cán bộ có thể chủ động bố trí thời gian tham gia phù hợp và hiệu quả, giảng viên cũng dễ dàng kiểm soát thời lượng tham gia đào tạo của học viên mang lại hiệu quả tích cực trong công tác đào tạo nội bộ này. Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thành công với 02 khóa đào tạo của Chương trình Future Broker tại Hà Nội và Tp. HCM. Do ảnh hưởng của dịch Covid -19 nên nhiều chuyên đề trong chương trình đã phải chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến. Để đảm bảo truyền đạt đầy đủ, hiệu quả các nội dung đào tạo của chương trình cũng như tạo sự kết nối giữa các học viên, các giảng viên cũng đã nghiên cứu thay đổi cách dẫn giảng,

Giáo dục và Đào tạo (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến (tiếp theo)

xây dựng đa dạng nhiều hoạt động để chất lượng của chương trình không bị ảnh hưởng khi chuyển sang hình thức trực tuyến.

- Nội dung đào tạo thường xuyên được cập nhật: Đối với các chương trình đào tạo nội bộ, các giảng viên nội bộ cũng thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy trình thay đổi để kịp thời chỉnh sửa nội dung bài giảng cho phù hợp, đồng thời thay đổi hình thức bài giảng mới để bài giảng được ngày càng phong phú và thu hút sự chú ý của học viên hơn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của Pháp luật, của các cơ quan quản lý và các xu hướng, kiến thức mới trên thị trường để củng cố các khung chương trình đào tạo cho các vị trí khác trong Công ty.
- Ngoài ra, Công ty thường xuyên rà soát, theo dõi về việc tham gia các chương trình đào tạo của người lao động để từ đó có những biện pháp tích cực giúp người lao động nâng cao ý thức học tập và phát triển bản thân.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearn để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Theo kết quả đánh giá việc chủ động tham gia các khóa đào tạo và kết quả kiểm tra cuối khóa, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên đạt yêu cầu công việc và có sự cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

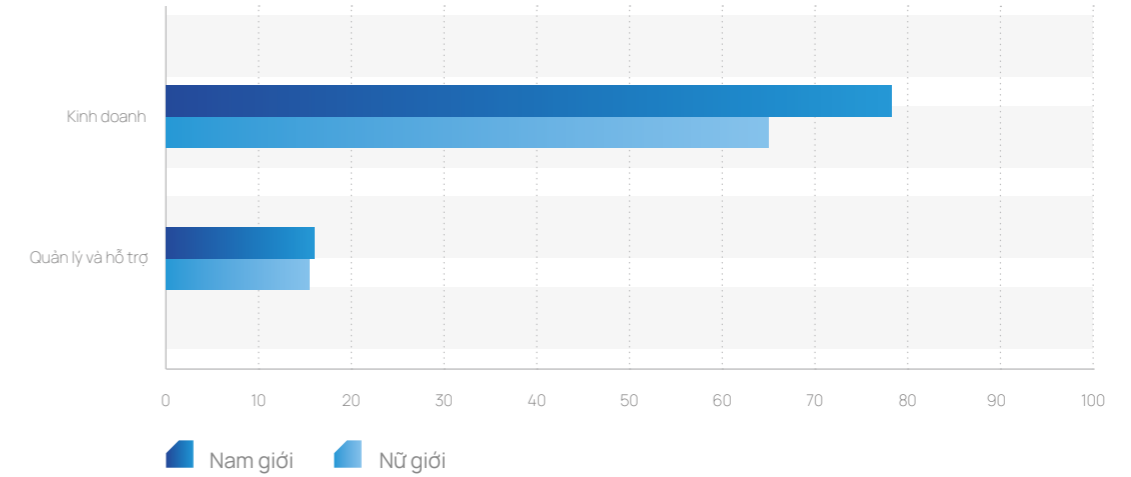
Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.



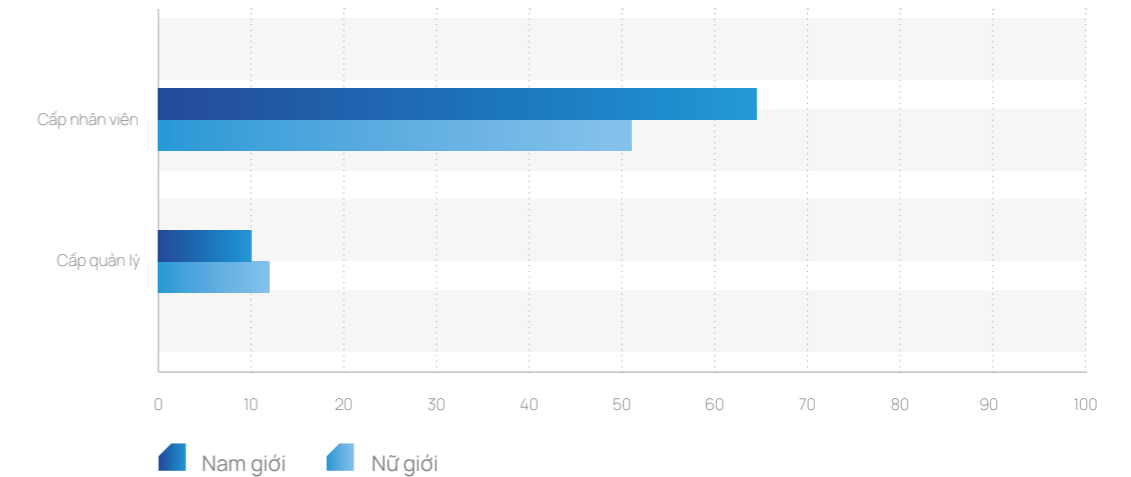
GRI 404: Giáo dục và đào tạo

404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên



Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên



Năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ dành cho cán bộ khối kinh doanh thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến elearn; các khóa đào tạo nghiệp vụ môi giới, đào tạo hướng dẫn các quy định, quy trình mới ban hành, đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới được diễn ra thường xuyên. Đồng thời, Công ty cũng đã triển khai 02 khóa của Chương trình Future Broker 2021 tại Hà Nội và TP. HCM. Do vậy, số lượng giờ đào tạo đối với cán bộ khối kinh doanh đã có sự tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, mặc dù ảnh hưởng bởi đại dịch Covid, công ty vẫn tiếp tục tăng cường phối hợp với các tổ chức đào tạo triển khai các khóa đào tạo nghiệp vụ cho các phòng ban hỗ trợ và quản lý thông qua hình thức học trực tuyến giúp nâng cao trình độ của người lao động. Tổng số giờ đào tạo trong năm 2021 là 15.613 giờ, tăng 36,22% so với năm 2020, trong đó có 11.190 giờ đào tạo nội bộ và on job training.

Giáo dục và Đào tạo (tiếp theo)



GRI 404: Giáo dục và đào tạo (tiếp theo)

404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới

- Đối với lao động mới tuyển, chưa có kinh nghiệm: Đào tạo thông qua Chương trình Future Broker gồm 24 chuyên đề đào tạo trong 8 tuần, tuân thủ mô hình khung năng lực ASK (Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ) kết hợp với hoạt động huấn luyện kèm cặp qua công việc. Năm 2021, Công ty đã triển khai thành công 02 khóa đào tạo của chương trình Future Broker tại Hà Nội và TP. HCM, tuyển dụng được 14 môi giới có chất lượng kỹ hợp đồng chính thức với Công ty.
- Đối với lao động đang làm việc: Thực hiện các chuyên đề đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới, các quy trình, quy định mới ban hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống mới ... Trong năm 2021, Công ty đã triển khai đào tạo các chương trình đào tạo về sản phẩm chứng chỉ quỹ mở, phân phối trái phiếu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm dịch vụ mới eKYC, sản phẩm ủy thác đầu tư BVS Value

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác

- Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cũng như hỗ trợ chi phí để cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của mình như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM...
- Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc của từng vị trí cụ thể như khóa đào tạo phát hiện gian lận báo cáo tài chính; phân tích mô hình định giá cổ phiếu, doanh nghiệp, bất động sản và ngân hàng; khóa đào tạo quản trị hệ thống mạng, phát triển ứng dụng phần mềm; khóa đào tạo các kỹ năng về thiết kế; khóa đào tạo nghiệp vụ luật sư....
- Đối với cấp quản lý: Công ty cử cán bộ tham gia các buổi hội thảo, huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, các chương trình đào tạo dành cho cấp quản lý như giám đốc nhân sự, đào tạo về quản trị hiệu suất và công nhận nhân tài, chuyển hóa lương và chế độ phúc lợi trong hiện thực mới...

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả qua công việc và phát triển nghề nghiệp

| Phân loại nhân viên | % Nam giới | % Nữ giới |
|---------------------|------------|-----------|
| Cấp nhân viên | 98,46 | 99,28 |
| Cấp quản lý | 100 | 100 |

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản Pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.

Tại BVSC, cán bộ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và phát huy năng lực của mình cho sự phát triển chung của toàn Công ty.

Nơi phát sinh tác động

- Tỷ lệ lao động nữ giới và nam giới hiện nay trong Công ty.
- Tỷ lệ lao động nữ giữ vị trí quản lý từ cấp trung trở lên so với nam giới.
- Các chính sách nhân sự giữa lao động nữ và lao động nam.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Bình đẳng giới tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.

Việc đảm bảo sự đa dạng và cơ hội bình đẳng trong doanh nghiệp sẽ giúp cho tất cả người lao động có thể phát huy năng lực của bản thân, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Chính sách

- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách tuyển dụng nhân sự.
- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong việc phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.
- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động.

Cam kết

Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách về bình đẳng giới nhưng quan điểm về bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.

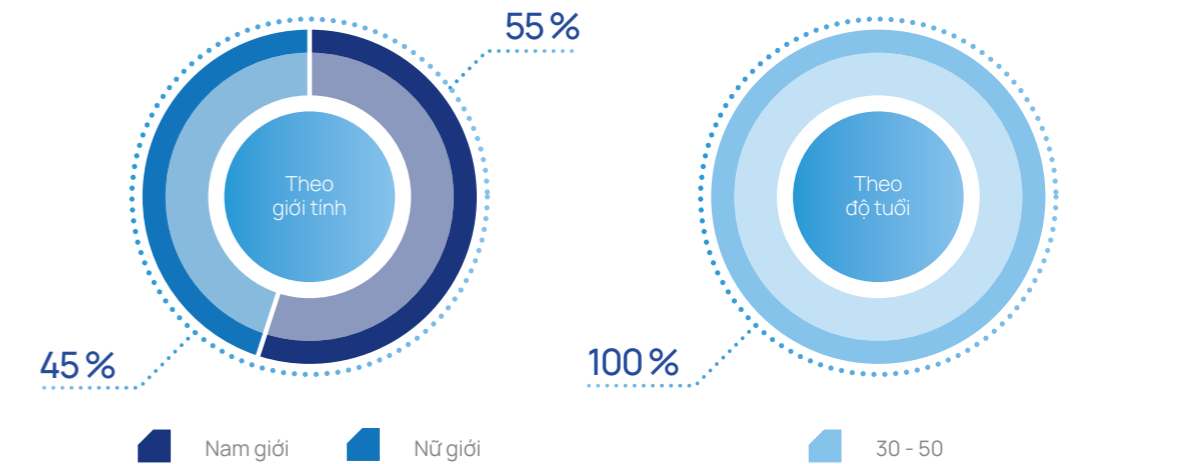
Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này.

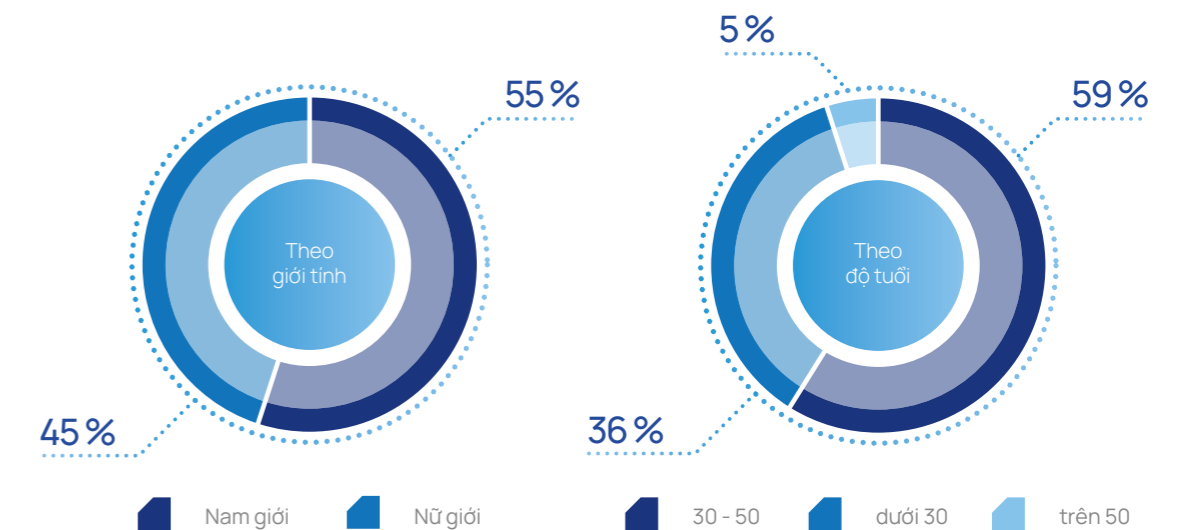


GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên



Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức



Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên

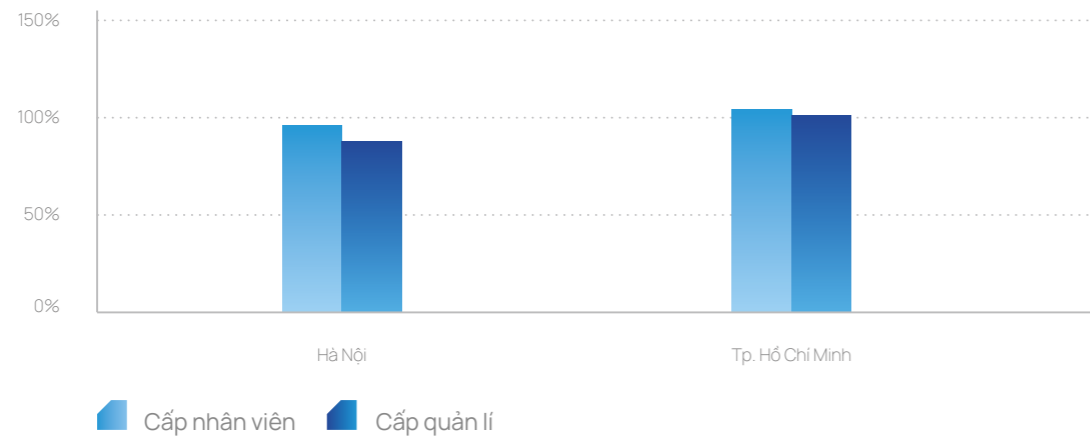
Số lượng cán bộ là dân tộc thiểu số: 05 người.

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (tiếp theo)



GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (tiếp theo)

405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới



Năm 2021, số lượng cán bộ quản lý (bao gồm các cán bộ có chức danh từ Phó Trưởng Phòng trở lên) là 40 người với 100% cán bộ có độ tuổi từ 30 – 50 tuổi, trong đó số lượng cán bộ quản lý nữ là 45%. Điều này giúp Công ty phát huy được những lợi thế về kiến thức và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý. Đối với đội ngũ nhân viên, cơ cấu nhân sự có sự đa dạng về độ tuổi giúp BVSC phát huy được những lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm lẫn động lực sáng tạo của người lao động ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Ngoài ra, BVSC còn có sự đa dạng về dân tộc (BVSC có 05 cán bộ là dân tộc thiểu số).

Bình đẳng giới được phản ánh rõ nét trong cơ cấu lao động tại BVSC cả ở cấp quản lý lẫn nhân viên với tỷ lệ nam nữ khá tương đồng. Về phần thu nhập, BVSC không có sự phân biệt về chính sách chi trả thu nhập giữa phụ nữ và nam giới. Theo số liệu có thể thấy tại Hà Nội tỷ lệ thu nhập của phụ nữ so với nam giới có thấp hơn nhưng tại TP. Hồ Chí Minh lại cao hơn, tuy nhiên mức chênh lệch tỷ lệ thu nhập này là không đáng kể, chủ yếu là do ảnh hưởng bởi thu nhập của đội ngũ môi giới được chi trả dựa theo doanh thu tạo ra.

An sinh xã hội



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề



Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cho cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, vấn đề an sinh xã hội luôn thể hiện tính nhân văn, đảm bảo sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng đối với các hoàn cảnh khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, đồng lòng hỗ trợ để cùng phát triển, tạo nên tác dụng thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng xã hội. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội.

Nơi phát sinh tác động

Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

- Đầu tư vào thế hệ tương lai.
- Tri ân gia đình có công với cách mạng.
- Xóa đói giảm nghèo, khắc phục, thiên tai dịch bệnh và hỗ trợ y tế

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

An sinh xã hội (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

Các chương trình an sinh xã hội

Năm 2021, đại dịch Covid tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp với nhiều đợt giãn cách kéo dài, BVSC đã khẩn trương lên kế hoạch thay đổi các hình thức hỗ trợ an sinh xã hội phù hợp để đảm bảo các hoạt động vẫn được diễn ra một cách an toàn và thuận lợi. Các chương trình an sinh xã hội tại BVSC được thực hiện có trọng tâm gắn với những mục tiêu rõ ràng, bao gồm các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, tri ân các anh hùng liệt sỹ.



BVSC trao tặng 70 suất quà Tết cho các em có hoàn cảnh khó khăn

Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ



Trẻ em là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được việc đó, tại BVSC chúng tôi đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho "mầm xanh" tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia. Trong những năm qua, BVSC luôn dành ưu tiên ngân sách cho các hoạt động phát triển giáo dục tài trợ các dụng cụ học tập cho các địa bàn vùng sâu vùng xa, trao quà và học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn.

Năm 2021, BVSC phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Quảng Bình, Ban thư ký Hội LHTN Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình và một số đơn vị khác tổ chức Chương trình "Xuân biên giới - Tết vùng cao" nhân dịp đón Tết Tân Sửu năm 2021. Đây là một trong những hoạt động hướng về đồng bào, học sinh vùng dân tộc, biên giới, vùng sâu vùng xa tại tỉnh Quảng Bình. Đồng hành cùng Chương trình, BVSC trao tặng 70 suất quà Tết cho các hộ gia đình và các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Bản Cà Xen, xã Thanh Hóa trị giá 50 triệu đồng từ quỹ "Mang hơi ấm tới vùng cao" của BVSC.



Cùng BVSC chia sẻ trái ngọt giữa tâm dịch 2021

An sinh xã hội (tiếp theo)

Các chương trình an sinh xã hội (tiếp theo)

Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng



Truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” không chỉ là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà còn là một hoạt động thường niên được BVSC rất coi trọng. Nhân kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Công ty đã gửi lời thăm hỏi cùng nhiều quà tặng tri ân đến gia đình CBNV để tỏ lòng biết ơn đối với những con người đã hi sinh cả cuộc đời mình cho hòa bình dân tộc.

Ngoài ra, BVSC đã thực hiện trao tặng các set khẩu trang kháng khuẩn cho Sư đoàn 7 – Quân khu 4 giúp các chiến sĩ an tâm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nhân dân.



Đầu tư xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế



“

Trước sự lây lan nhanh chóng của dịch bệnh, nhằm chung tay với Chính phủ kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong Công ty, BVSC triển khai chương trình “BVSC - Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc”. Chương trình bao gồm chiến dịch phát động cán bộ nhân viên Công ty ủng hộ Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 của Chính phủ & triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccine cho người lao động cũng như các hoạt động hợp tác hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa phương. Tính đến cuối chương trình, BVSC đã phát động và ủng hộ số tiền lên tới gần 3 tỷ đồng và tỉ lệ bao phủ mũi thứ 3 vaccine Covid-19 đến người lao động lên trên 75%.



Ủng hộ quỹ vắc-xin Covid-19 của Chính Phủ và Quỹ phòng chống Covid 19 cho UBMTTQ TPHCM

Đồng hành cùng cả nước trong công cuộc phòng chống dịch và hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, sau lễ phát động đóng góp Quỹ Vaccine phòng Covid-19, BVSC đã thực hiện ủng hộ 500.000.000đ cho Quỹ vắc-xin Covid-19 của Chính Phủ và 300.000.000đ cho Quỹ phòng chống Covid 19 của UBMTTQ TPHCM. Đây là tấm lòng và sự chia sẻ trách nhiệm của CBCNV Công ty với cộng đồng để chung tay sớm đẩy lùi dịch bệnh.



Trao tặng 05 máy thở oxy lưu lượng cao cho Bệnh viện dã chiến 13 Thành phố Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 diễn biến phức tạp, khó lường tại các tỉnh phía nam, hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ toàn dân đồng lòng, chung sức tham gia chống dịch Covid-19, BVSC trao tặng 5 máy thở oxy lưu lượng cao cho Bệnh viện dã chiến 13 tại TP Hồ Chí Minh do Bệnh viện Việt Đức phụ trách với giá trị 309 triệu đồng. Với việc tài trợ máy thở này, BVSC mong muốn chung tay cùng đội ngũ y tế và chia sẻ khó khăn của các bệnh nhân đang ngày đêm vật lộn với dịch bệnh Covid-19 phức tạp tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

An sinh xã hội (tiếp theo)

Đầu tư xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế (tiếp theo)



Tài trợ hiện kim + hiện vật ủng hộ cho đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đồng hành cùng các y, bác sĩ, lực lượng tuyến đầu chống dịch Covid-19, đồng thời chung tay san sẻ những khó khăn mà lực lượng y tế gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo ngăn ngừa dịch bệnh cho cộng đồng. BVSC đã tài trợ và đóng góp cho những đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Bệnh viện Phổi TW 500.000.000đ và mua test xét nghiệm virus SARS-CoV2 bằng phương pháp Realtime PCR trị giá 90.000.000 đ
- Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Bệnh viện Bạch Mai: 300.000.000 đ
- Ủng hộ mua trang phục và khẩu trang phòng chống dịch Covid-19 cho UBND Quận Hoàn Kiếm: 192.500.000đ
- Trao tặng 500 kit xét nghiệm nhanh virus SARS-CoV-2 trị giá 34.500.000đ cho các chiến sỹ Công an quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Tài trợ quần áo phòng hộ chống dịch (cấp II + III) cho TTYT Q. Cầu Giấy: 141.440.000 đ
- Ủng hộ TTYT Q. Hai Bà Trưng phòng chống Covid-19: 100.000.000đ



Chi nhánh BVSC với chương trình từ thiện “San sẻ yêu thương - Xuân đầm ấm 2021” tại tỉnh Sóc Trăng

Sóc Trăng là 1 trong 7 tỉnh dễ bị tác động nhất bởi biến đổi khí hậu, nên bên cạnh những ảnh hưởng từ hạn hán, xâm nhập mặn, còn thường xuyên phải gánh chịu những ảnh hưởng trực tiếp đối với các tình huống thiên tai khác nhau như sạt lở bờ sông hay đê biển. Cũng chính vì bất lợi này, liên tục trong 4 năm qua, BVSC đã tiến hành thăm hỏi, động viên và gửi tặng những phần quà thắm đượm tình cảm ý nghĩa cho các hộ nghèo thuộc vùng sâu vùng xa của tỉnh. Nhân dịp Tết nguyên đán 2021, BVSC đã trao tặng 150 suất quà (tương đương với 45.000.000đ) cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, mỗi phần quà bao gồm các thực phẩm cần thiết như gạo, đường, nước mắm, bột ngọt,... với mong muốn chia sẻ được phần nào những khó khăn cho các hộ gia đình.

Ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 tại huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn

Trong bối cảnh dịch bệnh, huyện Hữu Lũng thuộc tỉnh Lạng Sơn là nơi có nhiều công nhân (khoảng 11.000 người) đang làm việc tại các khu công nghiệp lớn tại tỉnh Bắc Giang với nhiều ổ dịch được phát hiện.

Với tinh thần chung tay phòng chống lây lan dịch trên diện rộng, nêu cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV công ty, BVSC đã ủng hộ 50.000.000đ cho công tác khoanh vùng, dập dịch trên địa bàn huyện Hữu Lũng, giúp cơ quan địa phương có nguồn kinh phí phục vụ trang thiết bị, truy vết, xét nghiệm... trong công tác chống dịch.

Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL

| STT | Tên chỉ tiêu | Giá trị | Điểm số 2020 | Điểm số 2021 | Trọng số |
|-----|---|---|--------------|--------------|----------|
| 1 | Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT | Trên 5 năm | 100 | 100 | 4% |
| 2 | Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc | Trên 5 năm | 100 | 100 | 6% |
| 3 | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT | Trên 7 năm | 100 | 100 | 4% |
| 4 | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc | Trên 7 năm | 100 | 100 | 6% |
| 5 | Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/ tổng số các vị trí này | Trên 20% | 0 | 0 | 4% |
| 6 | Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán | Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế. | 100 | 100 | 5% |
| 7 | Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động | Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế. | 100 | 100 | 5% |
| 8 | Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ | Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả. | 100 | 100 | 5% |
| 9 | Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán | Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ | 100 | 100 | 5% |
| 10 | Mức độ minh bạch của thông tin tài chính | Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố | 100 | 100 | 6% |

| STT | Tên chỉ tiêu | Giá trị | Điểm số 2020 | Điểm số 2021 | Trọng số |
|---------------------|--|--|--------------|--------------|----------|
| 11 | Số năm hoạt động | Lớn hơn 7 năm | 100 | 100 | 6% |
| 12 | Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở) | Từ 2% đến dưới 5% | 80 | 80 | 8% |
| 13 | Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin | Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS | 80 | 80 | 5% |
| 14 | Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung | Nhóm còn lại | 70 | 50 | 5% |
| 15 | Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ) | Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao | 100 | 100 | 4% |
| 16 | Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất | Trên 20% | 80 | 100 | 6% |
| 17 | Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | Không sử dụng | 100 | 100 | 5% |
| 18 | Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất | Không có vi phạm | 100 | 100 | 6% |
| 19 | Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty | 4 nghiệp vụ | 100 | 100 | 5% |
| Tổng điểm số | | | 90,7 | 90,9 | |

Phụ lục II: điểm yếu tố tài chính theo CAMEL

| STT | Chỉ tiêu Tài chính theo Camel | Tỷ lệ | | Áp điểm | | Trọng số |
|---------------------|---|----------|----------|-----------|-----------|----------|
| | | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2020 | Năm 2021 | |
| 1 | C1 = VCSH/TTS | 54,9% | 37,5% | 80 | 20 | 10% |
| 2 | C2 = VCSH/VPĐ | 749,9% | 857,8% | 100 | 100 | 10% |
| 3 | C3 = TL vốn khả dụng | 516,0% | 464,0% | 100 | 100 | 10% |
| 4 | A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ) | 90,29% | 92,25% | 100 | 100 | 5% |
| 5 | A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu) | 3,1% | 1,5% | 80 | 80 | 10% |
| 6 | A3 = Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS | 0,7% | 3,7% | 100 | 100 | 10% |
| 7 | E1 = LNST/Tổng doanh thu | 22,3% | 24,7% | 100 | 100 | 10% |
| 8 | E2 = LNST/VCSH bình quân | 7,2% | 14,1% | 70 | 70 | 10% |
| 9 | L1 = Tỷ lệ TSNH/Nợ NH | 215,1% | 160,1% | 100 | 100 | 15% |
| 10 | L2 = Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn | 44,0% | 23,4% | 100 | 80 | 10% |
| Tổng điểm số | | | | 93 | 85 | |

Điểm xếp loại

| Điểm thành phần | Điểm số 2020 | Điểm số 2021 | Trọng số |
|---------------------------|--------------|--------------|----------|
| Điểm cho yếu tố tài chính | 93 | 85 | 70% |
| Điểm cho yếu tố quản trị | 90,7 | 90,9 | 30% |
| Tổng điểm | 92,31 | 86,77 | |

Điểm theo các yếu tố của CAMEL

| Điểm các yếu tố | Điểm số 2020 | Điểm số 2021 |
|----------------------------|--------------|--------------|
| C (Mức độ đủ vốn) | 93,3 | 73,3 |
| A (Chất lượng tài sản) | 92,0 | 92,0 |
| M (Quản trị) | 90,7 | 90,9 |
| E (Khả năng sinh lời) | 85,0 | 85,0 |
| L (Chất lượng thanh khoản) | 100,0 | 92,0 |

Tổng điểm xếp loại của Công ty

86,8 điểm

BVSC được xếp loại A

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được **xếp loại A** do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt **86,8 điểm**, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú: XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.



06

Báo cáo tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHDKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHDKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.144.451.663.109 VND.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Tuấn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nhữ Đình Hòa | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Quang Hưng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Lê Xuân Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Hoàng Giang Bình | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |

Ban tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nhữ Đình Hòa | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019 |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và

Thông tin chung

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758149/22680108

Kính gửi: Các cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 214 đến trang 286, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc

Báo cáo kiểm toán độc lập

cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Huỳnh Nhật Hưng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 5040-2019-004-1

Báo cáo tình hình tài chính

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 5.502.631.015.506 | 3.057.481.551.720 |
| 110 | I. Tài sản tài chính | | 5.495.078.417.628 | 3.055.091.690.297 |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 5 | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |
| 111.1 | 1.1. Tiền | | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |
| 112 | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 7.1 | 737.876.271.000 | 537.049.359.670 |
| 113 | 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 7.3 | 998.420.757.339 | 140.815.123.288 |
| 114 | 4. Các khoản cho vay | 7.4 | 3.374.602.084.018 | 2.205.552.755.865 |
| 115 | 5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 7.2 | 166.980.951.477 | 141.474.190.977 |
| 116 | 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 7.6 | (59.929.583.989) | (83.321.740.473) |
| 117 | 7. Các khoản phải thu | 8 | 28.442.905.266 | 13.948.873.006 |
| 117.1 | 7.1. Phải thu bán các sản phẩm tài chính | | 5.228.700.000 | - |
| 117.2 | 7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 23.214.205.266 | 13.948.873.006 |
| 117.4 | 7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | | 23.214.205.266 | 13.948.873.006 |
| 118 | 8. Trả trước cho người bán | 8 | 5.854.290.376 | 4.872.918.095 |
| 119 | 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 8 | 180.823.047.480 | 3.831.342.787 |
| 122 | 10. Các khoản phải thu khác | 8 | 12.967.497.128 | 17.974.115.345 |
| 129 | 11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 8 | (17.520.262.699) | (15.983.729.699) |
| 130 | II. Tài sản ngắn hạn khác | 9 | 7.552.597.878 | 2.389.861.423 |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 576.073.980 | 197.767.410 |
| 132 | 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | | 816.271.618 | 440.296.625 |
| 133 | 3. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.445.398.955 | 1.751.797.388 |
| 134 | 4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 4.714.853.325 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 216.666.468.119 | 355.511.340.000 |
| 210 | I. Tài sản tài chính dài hạn | | 176.359.811.937 | 304.361.150.719 |
| 212 | 1. Các khoản đầu tư | | 183.499.514.737 | 308.729.149.719 |

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 212.1 | 1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 7.3 | - | 155.743.269.525 |
| 212.4 | 1.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 7.2 | 183.499.514.737 | 152.985.880.194 |
| 213 | 2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn | 7.6 | (7.139.702.800) | (4.367.999.000) |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 15.266.410.605 | 15.663.357.737 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 11.490.519.741 | 12.973.845.649 |
| 222 | 1.1. Nguyên giá | | 39.087.878.799 | 38.831.601.069 |
| 223a | 1.2. Giá trị khấu hao lũy kế | | (27.597.359.058) | (25.857.755.420) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 3.775.890.864 | 2.689.512.088 |
| 228 | 2.1. Nguyên giá | | 18.688.531.090 | 16.316.031.090 |
| 229a | 2.2. Giá trị hao mòn lũy kế | | (14.912.640.226) | (13.626.519.002) |
| 240 | III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | 1.585.715.000 |
| 250 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 25.040.245.577 | 33.901.116.544 |
| 251 | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược - dài hạn | | 1.505.962.340 | 1.116.581.840 |
| 252 | 2. Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 2.355.462.127 | 11.434.414.184 |
| 254 | 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 13 | 21.178.821.110 | 21.350.120.520 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 5.719.297.483.625 | 3.412.992.891.720 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 3.574.845.820.516 | 1.538.249.222.865 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 3.436.050.702.885 | 1.421.265.974.723 |
| 311 | 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | | 2.505.695.690.235 | 895.000.000.000 |
| 312 | 1.1. Vay ngắn hạn | 14 | 2.505.695.690.235 | 895.000.000.000 |
| 318 | 2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 15 | 7.981.798.248 | 5.335.570.233 |
| 320 | 3. Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 6.410.545.384 | 6.482.919.261 |
| 321 | 4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 17.512.000.000 | 14.945.367.272 |
| 322 | 5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 39.562.386.569 | 14.813.780.151 |
| 323 | 6. Phải trả người lao động | | 106.035.660.130 | 40.970.689.958 |

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 324 | 7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 1.662.975.688 | 1.134.201.903 |
| 325 | 8. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 22.519.184.275 | 5.600.310.672 |
| 329 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác - ngắn hạn | 19 | 608.157.437.593 | 417.148.403.422 |
| 330 | 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 47.000.000.000 | 11.500.000.000 |
| 331 | 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 11.601.441.890 | 8.334.731.851 |
| 332 | 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu | 21 | 61.911.582.873 | - |
| 340 | II. Nợ phải trả dài hạn | | 138.795.117.631 | 116.983.248.142 |
| 346 | 1. Trái phiếu phát hành dài hạn | 20 | 100.194.517.884 | 100.251.422.216 |
| 356 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 29.2 | 38.600.599.747 | 16.731.825.926 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.144.451.663.109 | 1.874.743.668.855 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 2.144.451.663.109 | 1.874.743.668.855 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 1.332.095.854.220 | 1.332.095.854.220 |
| 411.1 | 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 722.339.370.000 | 722.339.370.000 |
| 411.1a | 1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 722.339.370.000 | 722.339.370.000 |
| 411.2 | 1.2. Thặng dư vốn cổ phần | | 610.253.166.720 | 610.253.166.720 |
| 411.5 | 1.3. Cổ phiếu quỹ | | (496.682.500) | (496.682.500) |
| 412 | 2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý | 30 | 98.097.052.517 | 47.901.675.608 |
| 414 | 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 59.379.106.210 | 47.769.022.922 |
| 415 | 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 59.379.106.210 | 47.769.022.922 |
| 417 | 5. Lợi nhuận chưa phân phối | | 595.500.543.952 | 399.208.093.183 |
| 417.1 | 5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 539.394.596.105 | 393.844.801.004 |
| 417.2 | 5.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện | | 56.105.947.847 | 5.363.292.179 |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 5.719.297.483.625 | 3.412.992.891.720 |

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|-------------|--------------------|--------------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 002 | 1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | | 10.975.070.000 | 10.975.070.000 |
| 004 | 2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | | 390.400.000 | 390.400.000 |
| 006 | 3. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | | 72.200.145 | 72.200.145 |
| 007 | 4. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu) | | 33.792 | 33.792 |
| 008 | 5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND) | 23.1 | 150.042.180.000 | 162.224.140.000 |
| 009 | 6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND) | 23.2 | 11.236.630.000 | 3.000.030.000 |
| 010 | 7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND) | 23.3 | - | 61.150.000.000 |
| 012 | 8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND) | 23.4 | 174.686.470.000 | 174.686.470.000 |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 021 | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND) | | 33.515.146.677.000 | 28.702.733.325.500 |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND) | | 30.450.558.426.000 | 26.775.577.420.000 |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND) | | 990.197.190.000 | 735.838.250.000 |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND) | | 1.373.800.880.000 | 644.711.310.000 |
| 021.4 | d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND) | | 261.969.860.000 | 120.469.860.000 |
| 021.5 | e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND) | | 438.620.321.000 | 426.136.485.500 |
| 022 | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND) | 23.6 | 41.561.430.000 | 53.178.860.000 |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND) | | 31.339.810.000 | 31.590.860.000 |
| 022.2 | b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND) | | 10.221.620.000 | 21.588.000.000 |

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-------------|-------------------|-------------------|
| 023 | 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND) | | 384.983.446.000 | 370.984.343.400 |
| 024b | 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND) | | 2.436.395.460.000 | 2.566.395.860.000 |
| 026 | 5. Tiền gửi của khách hàng (VND) | | 1.520.073.202.821 | 1.176.052.114.156 |
| 027 | a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) | 23.7 | 589.359.627.581 | 599.761.947.810 |
| 028 | b. Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND) | 23.7 | 926.900.195.324 | 493.104.582.949 |
| 030 | c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND) | | 3.813.379.916 | 83.185.583.397 |
| 031 | 6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) | | 1.490.314.586.561 | 1.062.348.309.557 |
| 031.1 | a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) | 23.8 | 1.481.492.118.883 | 1.061.076.042.795 |
| 031.2 | b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) | | 8.822.467.678 | 1.272.266.762 |
| 032 | 7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND) | | 20.114.979.630 | 3.909.482.426 |
| 035 | 8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND) | | 9.643.636.630 | 109.794.322.173 |

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thùy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 01 | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 223.614.964.605 | 202.218.432.157 |
| 01.1 | 1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 24.1 | 82.272.506.281 | 52.420.543.941 |
| 01.2 | 1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 24.2 | 94.366.484.980 | 76.235.023.711 |
| 01.3 | 1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 24.3 | 46.975.973.344 | 73.562.864.505 |
| 02 | 2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 24.3 | 31.105.614.175 | 6.876.255.827 |
| 03 | 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 24.3 | 361.765.431.577 | 174.088.891.756 |
| 04 | 4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 24.3 | 1.262.622.800 | 3.814.055.000 |
| 06 | 5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 24.4 | 467.669.525.660 | 151.391.863.796 |
| 07 | 6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 24.4 | 28.326.733.881 | 14.621.418.127 |
| 09 | 7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 24.4 | 9.233.492.094 | 5.677.436.990 |
| 10 | 8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 24.4 | 12.696.040.438 | 6.849.895.454 |
| 11 | 9. Thu nhập hoạt động khác | 24.4 | 2.645.622.229 | 2.521.476.224 |
| 20 | Cộng doanh thu hoạt động | | 1.138.320.047.459 | 568.059.725.331 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 21 | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | (94.956.436.467) | (143.062.996.205) |
| 21.1 | 1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 24.1 | (60.652.536.748) | (96.691.008.922) |
| 21.2 | 1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 24.2 | (34.303.899.719) | (46.371.987.283) |
| 24 | 2. Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 25 | 20.620.452.684 | (7.877.940.311) |
| 26 | 3. Chi phí hoạt động tự doanh | | (4.014.518.902) | (3.238.105.143) |
| 27 | 4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | (374.212.365.036) | (122.805.377.182) |
| 28 | 5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | | (765.295.455) | - |
| 31 | 6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | (21.876.135.558) | (15.713.712.945) |
| 29 | 7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | | (18.379.759.357) | (16.325.549.109) |
| 32 | 8. Chi phí các dịch vụ khác | | (15.942.152.048) | (9.379.919.398) |
| 40 | Cộng chi phí hoạt động | | (509.526.210.139) | (318.403.600.293) |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 42 | 1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định | | 8.792.447.997 | 26.090.687.204 |

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--|-------------|--------------------------|-------------------------|
| 50 | Cộng doanh thu hoạt động tài chính | | 8.792.447.997 | 26.090.687.204 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 51 | 1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | - | (287.184) |
| 52 | 2. Chi phí lãi vay | 26 | (108.584.696.879) | (32.741.145.600) |
| 60 | Cộng chi phí tài chính | | (108.584.696.879) | (32.741.432.784) |
| 62 | V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 27 | (177.412.970.802) | (88.631.504.670) |
| 70 | VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | 351.588.617.636 | 154.373.874.788 |
| VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 71 | 1. Thu nhập khác | 28 | 80.406.311 | 311.980.118 |
| 72 | 2. Chi phí khác | 28 | (641.069.458) | (353.585.000) |
| 80 | Cộng kết quả hoạt động khác | | (560.663.147) | (41.604.882) |
| 90 | VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | 351.027.954.489 | 154.332.269.906 |
| 91 | 1. Lợi nhuận đã thực hiện | | 290.965.369.228 | 124.469.233.478 |
| 92 | 2. Lợi nhuận chưa thực hiện | | 60.062.585.261 | 29.863.036.428 |
| 100 | IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) | 29 | (68.083.633.071) | (21.952.112.634) |
| 100.1 | 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | (58.763.703.478) | (19.439.824.724) |
| 100.2 | 2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | (9.319.929.593) | (2.512.287.910) |
| 200 | X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | 282.944.321.418 | 132.380.157.272 |
| | Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế | | 232.201.665.750 | 105.029.408.754 |
| 300 | XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN | 30 | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |
| 302 | 1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |
| 400 | Tổng thu nhập toàn diện | | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |
| 500 XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | | | |
| 501 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 32.2 | 3.042 | 1.376 |

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Tiền chi mua các tài sản tài chính | | (162.638.517.876.841) | (49.815.123.802.880) |
| 02 | 2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính | | 160.914.945.141.392 | 49.045.608.295.553 |
| 04 | 3. Cổ tức đã nhận | | 12.829.543.897 | 55.484.384.749 |
| 05 | 4. Tiền lãi đã thu | | 411.165.336.074 | 204.651.076.732 |
| 06 | 5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK | | (81.050.953.335) | (29.745.683.268) |
| 07 | 6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK | | (90.265.850.888) | (31.988.135.014) |
| 08 | 7. Tiền chi trả cho người lao động | | (245.565.153.709) | (126.494.332.006) |
| 09 | 8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK | | (220.051.107.984) | (70.491.086.448) |
| 11 | 9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 31.933.516.784.039 | 15.896.937.864.431 |
| 12 | 10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (31.631.080.776.484) | (15.432.471.085.593) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (1.634.074.913.839) | (303.632.503.744) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | | (3.890.321.120) | (5.206.260.000) |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (3.890.321.120) | (5.206.260.000) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền vay gốc | | 13.503.606.787.212 | 1.451.000.000.000 |
| 33.2 | 1.1. Tiền vay khác | | 13.503.606.787.212 | 1.451.000.000.000 |
| 34 | 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (11.831.172.096.977) | (1.156.000.000.000) |
| 34.3 | 2.1. Tiền chi trả gốc vay khác | | (11.831.172.096.977) | (1.156.000.000.000) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (56.787.476.480) | (71.519.982.900) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 1.615.647.213.755 | 223.480.017.100 |
| 50 | IV. GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | (22.318.021.204) | (85.358.746.644) |
| 60 | V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 5 | 88.878.481.436 | 174.237.228.080 |
| 61 | Tiền | | 88.878.481.436 | 174.237.228.080 |
| 70 | VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 5 | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |
| 71 | Tiền | | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 221.709.371.906.358 | 57.693.377.697.567 |
| 02 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (213.916.025.806.315) | (56.713.771.038.156) |
| 07 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 40.532.340.826.903 | 22.384.014.426.187 |
| 09 | 4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | | (5.684.928.101) | (4.066.354.560) |
| 12 | 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 10.206.689.960.289 | 4.201.553.399.557 |
| 13 | 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | (10.365.929.664.291) | (4.121.843.082.087) |
| | 7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | 184.670.420.942.248 | 85.284.015.628.852 |
| | 8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | (232.487.162.148.426) | (108.135.376.687.858) |
| 20 | Tăng tiền thuần trong năm | | 344.021.088.665 | 587.903.989.502 |
| 30 | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | | | |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | 1.176.052.114.156 | 588.148.124.654 |
| 32 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 23.7 | 599.761.947.810 | 364.578.483.902 |
| 34 | - Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng | | 493.104.582.949 | 223.301.242.574 |
| 35 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 83.185.583.397 | 268.398.178 |
| 40 | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | | | |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | 1.520.073.202.821 | 1.176.052.114.156 |
| 42 | - Tiền gửi của đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 23.7 | 589.359.627.581 | 599.761.947.810 |
| 43 | - Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 23.7 | 926.900.195.324 | 493.104.582.949 |
| 45 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 3.813.379.916 | 83.185.583.397 |

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số đầu năm | | Số tăng/ (giảm) | | | | Số cuối năm | |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|--|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Ngày 01/01/2020 | Ngày 01/01/2021 | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | Ngày 31/12/2020 | Ngày 31/12/2021 |
| | | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 21 | 1.332.095.854.220 | 1.332.095.854.220 | - | - | - | - | 1.332.095.854.220 | 1.332.095.854.220 |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 722.339.370.000 | 722.339.370.000 | - | - | - | - | 722.339.370.000 | 722.339.370.000 |
| 1.2 Thặng dư vốn cổ phần | | 610.253.166.720 | 610.253.166.720 | - | - | - | - | 610.253.166.720 | 610.253.166.720 |
| 1.3 Cổ phiếu quỹ | | (496.682.500) | (496.682.500) | - | - | - | - | (496.682.500) | (496.682.500) |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 42.517.552.484 | 47.769.022.922 | 5.251.470.438 | - | 11.610.083.288 | - | 47.769.022.922 | 59.379.106.210 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 42.517.552.484 | 47.769.022.922 | 5.251.470.438 | - | 11.610.083.288 | - | 47.769.022.922 | 59.379.106.210 |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | 29 | 30.894.437.854 | 47.901.675.608 | 47.769.867.194 | (30.762.629.440) | 71.031.954.496 | (20.836.577.587) | 47.901.675.608 | 98.097.052.517 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | | 358.607.795.379 | 399.208.093.183 | 132.380.157.272 | (91.779.859.468) | 282.944.321.418 | (86.651.870.649) | 399.208.093.183 | 595.500.543.952 |
| 5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 380.595.251.718 | 393.844.801.004 | 105.029.408.754 | (91.779.859.468) | 232.201.665.750 | (86.651.870.649) | 393.844.801.004 | 539.394.596.105 |
| 5.2 (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện | | (21.987.456.339) | 5.363.292.179 | 27.350.748.518 | - | 50.742.655.668 | - | 5.363.292.179 | 56.105.947.847 |
| TỔNG CỘNG | | 1.806.633.192.421 | 1.874.743.668.855 | 190.652.965.342 | (122.542.488.908) | 377.196.442.490 | (107.488.448.236) | 1.874.743.668.855 | 2.144.451.663.109 |
| II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC | | | | | | | | | |
| Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán | 29 | 30.894.437.854 | 47.901.675.608 | 47.769.867.194 | (30.762.629.440) | 71.031.954.496 | (20.836.577.587) | 47.901.675.608 | 98.097.052.517 |
| TỔNG CỘNG | | 30.894.437.854 | 47.901.675.608 | 47.769.867.194 | (30.762.629.440) | 71.031.954.496 | (20.836.577.587) | 47.901.675.608 | 98.097.052.517 |

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Thông tin về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt - số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

| Tên phòng giao dịch | Địa chỉ |
|---|--|
| 1. Phòng môi giới và giao dịch (Hà Nội) | Tầng 1 – Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội) | 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 3. Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội) | Tầng 10 – Tòa nhà văn phòng Hapulico – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội |
| 4. Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội) | Tầng 12 – Tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội |
| 5. Phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh) | 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| 6. Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh) | 90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |
| 7. Phòng giao dịch Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh) | 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| 8. Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh) | Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh |

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.144.451.663.109 VND, tổng tài sản là 5.719.297.483.625 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn

chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. Cơ sở trình bày

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/lỗ” từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác

định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch trên hệ thống liền kề gần nhất trước ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”).

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|---------------------------------------|--------------------|
| Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm | 70% |
| Từ ba (3) năm trở lên | 100% |

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------|-----------|
| Máy móc thiết bị | 3 - 8 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 8 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 5 năm |
| Tài sản khác | 3 - 5 năm |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.15 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.16 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Trợ cấp hưu trí cho các cán bộ, nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do cơ quan Bảo hiểm Xã hội chi trả. Theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2017, hàng tháng Công ty đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên. Công ty cũng trích 3% mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên để tham gia bảo hiểm y tế.

4.18.2 Bảo hiểm thất nghiệp & Trợ cấp thôi việc và mất việc

- Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng BHTN từ 1% xuống bằng 0% trong 12 tháng.
- Trợ cấp thôi việc: Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.
- Trợ cấp mất việc làm: Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.25 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC (*) do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--|-------------------------------------|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5% | 10% vốn điều lệ |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(*) Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022.

4.26 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ và quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.27 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.29 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |
| Tiền mặt tại quỹ | 232.801.687 | 437.070.639 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK | 66.327.658.545 | 88.441.410.797 |
| TỔNG CỘNG | 66.560.460.232 | 88.878.481.436 |

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

| | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị) | Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND) |
|--------------------------|---|---|
| 1. Của Công ty | | |
| Cổ phiếu | 119.811.702 | 4.844.887.170.485 |
| Trái phiếu | 67.168.473 | 7.690.747.563.709 |
| Chứng khoán khác | 38.309.460 | 901.141.847.790 |
| TỔNG CỘNG | 225.289.635 | 13.436.776.581.984 |
| 2. Của nhà đầu tư | | |
| Cổ phiếu | 13.422.409.614 | 307.602.972.730.530 |
| Trái phiếu | 279.779.846 | 36.620.218.077.798 |
| Chứng khoán khác | 207.050.200 | 2.380.755.240.000 |
| TỔNG CỘNG | 13.909.239.660 | 346.603.946.048.328 |

7. Các loại tài sản tài chính

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cổ phiếu niêm yết | 147.818.216.294 | 208.634.241.010 | 210.442.200.557 | 217.175.554.380 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 1.981.656.200 | 2.813.809.642 | 4.644.228.700 | 1.042.377.861 |
| Chứng chỉ quỹ | 37.795.364.326 | 46.329.470.630 | 66.295.483.783 | 73.283.680.000 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 480.098.749.718 | 480.098.749.718 | 245.547.747.429 | 245.547.747.429 |
| TỔNG CỘNG | 667.693.986.538 | 737.876.271.000 | 526.929.660.469 | 537.049.359.670 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần VND |
| NGẮN HẠN | | | | | | |
| Ghi nhận theo giá trị hợp lý | 16.576.432.682 | 78.132.880.000 | 78.132.880.000 | 16.576.432.682 | 50.539.170.000 | 50.539.170.000 |
| Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 16.576.432.682 | 78.132.880.000 | 78.132.880.000 | 16.576.432.682 | 50.539.170.000 | 50.539.170.000 |
| Ghi nhận theo giá gốc | 88.848.071.477 | 88.848.071.477 | 38.688.942.636 | 90.935.020.977 | 90.935.020.977 | 37.235.731.354 |
| Đầu tư tự doanh khác | 18.496.504.253 | 18.496.504.253 | - | 18.580.504.253 | 18.580.504.253 | - |
| Cổ phiếu | 70.351.567.224 | 70.351.567.224 | 38.688.942.636 | 72.354.516.724 | 72.354.516.724 | 37.235.731.354 |
| TỔNG CỘNG | 105.424.504.159 | 166.980.951.477 | 116.821.822.636 | 107.511.453.659 | 141.474.190.977 | 87.774.901.354 |
| DÀI HẠN | | | | | | |
| Ghi nhận theo giá trị hợp lý | 108.284.163.406 | 169.349.031.737 | 169.349.031.737 | 112.921.040.000 | 138.835.397.194 | 138.835.397.194 |
| Cổ phiếu niêm yết | 15.284.163.406 | 19.316.487.900 | 19.316.487.900 | 19.921.040.000 | 20.515.913.600 | 20.515.913.600 |
| Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 93.000.000.000 | 150.032.543.837 | 150.032.543.837 | 93.000.000.000 | 118.319.483.594 | 118.319.483.594 |
| Ghi nhận theo giá gốc | 14.150.483.000 | 14.150.483.000 | 7.010.780.200 | 14.150.483.000 | 14.150.483.000 | 9.782.484.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 14.150.483.000 | 14.150.483.000 | 7.010.780.200 | 14.150.483.000 | 14.150.483.000 | 9.782.484.000 |
| TỔNG CỘNG | 122.434.646.406 | 183.499.514.737 | 176.359.811.937 | 127.071.523.000 | 152.985.880.194 | 148.617.881.194 |

(*): Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| 1. Tiền gửi có kỳ hạn | | |
| Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | 998.420.757.339 | 140.815.123.288 |
| TỔNG CỘNG | 998.420.757.339 | 140.815.123.288 |
| Dài hạn | | |
| 1. Trái phiếu chưa niêm yết | | |
| Trái phiếu Tổ chức Tín dụng | - | 155.743.269.525 |
| TỔNG CỘNG | - | 155.743.269.525 |

7.4 Các khoản cho vay

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cho vay margin (*) | 2.670.081.302.288 | 1.730.670.665.606 |
| Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán | 704.520.781.730 | 474.882.090.259 |
| TỔNG CỘNG | 3.374.602.084.018 | 2.205.552.755.865 |

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 5.452.733.585.166 VND và 3.582.731.418.078 VND.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

| Các loại tài sản tài chính | Số cuối năm | | | | Số đầu năm | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại VND | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại VND |
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Tài sản tài chính FVTPL | | | | | | | | |
| Ngắn hạn | 667.693.986.538 | 70.381.683.086 | (199.398.624) | 737.876.271.000 | 526.929.660.469 | 23.782.035.116 | (13.662.335.915) | 537.049.359.670 |
| Cổ phiếu niêm yết | 147.818.216.294 | 60.989.910.886 | (173.886.170) | 208.634.241.010 | 210.442.200.557 | 16.792.677.897 | (10.059.324.074) | 217.175.554.380 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 1.981.656.200 | 838.940.339 | (6.786.897) | 2.813.809.642 | 4.644.228.700 | 1.161.002 | (3.603.011.841) | 1.042.377.861 |
| Chứng chỉ quỹ niêm yết | 37.795.364.326 | 8.552.831.861 | (18.725.557) | 46.329.470.630 | 66.295.483.783 | 6.988.196.217 | - | 73.283.680.000 |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 480.098.749.718 | - | - | 480.098.749.718 | 245.547.747.429 | - | - | 245.547.747.429 |
| TỔNG CỘNG | 667.693.986.538 | 70.381.683.086 | (199.398.624) | 737.876.271.000 | 526.929.660.469 | 23.782.035.116 | (13.662.335.915) | 537.049.359.670 |
| Tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý | | | | | | | | |
| Ngắn hạn | 16.576.432.682 | 61.556.447.318 | - | 78.132.880.000 | 16.576.432.682 | 33.962.737.318 | - | 50.539.170.000 |
| Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 16.576.432.682 | 61.556.447.318 | - | 78.132.880.000 | 16.576.432.682 | 33.962.737.318 | - | 50.539.170.000 |
| Dài hạn | 108.284.163.406 | 61.064.868.331 | - | 169.349.031.737 | 112.921.040.000 | 25.914.357.194 | - | 138.835.397.194 |
| Cổ phiếu niêm yết | 15.284.163.406 | 4.032.324.494 | - | 19.316.487.900 | 19.921.040.000 | 594.873.600 | - | 20.515.913.600 |
| Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết | 93.000.000.000 | 57.032.543.837 | - | 150.032.543.837 | 93.000.000.000 | 25.319.483.594 | - | 118.319.483.594 |
| TỔNG CỘNG | 124.860.596.088 | 122.621.315.649 | - | 247.481.911.737 | 129.497.472.682 | 59.877.094.512 | - | 189.374.567.194 |

7.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 59.929.583.989 | 83.321.740.473 |
| Các khoản cho vay | 8.855.327.898 | 29.622.450.850 |
| - Cho vay margin | 8.855.327.898 | 29.622.450.850 |
| Các tài sản tài chính AFS | 51.074.256.091 | 53.699.289.623 |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết | 32.577.751.838 | 35.118.785.370 |
| - Đầu tư tự doanh khác | 18.496.504.253 | 18.580.504.253 |
| Dài hạn | 7.139.702.800 | 4.367.999.000 |
| Các tài sản tài chính AFS | 7.139.702.800 | 4.367.999.000 |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết | 7.139.702.800 | 4.367.999.000 |
| TỔNG CỘNG | 67.069.286.789 | 87.689.739.473 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.7 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

| STT | Loại TSTC | Cơ sở lập dự phòng năm nay | | | Giá trị lập dự phòng năm nay (VND) | Giá trị lập dự phòng năm trước (VND) | Mức (trích lập) / hoàn nhập năm nay (VND) |
|-----|-----------------------------|----------------------------|---------------------------|---|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| | | Số lượng | Giá sổ sách kế toán (VND) | Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND) | | | |
| I | HTM | | 998.420.757.339 | 998.420.757.339 | - | - | - |
| 1 | Hợp đồng tiền gửi | | 998.420.757.339 | 998.420.757.339 | - | - | - |
| II | Các khoản cho vay | | 3.374.602.084.018 | 3.365.746.756.120 | (8.855.327.898) | (29.622.450.850) | 20.767.122.952 |
| 1 | Cho vay margin | | 2.670.081.302.288 | 2.661.225.974.390 | (8.855.327.898) | (29.622.450.850) | 20.767.122.952 |
| 2 | Các khoản cho vay ứng trước | | 704.520.781.730 | 704.520.781.730 | - | - | - |
| III | AFS | 8.686.077 | 102.998.554.477 | 45.699.722.836 | (58.213.958.891) | (58.067.288.623) | (146.670.268) |
| 1 | Ngắn hạn | 7.055.663 | 88.848.071.477 | 38.688.942.636 | (51.074.256.091) | (53.699.289.623) | 2.625.033.532 |
| | Đầu tư tự doanh khác | - | 18.496.504.253 | - | (18.496.504.253) | (18.580.504.253) | 84.000.000 |
| | Cổ phiếu chưa niêm yết | 6.080.663 | 46.351.567.224 | 14.099.442.636 | (32.577.751.838) | (24.690.785.370) | (7.886.966.468) |
| | Cổ phiếu niêm yết | 975.000 | 24.000.000.000 | 24.589.500.000 | - | (10.428.000.000) | 10.428.000.000 |
| 2 | Dài hạn | 1.630.414 | 14.150.483.000 | 7.010.780.200 | (7.139.702.800) | (4.367.999.000) | (2.771.703.800) |
| | Cổ phiếu chưa niêm yết | 1.630.414 | 14.150.483.000 | 7.010.780.200 | (7.139.702.800) | (4.367.999.000) | (2.771.703.800) |
| | TỔNG CỘNG | | 4.476.021.395.834 | 4.409.867.236.295 | (67.069.286.789) | (87.689.739.473) | 20.620.452.684 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. Các khoản phải thu và trả trước cho người bán

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính | 5.228.700.000 | - |
| Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 23.214.205.266 | 13.948.873.006 |
| • Cổ tức, lãi trái phiếu doanh nghiệp | 592.658.460 | 1.305.008.950 |
| • Dự thu lãi tiền gửi | 1.421.098.833 | 1.402.130.538 |
| • Dự thu lãi margin | 21.200.447.973 | 11.241.733.518 |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*) | 180.823.047.480 | 3.831.342.787 |
| Phải thu khác | 12.967.497.128 | 17.974.115.345 |
| | 222.233.449.874 | 35.754.331.138 |
| Trả trước cho người bán | 5.854.290.376 | 4.872.918.095 |
| • Trả trước các bên liên quan | 707.561.455 | - |
| • Người bán H_TC161 | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| • Người bán H_TC144 | 1.447.875.000 | 1.447.875.000 |
| • Khác | 898.853.921 | 625.043.095 |
| | 5.854.290.376 | 4.872.918.095 |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (**) | (17.520.262.699) | (15.983.729.699) |
| TỔNG CỘNG | 210.567.477.551 | 24.643.519.534 |

(*) Bao gồm 172.466.454.599 VND là khoản tiền hoàn ứng trước tiền bán chứng khoán tại ngày 31/12/2021 đang trong quá trình điều chuyển về tài khoản Công ty. Việc điều chuyển tiền hoàn ứng đã được thực hiện tại ngày 04/01/2022.

(**) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán:

| Loại phải thu khó đòi | Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2021 | Số dự phòng đầu năm | Số trích lập trong năm | Số hoàn nhập trong năm | Số dự phòng cuối năm |
|--|---|------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi | 17.520.262.699 | 15.983.729.699 | 1.536.533.000 | - | 17.520.262.699 |
| Các khoản phải thu | 13.272.387.699 | 11.735.854.699 | 1.536.533.000 | - | 13.272.387.699 |
| Khách hàng H_CN1022 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | - | - | 4.000.000.000 |
| Khách hàng H_CN1012 | 1.780.000.000 | 1.780.000.000 | - | - | 1.780.000.000 |
| Khách hàng H_CN1013 | 1.685.000.000 | 1.685.000.000 | - | - | 1.685.000.000 |
| Khác | 5.807.387.699 | 4.270.854.699 | 1.536.533.000 | - | 5.807.387.699 |
| Trả trước cho người bán | 4.247.875.000 | 4.247.875.000 | - | - | 4.247.875.000 |
| Người bán H_TC161 | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 | - | - | 2.800.000.000 |
| Người bán H_TC144 | 1.447.875.000 | 1.447.875.000 | - | - | 1.447.875.000 |
| TỔNG CỘNG | 17.520.262.699 | 15.983.729.699 | 1.536.533.000 | - | 17.520.262.699 |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng | 576.073.980 | 197.767.410 |
| Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | 816.271.618 | 440.296.625 |
| • Chi phí trả trước ngắn hạn | 1.445.398.955 | 1.751.797.388 |
| • Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | 538.292.347 | 651.806.375 |
| • Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm | 99.999.998 | 577.675.000 |
| • Khác | 807.106.610 | 522.316.013 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 4.714.853.325 | - |
| TỔNG CỘNG | 7.552.597.878 | 2.389.861.423 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 32.275.616.842 | 6.250.565.167 | 248.648.500 | 56.770.560 | 38.831.601.069 |
| Mua trong năm | 1.892.821.120 | 1.353.500.000 | - | - | 3.246.321.120 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.906.414.890) | - | (83.628.500) | - | (2.990.043.390) |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 31.262.023.072 | 7.604.065.167 | 165.020.000 | 56.770.560 | 39.087.878.799 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 21.824.222.906 | 3.733.086.077 | 243.675.877 | 56.770.560 | 25.857.755.420 |
| Khấu hao trong năm | 4.095.899.948 | 538.185.661 | 4.972.623 | - | 4.639.058.232 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.815.826.094) | - | (83.628.500) | - | (2.899.454.594) |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 23.104.296.760 | 4.271.271.738 | 165.020.000 | 56.770.560 | 27.597.359.058 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 10.451.393.936 | 2.517.479.090 | 4.972.623 | - | 12.973.845.649 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 8.157.726.312 | 3.332.793.429 | - | - | 11.490.519.741 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 27.388.035.035 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 14.213.213.301 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm VND | Tài sản vô hình khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-----------------|-----------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 13.348.242.834 | 2.967.788.256 | 16.316.031.090 |
| Tăng trong năm | 2.372.500.000 | - | 2.372.500.000 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 15.720.742.834 | 2.967.788.256 | 18.688.531.090 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 10.658.730.746 | 2.967.788.256 | 13.626.519.002 |
| Hao mòn trong năm | 1.286.121.224 | - | 1.286.121.224 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11.944.851.970 | 2.967.788.256 | 14.912.640.226 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 2.689.512.088 | - | 2.689.512.088 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 3.775.890.864 | - | 3.775.890.864 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 11.132.386.440 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11.132.386.440 VND).

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê nhà | - | 9.429.706.626 |
| Chi phí vật dụng văn phòng | 2.174.388.414 | 1.041.862.255 |
| Khác | 181.073.713 | 962.845.303 |
| TỔNG CỘNG | 2.355.462.127 | 11.434.414.184 |

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

| | VND |
|--------------------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 | 21.178.977.487 |
| Tiền lãi đã nhận trong năm | (1.178.977.487) |
| Tiền lãi đã phân bổ trong năm | 1.350.120.520 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 21.350.120.520 |
| Tiền lãi đã nhận trong năm | (1.350.120.520) |
| Tiền lãi đã phân bổ trong năm | 1.178.821.110 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 21.178.821.110 |

14. Vay ngắn hạn

| | Số dư đầu năm VND | Số vay trong năm VND | Số đã trả trong năm VND | Số dư cuối năm VND |
|------------------|------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Vay thấu chi | - | 5.955.867.787.212 | 5.408.172.096.977 | 547.695.690.235 |
| Vay ngắn hạn | 895.000.000.000 | 7.386.000.000.000 | 6.323.000.000.000 | 1.958.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 895.000.000.000 | 13.341.867.787.212 | 11.731.172.096.977 | 2.505.695.690.235 |

Các khoản vay bằng đồng Việt Nam với tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm và lãi suất từ 3,7% đến 7,5%/năm.

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán | 7.309.961.319 | 4.717.498.964 |
| Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 671.836.929 | 618.071.269 |
| TỔNG CỘNG | 7.981.798.248 | 5.335.570.233 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 32.1) | 1.751.390.300 | 521.445.103 |
| Phải trả đặt cọc môi giới mua chứng khoán cho khách hàng | 4.024.930.000 | 4.024.930.000 |
| Đối tượng khác | 634.225.084 | 1.936.544.158 |
| TỔNG CỘNG | 6.410.545.384 | 6.482.919.261 |

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| STT | Chỉ tiêu | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|-----|---|-----------------------|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| 1 | Thuế thu nhập cá nhân | 9.136.605.629 | 179.592.836.351 | (170.073.223.603) | 18.656.218.377 |
| | • Cửa nhân viên Công ty | 1.584.166.883 | 34.771.525.650 | (31.894.850.338) | 4.460.842.195 |
| | • Cửa nhà đầu tư cá nhân | 7.552.438.746 | 144.821.310.701 | (138.178.373.265) | 14.195.376.182 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29.1) | 5.260.339.154 | 58.763.703.478 | (43.675.298.923) | 20.348.743.709 |
| 3 | Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 212.769.742 | 911.288.933 | (649.628.976) | 474.429.699 |
| 4 | Các loại thuế khác | 204.065.626 | 5.531.885.640 | (5.652.956.482) | 82.994.784 |
| | TỔNG CỘNG | 14.813.780.151 | 244.799.714.402 | (220.051.107.984) | 39.562.386.569 |

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải trả chi phí hoạt động môi giới | 1.700.399.730 | 547.111.641 |
| Phải trả phí dịch vụ mua ngoài | 2.662.621.530 | 2.289.911.358 |
| Phải trả tiền lãi vay ngân hàng | 3.836.936.984 | 2.763.287.673 |
| Phải trả tiền lãi cho tổ chức và cá nhân khác | 14.319.226.031 | - |
| TỔNG CỘNG | 22.519.184.275 | 5.600.310.672 |

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả mua chứng khoán tự doanh | - | 104.034.076.405 |
| Đặt cọc môi giới trái phiếu | - | 200.000.000.000 |
| Phải trả hợp đồng quản lý tiền gửi | 605.742.316.469 | 109.326.896.706 |
| Phải trả khác | 2.415.121.124 | 3.787.430.311 |
| TỔNG CỘNG | 608.157.437.593 | 417.148.403.422 |

20. Trái phiếu phát hành dài hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Gốc trái phiếu | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Lãi dự trả theo phương pháp lãi suất thực | 194.517.884 | 251.422.216 |
| TỔNG CỘNG | 100.194.517.884 | 100.251.422.216 |

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm 1.000.000 trái phiếu BVSH2123001 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 100.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do Công ty phát hành theo Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trái phiếu có kỳ hạn hai (02) năm được phát hành với lãi suất quy định trong phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của Công ty.

21. Giao dịch mua bán lại trái phiếu

| Hợp đồng repo (*) | Số đầu năm VND | Bán trong năm VND | Mua lại trong năm VND | Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND | Số dư cuối năm VND |
|-------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------------|---|-----------------------|
| Doanh nghiệp | - | 61.739.000.000 | - | 172.582.873 | 61.911.582.873 |
| TỔNG CỘNG | - | 61.739.000.000 | - | 172.582.873 | 61.911.582.873 |

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với VCBS đối với 500.000 trái phiếu TD1424092 mà Công ty đã bán và cam kết mua lại, chịu lãi suất 2%/năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. Vốn chủ sở hữu

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------------------|--|---|------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 47.769.022.922 | 47.769.022.922 | 47.901.675.608 | 399.208.093.183 | 1.874.743.668.855 |
| Cổ tức trả cho chủ sở hữu | - | - | - | - | - | - | (57.760.116.000) | (57.760.116.000) |
| Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | - | - | - | 11.610.083.288 | 11.610.083.288 | - | (23.220.166.576) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 (*) | - | - | - | - | - | - | (5.671.588.073) | (5.671.588.073) |
| Chênh lệch đánh giá lại AFS | - | - | - | - | - | 50.195.376.909 | - | 50.195.376.909 |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | - | - | - | - | - | - | 282.944.321.418 | 282.944.321.418 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 59.379.106.210 | 59.379.106.210 | 98.097.052.517 | 595.500.543.952 | 2.144.451.663.109 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 04 năm 2021 về phương án sử dụng lợi nhuận năm 2020, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị số tiền 5.671.588.073 VND và đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2020 là 8% (800 VND/cổ phiếu) tính trên giá trị cổ phần đang lưu hành 722.001.450.000 VND, tương đương với số tiền 57.760.116.000 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện trong tháng 10 năm 2021.

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------------------|--|---|------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 42.517.552.484 | 42.517.552.484 | 30.894.437.854 | 358.607.795.379 | 1.806.633.192.421 |
| Cổ tức trả cho chủ sở hữu | - | - | - | - | - | - | (72.200.145.000) | (72.200.145.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 | - | - | - | - | - | - | (9.076.773.592) | (9.076.773.592) |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | - | - | - | - | - | - | 132.380.157.272 | 132.380.157.272 |
| Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | - | - | - | 5.251.470.438 | 5.251.470.438 | - | (10.502.940.876) | - |
| Chênh lệch đánh giá lại AFS | - | - | - | - | - | 17.007.237.754 | - | 17.007.237.754 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 47.769.022.922 | 47.769.022.922 | 47.901.675.608 | 399.208.093.183 | 1.874.743.668.855 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

| | Số lượng cổ phần (*) Đơn vị | Giá trị (*) VND | Tỷ lệ sở hữu % |
|-------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------|
| Tập đoàn Bảo Việt | 43.281.193 | 432.811.930.000 | 59,9% |
| Các cổ đông khác | 28.918.952 | 289.189.520.000 | 40,1% |
| TỔNG CỘNG | 72.200.145 | 722.001.450.000 | 100% |

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

| | Số cuối năm đơn vị | Số đầu năm đơn vị |
|--|-----------------------|----------------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành | 72.233.937 | 72.233.937 |
| Cổ phiếu thường | 72.233.937 | 72.233.937 |
| Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ | 72.233.937 | 72.233.937 |
| Cổ phiếu thường | 72.233.937 | 72.233.937 |
| Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ) | 33.792 | 33.792 |
| Cổ phiếu thường | 33.792 | 33.792 |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 72.200.145 | 72.200.145 |
| Cổ phiếu thường | 72.200.145 | 72.200.145 |

23. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

23.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 148.580.180.000 | 133.800.270.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng | 152.000.000 | 152.220.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 1.310.000.000 | 28.271.650.000 |
| TỔNG CỘNG | 150.042.180.000 | 162.224.140.000 |

23.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng | 11.236.630.000 | 3.000.030.000 |
| TỔNG CỘNG | 11.236.630.000 | 3.000.030.000 |

23.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------|--------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu | - | 61.150.000.000 |
| TỔNG CỘNG | - | 61.150.000.000 |

23.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ phiếu | 72.686.470.000 | 72.686.470.000 |
| Chứng chỉ quỹ | 102.000.000.000 | 102.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 174.686.470.000 | 174.686.470.000 |

23.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 30.450.558.426.000 | 26.775.577.420.000 |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | 990.197.190.000 | 735.838.250.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 1.373.800.880.000 | 644.711.310.000 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 261.969.860.000 | 120.469.860.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 438.620.321.000 | 426.136.485.500 |
| TỔNG CỘNG | 33.515.146.677.000 | 28.702.733.325.500 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

23.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 31.339.810.000 | 31.590.860.000 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 10.221.620.000 | 21.588.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 41.561.430.000 | 53.178.860.000 |

23.7 Tiền của Nhà đầu tư

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 589.359.627.581 | 599.761.947.810 |
| • Của Nhà đầu tư trong nước | 589.050.499.995 | 598.790.891.287 |
| • Của Nhà đầu tư nước ngoài | 309.127.586 | 971.056.523 |
| Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng | 926.900.195.324 | 493.104.582.949 |
| TỔNG CỘNG | 1.516.259.822.905 | 1.092.866.530.759 |

23.8 Phải trả Nhà đầu tư

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | | |
| • Của Nhà đầu tư trong nước | 1.481.492.118.883 | 1.061.076.042.795 |
| • Của Nhà đầu tư nước ngoài | 8.822.467.678 | 1.272.266.762 |
| TỔNG CỘNG | 1.490.314.586.561 | 1.062.348.309.557 |

23.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả phí giao dịch chứng khoán | 3.842.591.744 | 1.499.544.385 |
| Phải trả phí lưu ký chứng khoán | 802.332.620 | 555.361.987 |
| TỔNG CỘNG | 4.644.924.364 | 2.054.906.372 |

24. Doanh thu hoạt động

| STT | Danh mục các khoản đầu tư | Tổng giá trị bán VND | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND | Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND | Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND |
|-----------|---------------------------|---------------------------|---|--|--|
| I | LÃI BÁN | | | | |
| 1 | Cổ phiếu niêm yết | 1.325.480.737.464 | 1.261.879.753.146 | 63.600.984.318 | 27.463.910.523 |
| 2 | Cổ phiếu chưa niêm yết | 12.300.134.000 | 11.364.083.500 | 936.050.500 | - |
| 3 | Chứng chỉ quỹ | 854.148.934.000 | 849.205.103.233 | 4.943.830.767 | 5.640.501.071 |
| 4 | Trái phiếu | 810.241.683.371 | 798.385.800.565 | 11.855.882.806 | 19.063.255.600 |
| 5 | Chứng chỉ tiền gửi | 7.451.704.446.570 | 7.450.768.688.680 | 935.757.890 | 252.876.747 |
| | TỔNG CỘNG | 10.453.875.935.405 | 10.371.603.429.124 | 82.272.506.281 | 52.420.543.941 |
| II | LỖ BÁN | | | | |
| 1 | Cổ phiếu niêm yết | 715.895.092.251 | 740.344.205.497 | (24.449.113.246) | (79.903.859.492) |
| 2 | Cổ phiếu chưa niêm yết | 2.787.255.400 | 7.377.746.000 | (4.590.490.600) | - |
| 3 | Chứng chỉ quỹ | 32.997.941.000 | 34.674.146.272 | (1.676.205.272) | (7.299.052.546) |
| 4 | Trái phiếu | 2.983.896.960.000 | 3.013.672.117.484 | (29.775.157.484) | (9.463.096.884) |
| 5 | Chứng chỉ tiền gửi | 1.974.012.453.492 | 1.974.174.023.638 | (161.570.146) | (25.000.000) |
| | TỔNG CỘNG | 5.709.589.702.143 | 5.770.242.238.891 | (60.652.536.748) | (96.691.008.922) |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

24.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------------------------------|--------------------------------|---------------------|--|--|---|------------------------------------|-------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 42.517.552.484 | 42.517.552.484 | 30.894.437.854 | 358.607.795.379 | 1.806.633.192.421 |
| Cổ tức trả cho chủ sở hữu | - | - | - | - | - | - | (72.200.145.000) | (72.200.145.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 | - | - | - | - | - | - | (9.076.773.592) | (9.076.773.592) |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | - | - | - | - | - | - | 132.380.157.272 | 132.380.157.272 |
| Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | - | - | - | 5.251.470.438 | 5.251.470.438 | - | (10.502.940.876) | - |
| Chênh lệch đánh giá lại AFS | - | - | - | - | - | 17.007.237.754 | - | 17.007.237.754 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 722.339.370.000 | 610.253.166.720 | (496.682.500) | 47.769.022.922 | 47.769.022.922 | 47.901.675.608 | 399.208.093.183 | 1.874.743.668.855 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL | 46.975.973.344 | 73.562.864.505 |
| • Cổ phiếu | 10.271.173.347 | 49.005.960.099 |
| • Lãi từ trái phiếu FVTPL | 36.704.799.997 | 24.556.904.406 |
| Từ tài sản tài chính HTM | 31.105.614.175 | 6.876.255.827 |
| • Trái phiếu | 5.236.730.475 | 5.743.269.525 |
| • Hợp đồng tiền gửi | 25.868.883.700 | 1.132.986.302 |
| Từ các khoản cho vay | 361.765.431.577 | 174.088.891.756 |
| • Cho vay margin | 273.607.678.180 | 149.856.333.190 |
| • Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng | 88.157.753.397 | 24.232.558.566 |
| Từ tài sản tài chính AFS | 1.262.622.800 | 3.814.055.000 |
| • Cổ phiếu | 1.262.622.800 | 3.814.055.000 |
| TỔNG CỘNG | 441.109.641.896 | 258.342.067.088 |

24.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 467.669.525.660 | 151.391.863.796 |
| Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 28.326.733.881 | 14.621.418.127 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 12.696.040.438 | 6.849.895.454 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 9.233.492.094 | 5.677.436.990 |
| Thu nhập hoạt động khác | 2.645.622.229 | 2.521.476.224 |
| • Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá | 22.155.538 | 148.394.789 |
| • Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư | 1.921.084.063 | 1.140.391.618 |
| • Doanh thu khác | 702.382.628 | 1.232.689.817 |
| TỔNG CỘNG | 520.571.414.302 | 181.062.090.591 |

25. (Hoàn nhập)/ chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-------------------------|----------------------|
| (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay kỳ quỹ (Thuyết minh 7.7) | (20.767.122.952) | 183.360.300 |
| Chi phí dự phòng tài sản tài chính AFS | 146.670.268 | 7.694.580.011 |
| TỔNG CỘNG | (20.620.452.684) | 7.877.940.311 |

26. Chi phí lãi vay

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí repo | 172.582.873 | - |
| Chi phí lãi trái phiếu phát hành | 8.443.095.668 | 21.171.943.961 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | - | 537.027.307 |
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 73.624.602.646 | 10.951.436.694 |
| Chi phí lãi vay khác | 26.344.415.692 | 80.737.638 |
| TỔNG CỘNG | 108.584.696.879 | 32.741.145.600 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 120.692.645.928 | 50.316.451.913 |
| • Lương và các khoản phúc lợi | 118.975.705.453 | 48.536.617.278 |
| • BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN | 1.716.940.475 | 1.779.834.635 |
| Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | 12.550.459.449 | 1.829.057.509 |
| Chi phí vật tư văn phòng | 277.266.643 | 304.776.808 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.151.101.419 | 2.352.831.485 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT | 5.856.316.528 | 5.746.241.920 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 5.502.929.937 | 3.537.780.991 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.521.065.462 | 20.793.468.287 |
| Chi phí khác | 12.861.185.436 | 3.750.895.757 |
| TỔNG CỘNG | 177.412.970.802 | 88.631.504.670 |

28. Thu nhập và chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|----------------------|---------------------|
| Thu nhập khác | 80.406.311 | 311.980.118 |
| • Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ | 29.272.727 | - |
| • Thu nhập khác | 51.133.584 | 311.980.118 |
| Chi phí khác | (641.069.458) | (353.585.000) |
| • Chi phí thanh lý TSCĐ | (95.116.110) | - |
| • Chi phí khác | (545.953.348) | (353.585.000) |
| Kết quả hoạt động khác | (560.663.147) | (41.604.882) |

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2020: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 351.027.954.489 | 154.332.269.906 |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận | | |
| Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế | 20.017.634.453 | 413.727.000 |
| Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm | 13.462.937.291 | 17.301.596.873 |
| Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ | 1.673.495.518 | 8.178.054.605 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận | | |
| Thu nhập từ cổ tức | (11.533.796.147) | (52.820.015.099) |
| Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ | (20.767.122.952) | - |
| Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm | (60.062.585.261) | (29.863.036.428) |
| Chi phí chưa được khấu trừ năm trước | - | (343.473.235) |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành | 293.818.517.391 | 97.199.123.622 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 58.763.703.478 | 19.439.824.724 |
| Thuế TNDN phải trả đầu năm | 5.260.339.154 | 3.506.126.079 |
| Thuế TNDN đã trả trong năm | (43.675.298.923) | (17.685.611.649) |
| Thuế TNDN phải trả cuối năm | 20.348.743.709 | 5.260.339.154 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

| | Báo cáo tình hình tài chính | | Báo cáo kết quả hoạt động | |
|--|-----------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ | 14.076.336.616 | 4.756.407.023 | 9.319.929.593 | 2.512.287.910 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác | 24.524.263.131 | 11.975.418.903 | 12.548.844.228 | 4.251.809.439 |
| TỔNG CỘNG | 38.600.599.747 | 16.731.825.926 | 21.868.773.821 | 6.764.097.349 |

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 20% | 20% |
| Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 193.002.998.735 | 83.659.129.628 |
| Trong đó: | | |
| • Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL | 70.381.683.086 | 23.782.035.116 |
| • Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS | 122.621.315.649 | 59.877.094.512 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 38.600.599.747 | 16.731.825.926 |

30. Lũy kế thu nhập toàn diện khác

| Chỉ tiêu | Số đầu năm VND | Số phát sinh trong năm VND | Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND | Số cuối năm VND |
|---|-----------------------|----------------------------------|---|-----------------------|
| Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 59.877.094.512 | 62.744.221.137 | - | 122.621.315.649 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (11.975.418.904) | (12.548.844.228) | - | (24.524.263.132) |
| TỔNG CỘNG | 47.901.675.608 | 50.195.376.909 | - | 98.097.052.517 |

31. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |
| • Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |
| TỔNG CỘNG | 50.195.376.909 | 17.007.237.754 |

32. Những thông tin khác

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- Có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;

- Có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|-----------------------------------|---------------------------|
| Tập đoàn Bảo Việt | Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ | Công ty cùng Tập đoàn |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Bảo Việt Hà Nội | Công ty thành viên (BHBV) |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt | Đơn vị cùng Tập đoàn |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|---|------------------|------------------|
| Tập đoàn Bảo Việt | Phí giao dịch chứng khoán | 337.651.687 | 34.307.074 |
| | Phí lưu ký | 231.473.236 | 223.642.196 |
| | Phí cung cấp báo cáo | 87.500.000 | 87.500.000 |
| | Phí tư vấn | 100.000.000 | 1.815.000.000 |
| | Phí công nghệ thông tin | (1.662.203.836) | (3.045.329.439) |
| | Cổ tức đã trả | (34.624.954.400) | (43.281.193.000) |
| | Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông | 88.000.000 | 88.000.000 |
| Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ | Phí lưu ký | 623.962.084 | 412.666.909 |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 6.325.617.940 | 5.229.394.357 |
| | Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ | (3.246.317.600) | (2.819.847.888) |
| | Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu | - | 165.000.000 |
| | Thuê văn phòng 94 Bà Triệu | (498.000.000) | (498.000.000) |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt | Phí bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ cấp cao | (18.500.000.000) | - |
| | Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên | (2.810.594.054) | (2.737.750.600) |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 728.482.560 | 522.447.814 |
| | Phí lưu ký | 20.130.017 | 15.849.921 |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt | Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | (1.266.618.141) | (1.564.335.307) |
| | Phí Bảo hiểm ung thư | (239.209.425) | - |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 1.652.273.570 | 109.330.759 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt | Phí lưu ký | 359.672.915 | 3.378.792 |
| | Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi | (6.237.042.857) | (6.233.725.828) |
| | Phí vé máy bay | (108.367.300) | (380.691.800) |
| | Phí cải tạo và lắp đặt nội thất tại số 8 Lê Thái Tổ | (707.561.455) | - |
| | Phí Quản lý tòa nhà 94 Bà Triệu | (104.312.025) | (111.789.589) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Các giao dịch | Số đầu năm | Phát sinh nợ | Phát sinh có | Số cuối năm |
|----------------------------------|---|---------------|---------------|-----------------|-----------------|
| Tập đoàn Bảo Việt | Phí tư vấn chuyển nhượng | (50.000.000) | - | - | (50.000.000) |
| | Dịch vụ CNTT | (761.332.356) | 1.668.468.983 | (1.662.863.820) | (755.727.193) |
| | Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu | 87.500.000 | - | (87.500.000) | - |
| | Quản lý sổ cổ đông, trả cổ tức | - | 88.000.000 | - | 88.000.000 |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt | Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | (521.445.103) | 1.360.734.584 | (1.266.618.141) | (427.328.660) |
| | Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi | - | 4.912.981.217 | (6.237.042.857) | (1.324.061.640) |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt | Đặt cọc thuê nhà | 483.171.840 | - | - | 483.171.840 |
| | Phí Quản lý tòa nhà | - | 104.312.025 | (104.312.025) | - |

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác.

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 1.786.366.004 | 1.510.949.195 |
| Lương của Ban Tổng giám đốc Công ty | 2.053.461.910 | 2.029.225.743 |
| | 3.839.827.914 | 3.540.174.938 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.2 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

| | Năm nay VND | Năm trước (trình bày lại) VND |
|--|------------------|-------------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế - VND | 282.944.321.418 | 132.380.157.272 |
| Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND | 50.742.655.668 | 27.350.748.518 |
| Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND | 232.201.665.750 | 105.029.408.754 |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) - VND | (12.538.889.950) | (5.671.588.073) |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND | 219.662.775.800 | 99.357.820.681 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 72.200.145 | 72.200.145 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND | 3.042 | 1.376 |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ) của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính bằng 6% lợi nhuận sau thuế trong năm sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (trong đó, 5% trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và 1% thưởng Ban quản trị) theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kết toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

32.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đến 1 năm | 11.836.627.888 | 5.406.530.100 |
| Trên 1 - 5 năm | 23.320.428.852 | 8.204.574.400 |
| TỔNG CỘNG | 35.157.056.740 | 13.611.104.500 |

32.4 Thông tin báo cáo bộ phận

| | Môi giới và dịch vụ khách hàng VND | Đầu tư tài sản tài chính VND | Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán VND | Các bộ phận khác VND | Tổng cộng VND |
|---|--|------------------------------------|--|-------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| 1. Doanh thu bộ phận | 847.460.897.328 | 255.983.201.580 | 41.022.774.319 | 2.645.622.229 | 1.147.112.495.456 |
| 2. Chi phí bộ phận | 483.906.074.521 | 99.117.625.637 | 19.145.054.812 | 15.942.152.048 | 618.110.907.018 |
| 3. Chi phí phân bổ | 131.068.710.374 | 39.590.485.194 | 6.344.602.026 | 409.173.208 | 177.412.970.802 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế | 232.486.112.433 | 117.275.090.749 | 15.533.117.481 | (13.705.703.027) | 351.588.617.636 |
| Năm trước | | | | | |
| 1. Doanh thu bộ phận | 357.248.879.746 | 212.908.742.984 | 21.471.313.581 | 2.521.476.224 | 594.150.412.535 |
| 2. Chi phí bộ phận | 171.443.883.212 | 153.995.681.359 | 16.325.549.109 | 9.379.919.398 | 351.145.033.078 |
| 3. Chi phí phân bổ | 53.292.070.637 | 31.760.345.276 | 3.202.951.289 | 376.137.468 | 88.631.504.670 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế | 132.512.925.897 | 27.152.716.349 | 1.942.813.183 | (7.234.580.642) | 154.373.874.787 |

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo rủi ro tháng. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty chủ yếu là các trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công

ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của Công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục. Danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường niêm yết giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 25%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sản chứng khoán biến động +/-10%:

| | Biến động của giá thị trường | Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND) |
|-----------------------------|------------------------------|--|
| 31 tháng 12 năm 2021 | | |
| Kịch bản 1 | +10% | 10.047.382.709 |
| Kịch bản 2 | -10% | (10.047.382.709) |
| 31 tháng 12 năm 2020 | | |
| Kịch bản 1 | +10% | 21.717.555.438 |
| Kịch bản 2 | -10% | (21.717.555.438) |

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: VND

| | Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị | Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị | | | | Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị | Tổng cộng |
|--|--|---|-------------|--------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| | | Dưới 3 tháng | 3 - 6 tháng | 6 - 12 tháng | Trên 1 năm | | |
| 31 tháng 12 năm 2021 | | | | | | | |
| Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định | 998.420.757.339 | - | - | - | - | - | 998.420.757.339 |
| Trái phiếu | - | - | - | - | - | - | - |
| Hợp đồng tiền gửi | 998.420.757.339 | - | - | - | - | - | 998.420.757.339 |
| Tài sản tài chính khác | 3.571.139.043.693 | - | - | - | 390.074.118 | 20.518.364.999 | 3.592.047.482.810 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 21.178.821.110 | - | - | - | - | - | 21.178.821.110 |
| Phải thu cổ tức | 9.261.200 | - | - | - | - | - | 9.261.200 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 3.370.191.756.871 | - | - | - | 79.673.967 | 20.518.364.999 | 3.390.789.795.837 |
| Khác | 179.759.204.512 | - | - | - | 310.400.151 | - | 180.069.604.663 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 66.560.460.232 | - | - | - | - | - | 66.560.460.232 |
| TỔNG CỘNG | 4.636.120.261.264 | - | - | - | 390.074.118 | 20.518.364.999 | 4.657.028.700.381 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Đơn vị: VND

| | Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị | Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị | | | | Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị | Tổng cộng |
|---|--|---|-------------|--------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| | | Dưới 3 tháng | 3 - 6 tháng | 6 - 12 tháng | Trên 1 năm | | |
| 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | | | |
| Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định | 296.558.392.813 | - | - | - | - | - | 296.558.392.813 |
| Trái phiếu | 155.743.269.525 | - | - | - | - | - | 155.743.269.525 |
| Hợp đồng tiền gửi | 140.815.123.288 | - | - | - | - | - | 140.815.123.288 |
| Tài sản tài chính khác | 2.199.949.665.959 | - | - | - | 2.005.044.774 | 16.212.898.081 | 2.218.167.608.814 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 21.350.120.520 | - | - | - | - | - | 21.350.120.520 |
| Phải thu cổ tức | 1.305.008.950 | - | - | - | - | - | 1.305.008.950 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 2.172.376.040.163 | - | - | - | 82.644.674 | 16.212.898.081 | 2.188.671.582.918 |
| Khác | 4.918.496.326 | - | - | - | 1.922.400.100 | - | 6.840.896.426 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 88.878.481.436 | - | - | - | - | - | 88.878.481.436 |
| TỔNG CỘNG | 2.585.386.540.208 | - | - | - | 2.005.044.774 | 16.212.898.081 | 2.603.604.483.063 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đạt bình quân ở mức 527%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

| | Quá hạn | Không có ngày đáo hạn xác định | Đến 01 năm | Từ 01 - 03 năm | Từ 03 - 05 năm | Từ 05 - 15 năm | Trên 15 năm | Tổng cộng |
|---|---------------|--------------------------------|------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|------------------|
| 31 tháng 12 năm 2021 | | | | | | | | |
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | | | | | | |
| Các khoản đầu tư tài chính | - | 386.862 | 1.372.332 | 22.000 | 22.000 | 164.450 | - | 1.967.644 |
| Trái phiếu | - | - | 342.220 | 22.000 | 22.000 | 164.450 | - | 550.670 |
| Hợp đồng tiền gửi | - | - | 1.030.112 | - | - | - | - | 1.030.112 |
| Cổ phiếu | - | 386.862 | - | - | - | - | - | 386.862 |
| Tài sản tài chính khác | 20.518 | 21.179 | 3.550.350 | - | - | - | - | 3.592.047 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | - | 21.179 | - | - | - | - | - | 21.179 |
| Phải thu cổ tức | - | - | 9 | - | - | - | - | 9 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 20.518 | - | 3.370.271 | - | - | - | - | 3.390.790 |
| Khác | - | - | 180.070 | - | - | - | - | 180.070 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | 66.560 | - | - | - | - | 66.560 |
| TỔNG CỘNG | 20.518 | 408.041 | 4.989.243 | 22.000 | 22.000 | 164.450 | - | 5.626.252 |
| NỢ TÀI CHÍNH | | | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | 2.505.696 | - | - | - | - | 2.505.696 |
| Trái phiếu phát hành | - | - | - | 100.195 | - | - | - | 100.195 |
| Chi phí phải trả | - | - | 4.363 | - | - | - | - | 4.363 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | - | - | 7.982 | - | - | - | - | 7.982 |
| Khác | - | - | 65.588 | - | - | - | - | 65.588 |
| TỔNG CỘNG | - | - | 2.583.628 | 100.195 | - | - | - | 2.683.823 |

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. Những thông tin khác (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt tất thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

| | Quá hạn | Không có ngày đáo hạn xác định | Đến 01 năm | Từ 01 - 03 năm | Từ 03 - 05 năm | Từ 05 - 15 năm | Trên 15 năm | Tổng cộng |
|---|---------------|-----------------------------------|------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|------------------|
| 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | | | | |
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | | | | | | |
| Các khoản đầu tư tài chính | - | 424.775 | 158.380 | 22.000 | 22.000 | 175.450 | - | 802.605 |
| Trái phiếu | - | - | 11.000 | 22.000 | 22.000 | 175.450 | - | 230.450 |
| Hợp đồng tiền gửi | - | - | 147.380 | - | - | - | - | 147.380 |
| Cổ phiếu | - | 424.775 | - | - | - | - | - | 424.775 |
| Tài sản tài chính khác | 16.213 | 21.350 | 2.196.817 | - | - | - | - | 2.234.381 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | - | 21.350 | - | - | - | - | - | 21.350 |
| Phải thu cổ tức | - | - | 1.305 | - | - | - | - | 1.305 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 16.213 | - | 2.188.672 | - | - | - | - | 2.204.884 |
| Khác | - | - | 6.841 | - | - | - | - | 6.841 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | 88.878 | - | - | - | - | 88.878 |
| TỔNG CỘNG | 16.213 | 446.125 | 2.444.076 | 22.000 | 22.000 | 175.450 | - | 3.125.864 |
| NỢ TÀI CHÍNH | | | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | 895.000 | - | - | - | - | 895.000 |
| Trái phiếu phát hành | - | - | - | 100.251 | - | - | - | 100.251 |
| Chi phí phải trả | - | - | 2.837 | - | - | - | - | 2.837 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | - | - | 5.336 | - | - | - | - | 5.336 |
| Khác | - | - | 307.598 | - | - | - | - | 307.598 |
| TỔNG CỘNG | - | - | 1.210.771 | 100.251 | - | - | - | 1.311.022 |

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD..

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,4 và 7 tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.144.451.663.109 VND.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Tuấn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nhữ Đình Hòa | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Quang Hưng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Lê Xuân Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Hoàng Giang Bình | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020 |

Ban tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nhữ Đình Hòa | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019 |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo của ban tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công bố của ban tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Số tham chiếu: 60758149/22680108/ATTC

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 293 đến trang 321. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của các kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Số tham chiếu: 60758149/22680108/ATTC

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các văn bản pháp quy áp dụng và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Huỳnh Nhật Hưng

Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 5040-2019-004-1

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ



Ông Nhữ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 4 | 147.201.138.391 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 5 | 87.802.827.243 |
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 6 | 184.013.814.245 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | | 419.017.779.879 |
| 5 | Vốn khả dụng | 7 | 2.049.713.478.341 |
| 6 | Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%) | | 489% |

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ



Ông Nhữ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 4 và 7 tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

| Tên phòng giao dịch | Địa chỉ |
|--|---|
| Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội) | Tầng 1 – Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội) | 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội) | Tầng 10, tòa nhà văn phòng Hapulico – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội |
| Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội) | Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội |
| Phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh) | 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh) | 90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh |
| Phòng giao dịch Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh) | 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh) | Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.144.451.663.109 VND, tổng tài sản là 5.719.297.483.625 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

2. Cơ sở trình bày

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2020/TT-BTC về Quy định chỉ tiêu An toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu An toàn tài chính ("Thông tư 91") thay thế cho Thông tư số 87/2017/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 91 bao gồm:

- Bổ sung, sửa đổi và làm rõ một số chỉ tiêu xác định vốn khả dụng và các giá trị rủi ro;
- Sửa đổi và bổ sung một số nội dung trên mẫu biểu báo cáo an toàn tài chính tương ứng với các thay đổi trên.

Thông tư 91 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị kỳ quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi

ro thị trường));

- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.
- Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:
- Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm khi tính khoản điều chỉnh giảm của phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 91.

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 91, trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư 91;
- Các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định đối với các tài sản được quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư 91, bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Giá trị rủi ro thị trường của chứng khoán chưa phân phối hết từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành, hợp đồng tương lai được xác định theo các công thức cụ thể được trình bày trong Thuyết minh số 3.3.2.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;

- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư 91.

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; mệnh giá và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá từ các báo giá; giá của kỳ báo cáo gần nhất; giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất hoặc giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ ETF

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

e. Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Max {((giá trị thanh toán cuối ngày - Giá trị chứng khoán mua vào) x Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai - Giá trị kỳ quỹ), 0}

Trong đó:

- Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.
- Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà tổ chức kinh doanh chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;
- Giá trị kỳ quỹ là phần giá trị tài sản mà tổ chức kinh doanh chứng khoán kỳ quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

3.3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn; các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.
- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:
Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác
- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành kỳ với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 91.

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

| STT | Loại hình giao dịch | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán |
|-----|--|---|
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91 | Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng). |
| 2 | Cho vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$ |
| 3 | Vay chứng khoán | $\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$ |
| 4 | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$ |
| 5 | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại | $\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$ |
| 6 | Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | $\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$ |

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

| STT | Thời gian | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro |
|---|---|---|
| A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới) | | |
| 1. | Trước thời hạn nhận thanh toán | 0 |
| 2. | Sau thời hạn nhận thanh toán | Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) |
| B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty) | | |
| 1. | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | 0 |
| 2. | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên) hoặc theo quy định cụ thể (đối với chứng khoán phái sinh).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư 91 được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán × 100%

Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định như sau:

| Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán | | Hệ số rủi ro | Giá trị rủi ro thanh toán |
|---|---|--------------|---|
| Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng | chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán | 8% | Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán × Hệ số rủi ro thanh toán |
| | chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán | 100% | |

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản × Giá tài sản × (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

3.4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi khoản cho vay, khoản

phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giảm về đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"), chi phí lãi vay và phần chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Bảng tính giá trị rủi ro thị trường

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|--|------------------|-------------------|-----------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | |
| 1 | 0 | 66.560.460.232 | - |
| 2 | 0 | - | - |
| 3 | 0 | - | - |
| II. Trái phiếu Chính phủ | | | |
| 4 | 0 | - | - |
| 5 | 0 | - | - |
| 5.1 | 3 | - | - |
| 5.1 Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD | | | - |
| III. Trái phiếu tổ chức tín dụng | | | 26.190.858.667 |
| 6.1 | 3 | 93.028.622.222 | 2.790.858.667 |
| 6.2 | 8 | - | - |
| 6.3 | 10 | - | - |
| 6.4 | 15 | 156.000.000.000 | 23.400.000.000 |
| IV. Trái phiếu doanh nghiệp | | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết | | | |
| 7.1 | 8 | - | - |
| 7.2 | 10 | - | - |

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|---|------------------|-------------------|-----------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 7.3 | 15 | - | - |
| 7.4 | 20 | - | - |
| Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết | | | 48.209.470.432 |
| 8.1 | 15 | 32.495.614.426 | 4.874.342.164 |
| 8.2 | 20 | - | - |
| 8.3 | 25 | - | - |
| 8.4 | 30 | - | - |
| 8.5 | 25 | 4.022.513.070 | 1.005.628.268 |
| 8.6 | 30 | 82.765.000.000 | 24.829.500.000 |
| 8.7 | 35 | 50.000.000.000 | 17.500.000.000 |
| 8.8 | 40 | - | - |
| V. Cổ phiếu | | | 62.711.474.188 |
| 9. | 10 | 255.265.861.840 | 25.526.586.184 |
| 10. | 15 | 17.508.012.600 | 2.626.201.890 |
| 11. | 20 | 34.488.647.760 | 6.897.729.552 |
| 12. | 30 | - | - |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Bảng tính giá trị rủi ro thị trường

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|---|------------------|-------------------|-----------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 13. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác | 50 | 55.321.913.124 | 27.660.956.562 |
| VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán | | | 10.088.910.384 |
| 14. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng | 10 | 100.889.103.838 | 10.088.910.384 |
| 15. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ | 30 | - | - |
| VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch | | | 424.720 |
| 16. Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định | 30 | - | - |
| 17. Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo | 20 | - | - |
| 18. Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát | 25 | - | - |
| 19. Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch | 40 | 781.800 | 312.720 |
| 20. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch | 80 | 140.000 | 112.000 |
| VIII. Chứng khoán phái sinh | | | - |
| 21. Hợp đồng tương lai chỉ số | 8 | - | - |
| 22. Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ | 3 | - | - |
| IX. Chứng khoán khác | | | - |
| 23. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn | 25 | - | - |
| 24. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn | 100 | - | - |
| 25. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 8 | - | - |
| 26. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | 10 | - | - |
| 27. Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần | 100 | - | - |

| Các hạng mục đầu tư | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|---|------------------|-------------------|------------------------|
| | (1) | (2) | (3) = (1) x (2) |
| 28. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác | 80 | - | - |
| 29. Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành | | - | - |
| Cách tính: Giá trị rủi ro = $\text{Max}\{((P0 \times Q0 \times k - P1 \times Q1) \times R - MD), 0\}$ | | | |
| 30. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi) | 10 | - | - |
| 31. Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm | 10 | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX) | | | 147.201.138.391 |

5. Bảng tính giá trị rủi ro thanh toán

| | Giá trị rủi ro VND |
|--|-----------------------|
| Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1) | 60.037.157.221 |
| Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2) | 26.375.590.597 |
| Rủi ro với các khoản tạm ứng (Thuyết minh 5.3) | 46.085.918 |
| Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.4) | 1.343.993.507 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 87.802.827.243 |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

| Loại hình giao dịch | Hệ số rủi ro (%) | | Giá trị rủi ro (VND) | | | | Tổng giá trị rủi ro VND |
|---|------------------|------|----------------------|------|----------------|-------------|-------------------------|
| | 0% | 0,8% | 3,2% | 4,8% | 6% | 8% | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | |
| 1. Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*) | - | - | - | - | 59.905.245.440 | 131.911.781 | 60.037.157.221 |
| 2. Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 3. Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 4. Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| 5. Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | - | - | - | - | - | - | - |
| TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN | | | | | | | 60.037.157.221 |

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho Công ty | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|---|-------------------------|
| (1) | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; | 0% |
| (2) | Sở Giao dịch Chứng khoán. Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán Việt Nam | 0,8% |
| (3) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 3,2% |
| (4) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty | 4,8% |
| (5) | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam | 6% |
| (6) | Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác | 8% |

(*) Chi tiết:

| | Giá trị sổ sách VND | Giá trị tài sản đảm bảo VND | Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND | Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác % | Giá trị rủi ro thanh toán VND |
|---|--------------------------|-----------------------------|--|--|-------------------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 998.420.757.339 | - | 998.420.757.339 | 6 | 59.905.245.440 |
| Dự thu cổ tức | 9.261.200 | - | 9.261.200 | 8 | 740.896 |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 1.639.636.063 | - | 1.639.636.063 | 8 | 131.170.885 |
| Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | 61.787.000.000 | - | 61.787.000.000 | 0 | - |
| | 1.061.856.654.602 | - | 1.061.856.654.602 | | 60.037.157.221 |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

| STT | Thời gian quá hạn | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|--|---|------------------|-------------------|-----------------------|
| 1. | 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 16 | - | - |
| 2. | 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 32 | - | - |
| 3. | 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 48 | - | - |
| 4. | Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 100 | 26.375.590.597 | 26.375.590.597 |
| TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN | | | | 26.375.590.597 |

5.3 Rủi ro với các khoản tạm ứng

| STT | Thời gian quá hạn | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|----------------------------|---|------------------|-------------------|--------------------|
| 1. | Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0%-5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán | 8 | 576.073.980 | 46.085.918 |
| 2. | Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán | 100 | - | - |
| TỔNG RỦI RO TẠM ỨNG | | | | 46.085.918 |

5.4 Rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán được điều chỉnh tăng thêm đối với các hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng do tổng giá trị các hợp đồng tại các tổ chức này chiếm từ trên 10% đến trên 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

| STT | Chi tiết tới từng đối tác | Hệ số rủi ro (%) | Quy mô rủi ro VND | Giá trị rủi ro VND |
|------------------------------|---|------------------|-------------------|----------------------|
| 1 | Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 10% | 13.439.935.068 | 1.343.993.507 |
| TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM | | | | 1.343.993.507 |

6. Bảng tính giá trị rủi ro hoạt động

| Chỉ tiêu | Giá trị VND |
|---|------------------------|
| I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31 tháng 12 năm 2021 | 864.248.580.349 |
| II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1) | 128.193.323.370 |
| III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II) | 736.055.256.979 |
| IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III) | 184.013.814.245 |
| V. 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán | 50.000.000.000 |
| TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V}) | 184.013.814.245 |

6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

| | Giá trị VND |
|--|------------------------|
| Chi phí khấu hao | 5.925.179.456 |
| Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp | (20.767.122.952) |
| Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn | 2.771.703.800 |
| Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn khác | (2.625.033.532) |
| Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 34.303.899.719 |
| Chi phí lãi vay | 108.584.696.879 |
| Tổng cộng | 128.193.323.370 |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Bảng tính vốn khả dụng

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------|---|------------------|--------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| | | (1) | (2) | (3) |
| A | Vốn chủ sở hữu | | | |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 722.339.370.000 | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có) | 610.253.166.720 | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | (496.682.500) | | |
| 4 | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn | - | | |
| 5 | Vốn khác của chủ sở hữu | - | | |
| 6 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | 98.097.052.517 | | |
| 7 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 59.379.106.210 | | |
| 8 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 59.379.106.210 | | |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | | |
| 10 | Lợi nhuận chưa phân phối | 595.500.543.952 | | |
| 11 | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản | 84.589.549.488 | | |
| 12 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định | - | | |
| 13 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | | |
| 14 | Các khoản nợ có thể chuyển đổi | | | - |
| 15 | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính | | 26.880.000 | 2.628.464.200 |
| 16 | Vốn khác (nếu có) | | | |
| 1A | Tổng | | | 2.231.642.796.797 |

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|----------|---|------------------|--------------------|---------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| | | (1) | (2) | (3) |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính | | | |
| 1. | Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| 2. | Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | | |
| | • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | 1.515.528.000 | |
| | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | | | |
| 3. | • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | - | |
| 4. | Các khoản cho vay | | | |
| | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | | |
| 5. | • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường | | | |
| | • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | - | |
| 6. | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp | | | |
| | Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) | | | |
| 7. | • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 8. | Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết | | | |
| 9. | Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | | - |
| | Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp | | | |
| 10. | • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống | | | |
| | • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Bảng tính vốn khả dụng

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------|--|------------------|--------------------|-----------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| | | (1) | (2) | (3) |
| | Phải thu nội bộ | | | |
| 11. | <ul style="list-style-type: none"> Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | | | |
| 12. | <ul style="list-style-type: none"> Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | - | |
| | Các khoản phải thu khác | | | |
| 13. | <ul style="list-style-type: none"> Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày | | 5.854.290.376 | |
| 14. | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | | | |
| B | Tài sản ngắn hạn | | | |
| II | Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| | Tạm ứng | | | |
| 1. | <ul style="list-style-type: none"> Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 2. | Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ | | 816.271.618 | |
| 3. | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.445.398.955 | |
| 4. | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 4.714.853.325 | |
| 5. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | |
| 6. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | - | |
| 7. | Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 8. | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 1B | Tổng | | | 14.346.342.274 |

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|------------|---|------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| | | (1) | (2) | (3) |
| C | Tài sản dài hạn | | | |
| I | Tài sản tài chính dài hạn | | | |
| 1. | Các khoản phải thu dài hạn | | - | |
| 2. | Các khoản đầu tư | | | |
| | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | |
| 2.1 | <ul style="list-style-type: none"> Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng | | - | |
| 2.2 | Đầu tư vào công ty con | | - | |
| 2.3 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | - | |
| 2.4 | Đầu tư dài hạn khác | | 127.276.320.000 | |
| II | Tài sản cố định | | 15.266.410.605 | |
| III | Bất động sản đầu tư | | - | |
| IV | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | |
| V | Tài sản dài hạn khác | | | |
| 1. | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 1.505.962.340 | |
| 2. | Chi phí trả trước dài hạn | | 2.355.462.127 | |
| 3. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | - | |
| 4. | Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | | 21178.821.110 | |
| 5. | Tài sản dài hạn khác | | - | |
| VI | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | | | |
| | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC | | - | |
| 1C | Tổng | | | 167.582.976.182 |

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Bảng tính vốn khả dụng

| STT | Nội dung | Vốn khả dụng | | |
|-----------------------------------|---|------------------|--------------------|--------------------------|
| | | Vốn khả dụng VND | Khoản giảm trừ VND | Khoản tăng thêm VND |
| | | (1) | (2) | (3) |
| D | Các khoản ký quỹ đảm bảo | | | |
| 1 | Giá trị ký quỹ | | | |
| 1.1 | Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | - | |
| 1.2 | Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh) | | - | |
| 1.3 | Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm | | - | |
| 2 | Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày | | - | |
| 1D | Tổng | | | - |
| VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D | | | | 2.049.713.478.341 |

Ghi chú:

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3.928.8080 | Fax: (84-24) 3.928.9888

www.bvsc.com.vn